

Marc Joulin

Kinh Lạy Cha



Desclée de Brouwer

KINH LẠY CHA

MARC JOULIN



Marc Joulin, Linh mục dòng Đa-minh, nổi tiếng với tài giảng thuyết và các hoạt động của mình với tư cách một nhà văn và nhà báo, đã viết bài bình luận này với mối quan tâm sâu sắc về tính chính xác của Kinh thánh và mong muốn chia sẻ với đông đảo độc giả ý nghĩa thực sự của một lời cầu nguyện rất phổ biến, nhưng thường bị hiểu lầm về sự phong phú sâu sắc của nó.

MỤC LỤC

Xin dạy chúng con cầu nguyện	7
Lạy Cha chúng con ở trên trời	23
Chúng con nguyện danh Cha cả sáng	40
Nước Cha trị đến	56
Ý Cha thể hiện	78
Dưới đất cũng như trên trời	96
Xin cho chúng con hôm nay lương thực hằng ngày	100
Và tha nợ chúng con, như chúng con cũng tha kẻ có nợ chúng con	114
Xin đừng để chúng con sa chước cám dỗ nhưng cứu chúng con khỏi sự dữ	146
Vì vương quốc, quyền năng và vinh quang đều thuộc về Ngài cho đến đời đời vô cùng. Amen !	161

Tôi không biết mình có nhầm lẫn không, nhưng nhờ ân huệ đặc biệt của lòng nhân từ, một cách cầu nguyện nhất định đã được chỉ định cho chúng ta và được Thiên Chúa đọc từng chữ một, nên với tôi, dường như chúng ta nên sử dụng cách cầu nguyện này cách bình thường hơn so với hiện tại. Và nếu tôi tin vào điều đó, khi vào nhà và rời khỏi bàn ăn, khi thức dậy và đi ngủ, và trong tất cả những hành động cụ thể mà chúng ta thường cầu nguyện, tôi muốn đó là Kinh Lạy Cha mà các Kitô hữu sử dụng ở đó (...) Đó là lời cầu nguyện duy nhất mà tôi sử dụng ở mọi nơi và lặp lại thay vì thay đổi nó. Đó là lý do tại sao tôi nhớ rõ về kinh này như thế.

Montaigne, Các bài luận

Xin dạy chúng con cầu nguyện

Thánh sử Luca thuật lại một ngày kia Chúa Giêsu lui về một mình để cầu nguyện. Khi Người cầu nguyện xong, một trong các môn đệ thưa với Người rằng : «Thưa Thầy, xin dạy chúng con cầu nguyện, cũng như ông Gio-an đã dạy môn đệ của ông». (Lc 11.1),

Những người đầu tiên đi theo Chúa Giêsu là đoàn tùy tùng của Gioan Tẩy Giả, theo lời khẳng định của Gio-an, vị thánh sử : chắc chắn là chính ông, rồi đến hai anh em Anrê và Simon Phêrô, người bạn của họ là Philip và Nathanael, một học giả. Gio-an Tẩy giả có thể dạy họ cầu nguyện như thế nào ? có lẽ là lời cầu xin Thiên Chúa sớm thành lập Vương quốc Thiên Chúa và hoán cải những tội nhân, chủ đề lớn trong bài giảng của ông. Đôi khi có sự ganh đua giữa các môn đệ của Gio-an Tẩy giả và Chúa Giêsu, điều này cũng giải thích một phần lời yêu cầu của môn đệ Chúa Giêsu.

Cầu nguyện ở Do Thái

Không nên quên rằng Chúa Giêsu và các tông đồ của Người, giống như Gioan và những người theo ông, là những người được hình thành theo truyền thống đạo đức của người Do Thái. Điều này tạo ra không gian rộng rãi cho việc cầu nguyện và mang đến cho các tín

hữu nhiều cơ hội để bày tỏ lời cầu xin của mình với Thiên Chúa.

Vào mỗi thứ Bảy, mọi người tụ họp tại các hội đường Do Thái của cộng đồng làng. Hội đường Do Thái có nghĩa là «cuộc họp», giống như từ «nhà thờ» của chúng ta có nghĩa là cộng đồng trước khi có nghĩa là tòa nhà nơi chúng ta họp. Người ta luôn bắt đầu bằng việc chúc tụng Thiên Chúa để cảm tạ mọi ơn lành của Ngài, sau đó họ đọc «Shema Israel», nghĩa là «Hãy lắng nghe, hỡi dân Do Thái». Một loại Kinh Tin Kính được hình thành từ ba đoạn trích dẫn từ sách Đệ Nhị Luật. Đây là khởi đầu :

Hãy lắng nghe, hỡi dân Do Thái !

Chúa là Thiên Chúa chúng ta là Chúa duy nhất.

Vì vậy, người phải yêu Chúa là Thiên Chúa của người bằng cả trái tim, bằng cả cuộc đời và tất cả sức mạnh của bạn.

Hãy để những lời mà ta khuyên người hôm nay luôn hiện hữu trong trái tim người :

người sẽ lặp lại chúng cho con cái người,

người sẽ nói về điều này khi ngồi trong nhà người như đi trên đường,

khi nằm xuống cũng như đứng lên.

Người phải buộc chúng như một dấu hiệu trên tay

người

và chúng sẽ ở giữa hai mắt người như một miếng băng.

Người sẽ viết chúng trên những thanh xà nhà người và trên các cổng thành người.

(Đnl 6.1-9)

Trong lời cầu nguyện riêng, mỗi người Do Thái đều đọc «Shema Yisrael» vào buổi sáng và buổi tối. Ngay cả trẻ nhỏ cũng được dạy phải thêm chữ «Amen» vào lời cầu nguyện của cha mẹ. Một bộ sưu tập những lời cầu nguyện, «Berakoth», cũng được sử dụng hàng ngày và vẫn còn được sử dụng cho đến ngày nay trong các cộng đồng Do Thái. Nó bao gồm những lời cầu nguyện cho mọi hoàn cảnh của cuộc sống, ví dụ như lời cầu nguyện cho thức ăn và đồ uống, lời cầu nguyện không chỉ được đọc trước bữa ăn mà còn trong bữa ăn. Những lời cầu nguyện khác có thể được đọc trước khi đi ngủ hoặc khi chuẩn bị đi xa. Khi đi ngang qua một ngôi mộ, người ta có thể nói :

Người biết số của bạn

sẽ đánh thức bạn dậy và lau sạch bụi khỏi mắt bạn.

Lạy Chúa, Chúa là Đấng khiến kẻ chết sống lại, đáng ngợi khen.

Người ta thường hát thánh ca. Ngay cả những người không biết đọc cũng thuộc lòng nhiều từ. Những bài hát này được hát trong gia đình và trong các buổi họp ở giáo đường Do Thái hoặc tại Đền thờ ở Jerusalem, trung tâm thờ cúng của người Do Thái, nơi có nhiều người tham dự các lễ hội phụng vụ lớn, đặc biệt là vào mùa xuân để kỷ niệm Lễ Vượt Qua, lễ kỷ niệm sự giải thoát của Do Thái khỏi cảnh lưu đày ở Ai Cập.

Không chắc chắn rằng những lời cầu nguyện khác của người Do Thái mà chúng ta biết ngày nay có được sử dụng như vậy vào thời Chúa Giêsu hay không. Cách diễn đạt hiện tại của chúng có thể là mới hơn hoặc đã thay đổi qua nhiều thế kỷ ; nhưng chúng có thể cho chúng ta biết giọng điệu của những lời cầu nguyện mà Chúa Giêsu và bạn hữu của Người biết đến. Chúng hầu như hoàn toàn được biên soạn từ các trích dẫn từ Thánh Vịnh và các tác phẩm Kinh thánh khác.

Do đó, có «Schemoneh Esreh» hay «Lời cầu nguyện của mười tám phước lành», và «Qaddish», «sự thánh hóa Danh Chúa». Để tránh việc phát âm Tên của Thiên Chúa như đã được tiết lộ cho Môi-se, vì người ta cho rằng việc nêu tên ai theo một cách nào đó là để thống trị họ, khi nói về Thiên Chúa, người ta dùng Tên, hoặc thậm chí là Đấng Thánh, với sự tôn kính lớn lao. Chắc

chấn rằng «Qaddish», trong một trong những phiên bản rất cổ xưa của nó, đã truyền cảm hứng cho lời cầu nguyện của Chúa Giêsu, «Kinh Lạy Cha». Ngày nay, người Do Thái thường dùng nghi lễ này để cầu nguyện cho người chết, mặc dù đây chưa phải là phong tục phổ biến.

Sau đây là nội dung văn bản :

Nguyện danh thánh vĩ đại của Ngài được tôn vinh và thánh hóa

trên thế giới Ngài đã tạo dựng theo ý muốn của Ngài, và nguyện Ngài thiết lập vương quốc của Ngài trong suốt cuộc đời Ngài.

và trong những ngày của Ngài và trong cuộc sống của toàn thể nhà Israel

sớm muộn gì cũng đến,

và hãy nói : Amen !

Xin danh thánh của Ngài được chúc tụng mãi mãi

và từ cõi vĩnh hằng này đến cõi vĩnh hằng khác !

Nguyện Ngài được chúc tụng và tôn vinh, được tôn vinh và tôn cao,

được nâng cao và tôn vinh, được tôn vinh và ca ngợi,

Danh Đấng Thánh, đáng ngợi khen thay !

Đáng ở trên mọi phước lành

và của mọi thánh ca, của mọi lời ngợi khen

*và tất cả sự an ủi
được thốt ra trên thế giới,
và hãy nói : Amen !*

*Xin cho lời cầu nguyện và nài xin của toàn thể dân
Do Thái,*

*được Cha trên Trời nhận lời
và hãy nói : Amen !*

*Nguyện xin sự bình an từ thiên đàng đến với chúng
ta,*

*và sự sống, đến với chúng ta và toàn thể dân Do Thái,
và hãy nói : Amen !*

*Nguyện Đấng thiết lập hòa bình trên nơi cao của
Ngài*

*thiết lập hòa bình đó trên chúng ta và trên toàn thể
dân Do Thái,*

và hãy nói : Amen !

Những lời cầu nguyện này thật đẹp. Tuy nhiên, nhiều giáo sĩ khuyên các tín đồ, những người ngoan đạo và trung thành với Lễ Luật, không nên thỏa mãn với điều này và hãy cầu nguyện bằng những lời đơn giản thay vì những công thức có sẵn. Các giáo sĩ cũng khuyên họ nên suy ngẫm trong im lặng về Lời Chúa. Chúa Giêsu đã áp dụng phần lớn những lời dạy này và chính Người đã đưa ra một ví dụ thuyết phục về một lời cầu nguyện tuyệt vời.

Hãy cầu nguyện như Chúa Giêsu

Nếu các môn đệ yêu cầu Chúa Giêsu dạy họ một công thức cầu nguyện mới, thì không phải vì họ thiếu công thức đó cho lời cầu nguyện cá nhân hay cộng đồng. Và đó cũng không phải là nguyên nhân duy nhất gây ra sự ghen tị nhỏ nhen đối với các môn đệ của Gioan Tẩy Giả. Đúng hơn, đó là vì họ ấn tượng với cách mà Thầy của họ cầu nguyện và họ mong muốn cầu nguyện giống như Người. Tất cả các vị thánh sử đều đề cập đến lời cầu nguyện của Chúa Giêsu và nhất trí của bốn lời chứng của họ, mặc dù mỗi người đều bày tỏ theo cách riêng, nên được nhấn mạnh : thái độ cầu nguyện của Chúa Giêsu chứa đựng điều gì đó mới mẻ và bí ẩn khiến các môn đệ của Người bối rối.

Ngay từ đầu câu chuyện, Thánh Mác-cô đã ghi nhận rằng Chúa Giêsu cầu nguyện một mình. Sau những ngày đầu tiên ở Capharnaum, một thành phố quốc tế lớn, nơi Người bắt đầu rao giảng về sự xuất hiện của Vương quốc Thiên Chúa và đặc biệt là chữa lành người bệnh, Người muốn thoát khỏi đám đông tò mò quây rối Người: «Sáng sớm, lúc trời còn tối mịt, Người đã dậy, đi ra một nơi hoang vắng và cầu nguyện ở đó» (Mc 1. 35). Thánh Mác-cô cũng lưu ý rằng khi chào đón những đứa trẻ nhỏ, «Rồi Người ôm lấy các trẻ em và đặt tay

chúc lành cho chúng» (Mc 10.16). Lời chúc phúc cho trẻ em này là một hình thức cầu nguyện tự phát, soi sáng những cảm xúc sâu thẳm nhất của Người : nhà thuyết giáo nhiệt thành này, không khoan nhượng trước chủ nghĩa tuân thủ và sự giả hình, cũng là người có thể nói một cách chân thật : «Tôi có lòng hiền hậu và khiêm nhường» (Mt 11.29).

Thánh Lu-ca đôi khi được gọi là vị thánh sử truyền bá lời cầu nguyện, vì ông là người nhấn mạnh nhất đến tấm gương của Chúa Giêsu về vấn đề này. Ông lưu ý, giống như Thánh Mác-cô, về cường độ cầu nguyện cá nhân của Chúa Giêsu, đầu tiên là sau khi Người chịu phép rửa tội (Mt 3.21) và cả sự ngờ vực của Người đối với sự nhiệt tình phù du của những người đầu tiên ngưỡng mộ Chúa Giêsu, quan tâm nhiều đến phép lạ hơn là sự hoán cải và đức tin : «Đám đông lũ lượt tuôn đến để nghe Người và để được chữa bệnh. Nhưng Người lui vào nơi hoang vắng mà cầu nguyện». (Lc 5.16). Thời gian sau, trước cơn thịnh nộ của các giáo sĩ và người Phariseu, tức giận vì đã thấy một người bại liệt được chữa lành vào ngày Sa-bát và vào đêm trước một quyết định quan trọng, sự lựa chọn mười hai tông đồ, «Người ra núi cầu nguyện. Người thức suốt đêm để cầu nguyện cùng Thiên Chúa» (Lc 6.12).

Trước cảnh trọng đại về sự biến hình của Chúa Giêsu, Thánh Lu-ca nói rõ rằng nếu Người đem các môn đệ lên núi, tránh xa đám đông, là để cầu nguyện (Lc 9.28). Vào thời điểm hóa bánh ra nhiều, Chúa Giêsu được mô tả trong một thái độ phụng vụ, Người ngước mắt lên trời, nghĩa là hướng về Thiên Chúa chứ không phải hướng về Giêrusalem như thường lệ, và long trọng ban phép lành cho những chiếc bánh trước khi bẻ ra và phân phát trong một cử chỉ rõ ràng là công bố hồng ân Thánh Thể (Lc 9.16). Thánh Lu-ca hiểu rằng lời cầu nguyện có thể là nguồn vui : trong một tình tiết, cũng được Thánh Mát-thêu tường thuật nhưng ngắn gọn hơn, khi các tông đồ trở về tràn đầy niềm vui sau chuyến truyền giáo đầu tiên, ông viết : «Ngay lúc đó, Chúa Giêsu hân hoan trong Chúa Thánh Thần và nói : ‘Lạy Cha, Chúa tể trời đất, con ngợi khen Cha, vì Cha đã giấu những điều này khỏi những người khôn ngoan và thông sáng, nhưng lại mặc khải cho những người bé mọn. Lạy Cha, đó là sự lựa chọn tình yêu của Cha’» (Mt 10.21).

Giống như các vị thánh sử khác, Thánh Gio-an đã ghi nhận mong muốn của Chúa Giêsu về sự tĩnh lặng trên núi, tránh xa đám đông (Ga 6.15). Hơn nữa, ông còn gợi lại cảm xúc của Thầy mình trước ngôi mộ của La-gia-rô : «Chúa Giêsu bật khóc», ông viết một cách giản dị. Sau đó, ông mô tả Chúa Giêsu bắt đầu cầu nguyện:

«Người ngược mắt lên cao», trong cùng một thái độ cầu nguyện này mà Thánh Lu-ca đã tường thuật, và Người nói: «Lạy Cha, con cảm tạ Cha vì Cha đã nhậm lời con. Con biết rằng Cha luôn nhậm lời con, nhưng con nói vì đám đông vây quanh con, để họ tin rằng Cha đã sai con» (Ga 11.41-42). Ngay cả trước khi làm cho người bạn của mình sống lại, Chúa Giêsu đã tạ ơn Thiên Chúa vì Người chắc chắn sẽ được lắng nghe và lời cầu nguyện của Người bày tỏ mối quan tâm muốn cứu những người đang ở đó và những người mà Người đã đến vì họ.

Những tình cảm tương tự được diễn tả trong lời cầu nguyện dài mà Thánh Gio-an đặt vào buổi tối cuối cùng mà Chúa Giêsu dành cho các tông đồ của mình, đêm trước cuộc khổ nạn của Người (Ga 17). Chúa Giêsu bắt đầu bằng lời cầu xin, điều này có thể làm chúng ta ngạc nhiên, cho vinh quang của chính Người, nhưng, như toàn bộ bối cảnh cho thấy, sự vinh quang này sẽ là dấu chỉ hữu hình về vinh quang của Thiên Chúa Cha Người, chỉ được thực hiện qua cuộc khổ nạn và thập giá của Người, thậm chí trước khi Người phục sinh ; tóm lại, Chúa Giêsu cầu xin cho kế hoạch cứu rỗi thế giới của Thiên Chúa được hoàn thành :

*Lạy Cha, giờ đã đến :
tôn vinh Con của Cha,
để Con có thể tôn vinh Cha.*

*Vì vậy, Cha đã ban cho Con quyền năng trên mọi xác
thịt,
để bất cứ điều gì Cha đã ban cho Con
Người ban sự sống vĩnh cửu.*

Và Chúa Giêsu phát triển chủ đề theo những giai đoạn rộng, không theo thứ tự chính xác nào, nhấn mạnh vào đức tin của các môn đệ và sự hiệp nhất của họ. Người kết thúc bằng một công thức vừa gần với truyền thống Do Thái vừa rất truyền thống Tin Mừng : việc nhắc đến Danh Chúa phù hợp với truyền thống cổ xưa, lời kêu gọi yêu thương được diễn đạt bằng những thuật ngữ hoàn toàn mới :

*Lạy Cha công chính,
nếu thế giới chưa biết đến Cha,
Con biết Cha,
và những người này biết rằng chính Cha đã sai con.
Con cho họ biết Danh Cha
và Con sẽ cho mọi người biết
để tình yêu mà Cha đã yêu thương Con ở trong họ
và Con ở trong họ (Ga 17.26).*

Trong những giờ phút đau thương của cuộc khổ nạn của Chúa Giêsu, các tác giả Tin Mừng đặc biệt chú ý đến lời cầu nguyện của Người. Vì vậy, Thánh Lu-ca ghi nhận rằng khi Chúa Giêsu và các bạn của Người đến Núi Ô-liu, Người đã mời họ cầu nguyện với Người: «Hãy cầu nguyện để khỏi sa vào cơn cám dỗ» (Lc 22.40). Thánh Mác-cô, thường rất súc tích, viết : «Người mang Phêrô, Giacôbê và Gioan theo. Người bắt đầu bị nỗi sợ hãi và lo lắng chế ngự. Người nói với họ : ‘Tâm hồn Thầy buồn đến chết được. Anh em ở lại đây mà canh thức’. Người đi xa hơn một chút, sắp mình xuống đất mà cầu xin cho mình khỏi phải qua giờ ấy, nếu có thể được. Người nói : ‘Áp-ba, Cha ơi, Cha làm được mọi sự, xin cất chén này xa con. Nhưng xin đừng làm điều con muốn, mà làm điều Cha muốn’». (Mc 14.34-36). Làm sao chúng ta không nhớ rằng Người đã mời gọi các môn đệ của Người nói : «Ý Cha thể hiện !»

Đối với những lời cuối cùng của Đấng Chịu Đóng Đinh, hầu hết đều là những lời cầu nguyện và một số là những câu trích từ thánh vịnh như thể những bài thánh ca được yêu thích này tự nhiên trở lại trên môi Người. Thánh Lu-ca, người đã nhấn mạnh mẽ trong suốt câu chuyện của mình về sự tha thứ cho tội nhân và lòng thương xót của Chúa Cha, đã ghi lại lời cầu bầu cuối cùng của Chúa Giêsu cho những kẻ ngược đãi Người,

minh họa cuối cùng cho lời cầu xin sự tha thứ của «Cha chúng con» : «Lạy Cha, xin tha cho họ, vì họ không biết việc họ làm». (Lc 23.34). Đối với tiếng kêu khảng khiếp : «Lạy Chúa, lạy Chúa, sao Chúa bỏ rơi con ?», không làm giảm bớt nỗi thống khổ tột cùng mà Người thể hiện trong đoạn thứ tư về người bị đóng đinh, chúng ta cũng phải nhớ rằng đó là phần mở đầu của Thánh vịnh 21, kết thúc bằng một sự dâng trào lớn lao của lòng tin và hy vọng. Và Thánh Lu-ca thuật lại lời cuối cùng và lời cầu nguyện cuối cùng của Chúa Giêsu trong một câu thánh vịnh khác : «Lạy Cha, con xin phó thác hồn con trong tay Cha» (Tv 30.6 ; Lc 23.46).

Chắc chắn khi các tông đồ yêu cầu Chúa Giêsu dạy họ cầu nguyện, họ chỉ mới có vài tháng kinh nghiệm cầu nguyện với Người và vẫn chưa thể ngờ được lời cầu nguyện của Người sẽ như thế nào khi đối mặt với nghịch cảnh. Nhưng rõ ràng là ký ức về Lễ Vượt Qua của Thiên Chúa sau đó đã soi sáng cho họ hiểu lời cầu nguyện mà Người đã ban cho họ. Chúng ta có thể nhận ra dấu hiệu này trong thực tế rằng từ đầu thế kỷ thứ hai, văn bản của «Kinh Lạy Cha» được mở rộng bằng một lời tung hô vinh quang gọi lên chiến thắng của Thiên Chúa nơi Con của Ngài là Chúa Giêsu Kitô : «Vì Chúa là sức mạnh và vinh quang đến muôn đời.» Lời tung hô này được tìm thấy trong Sách Khải Huyền như lời ngợi

khen Thiên Chúa và Chiên Con, hình ảnh của Chúa Kitô, và đã được hầu hết các phụng vụ chấp nhận.

Văn bản «Kinh Lạy Cha»

*Bản văn theo thánh
Mát-thêu*

Lạy Cha chúng con ở
trên trời,

chúng con nguyện danh
Cha cả sáng !

Xin hãy đến vương quốc
của Ngài !

Ý Chúa được thực hiện,
trên trời cũng như dưới
đất !

Bánh mì của chúng con
trong ngày,

cho chúng con ngày
hôm nay.

Xin tha thứ cho chúng
con những món nợ

như chúng con cũng đã

tha những kẻ có nợ của
chúng con.

*Bản văn theo thánh Lu-
ca*

Lạy Cha,

chúng con nguyện danh
Cha cả sáng !

Xin hãy đến vương quốc
của Ngài !

Bánh mì của chúng con
trong ngày,

cho chúng con hằng
ngày.

Xin tha thứ tội lỗi của
chúng con

vì chúng con cũng tha
thứ

cho mọi người nợ chúng
con.

Đừng để chúng con vào
thử thách,
nhưng giải thoát chúng
con khỏi Kẻ Ác.

Đừng để chúng con vào
thử thách,

Bản dịch của Sơ Jeanne d'Arc, rất sát với bản gốc tiếng Hy Lạp (các sách Tin Mừng, Desclée de Brouwer).

«Kinh Lạy Cha» được thuật lại cho chúng ta qua Thánh Mát-thêu (6.9-13) và Thánh Lu-ca (11, 2-4). Công thức của Thánh Lu-ca ngắn hơn. Các nhà chú giải đã tiến hành những cuộc điều tra cẩn thận để xác định xem trong hai vị thánh sử, ai có thể diễn đạt gần hơn với lời gốc của Chúa Giêsu, nhưng không thể quyết định một cách chắc chắn. Từ thế kỷ thứ nhất, Didaché là một minh chứng nghiêm túc cho điều này, việc sử dụng văn bản được Thánh Mát-thêu ghi lại đã được áp dụng cho tất cả các Kitô hữu. Thánh Mát-thêu đặt lời dạy về «Kinh Lạy Cha» sau nhiều lời khuyên của Chúa Giêsu về việc cầu nguyện. Ngược với thói quen của người Phariseu, Người mời gọi chúng ta cầu nguyện ngay cả cho kẻ thù của mình : «Hãy cầu nguyện cho những kẻ ngược đãi anh em» (Mt 5.44) và Người nhấn mạnh đến sự khiêm nhường cần thiết cho lời cầu nguyện đích thực: «Khi cầu nguyện, anh em đừng làm như bọn đạo đức giả : chúng thích đứng trong các hội đường và ở

các góc phố cầu nguyện để được xuất hiện trước mặt mọi người. Quả thật, Thầy bảo anh em, chúng đã được trả công rồi! Nhưng khi cầu nguyện, anh em hãy vào phòng, đóng cửa lại và cầu nguyện với Cha của anh em, Đấng hiện diện nơi kín đáo. Và Cha của anh em, Đấng thấy trong nơi kín đáo, sẽ trả công cho anh em.» (Mt 6.5-6).

Phần còn lại của văn bản liên quan đến một số hình thức cầu nguyện của người ngoại giáo ; họ thốt ra những lời không theo trình tự và những câu thần chú dài dòng trong các công thức ma thuật được truyền đạt giữa những người mới nhập môn. Một số người Do Thái có thể muốn bắt chước họ. Sau đó, tông đồ Phao-lô thấy mình phải đối mặt với những khó khăn tương tự với các thành viên trong cộng đồng Cô-rin-tô, những người lạm dụng điều được gọi là nói tiếng lạ hay nói tiếng, ông sẽ phải nói với họ : «Dầu tôi nói được các thứ tiếng của thiên thần và loài người, nhưng không có tình yêu thương, thì tôi chẳng khác gì đồng kêu lên hay chũm chọe vang tiếng» (1 Cr 13.1). Như vậy, ông đã chứng tỏ mình là tiếng vọng trung thành của Chúa Giêsu, Đấng đã phán : «Khi cầu nguyện, anh em đừng lải nhải như dân ngoại ; họ nghĩ rằng : cứ nói nhiều là được nhận lời. Đừng bắt chước họ, vì Cha anh em đã biết rõ anh em cần gì, trước khi anh em cầu xin». (Mt 6.7-8).

Lạy Cha chúng con ở trên trời

Từ nhỏ, những người Kitô hữu đã quen gọi Thiên Chúa là «Cha». Ngoài ra, việc thấy trong Tin Mừng Chúa Giêsu thường gọi Thiên Chúa là «Cha ở trên trời» không làm họ ngạc nhiên và họ có nguy cơ không thể hiểu được tính độc đáo và sức mạnh của tên này. Đối với quá nhiều người trong số họ, Thiên Chúa chẳng qua chỉ là một vị Thiên Chúa tốt lành, mà trong tâm trí họ, vô tình trở thành một ông bố già tốt bụng ! Điều này không giống với các môn đệ của Chúa Giêsu hay những người Kitô hữu đầu tiên, những người thừa hưởng lòng tôn kính và kính trọng mà người Do Thái dành cho không chỉ danh Thiên Chúa mà còn cho tên và sứ mệnh của mỗi người cha trong gia đình.

Ta là cha của dân Do Thái

Người tổ phụ Do Thái được coi là có thẩm quyền không thể bàn cãi, không chỉ đối với con cái của mình mà còn đối với tất cả những người tạo nên gia đình mở rộng, gia tộc hoặc thị tộc. Một sự đoàn kết lớn lao đã gắn kết các thành viên trong gia đình này, già và trẻ, anh em, cháu trai, anh em họ ít nhiều thân thiết và thậm chí cả những người hầu hay nô lệ tự do. Áp-ra-ham là hình mẫu của người đứng đầu gia đình, người sáng lập

ra dân tộc, và là người mà dân Do Thái thời Chúa Giê-su gọi một cách tự hào : «Cha chúng ta là Áp-ra-ham» (Ga 8.53).

Nhưng theo một cách khá kín đáo, các tác phẩm Kinh thánh gọi Thiên Chúa là Cha. Những người ngoại giáo ở Trung Đông phần lớn đều cho rằng họ có những vị thần sáng lập mà họ coi là tổ tiên xác thịt của mình. Một số truyền thuyết về nguồn gốc của những dân tộc này tập trung vào sức mạnh tình dục của các vị thần sáng lập ra họ. Có lẽ người ta tìm thấy một số dấu vết của loại câu chuyện này trong một đoạn văn của sách Sáng thế (6.4), mà thực ra, khá mơ hồ ; nó đề cập đến sự kết hợp của «các con trai của Thiên Chúa» (thiên thần hay ác quỷ ?) với các con gái của loài người, một sự kết hợp mà từ đó những người khổng lồ đã được sinh ra (có lẽ là một ám chỉ khác trong ngôn sứ Ba-rúc 3.26).

Truyền thống bắt nguồn từ Abraham và Môi-se có ý tưởng quá cao về tâm linh và sự siêu việt của Thiên Chúa để giữ lại những quan niệm như vậy và do đó trong một thời gian dài đã tránh nói về một người cha thiêng liêng có thể bị nhầm lẫn với sinh sản xác thịt. Thiên Chúa không phải là tổ tiên, mà là Đấng Sáng Tạo và Giải Phóng, Đấng lập giao ước với dân Ngài. Ngay cả ngày nay, người Do Thái chỉ sử dụng danh từ Cha để

so sánh với Thiên Chúa, trong một bối cảnh không cho phép có sự mơ hồ. Thậm chí còn triệt để hơn, Hội giáo bác bỏ mọi sự gán ghép quyền làm cha cho Thiên Chúa là phạm thánh ; kinh cầu nguyện nổi tiếng của người Hồi giáo về chín mươi chín tên của Thiên Chúa không bao gồm tên của Chúa Cha.

Tuy nhiên, chúng ta có thể đọc trong sách Đệ Nhị Luật những lời này được cho là của Mô-i-se: «Chúa là Thiên Chúa của người đã nâng đỡ người như một người nâng đỡ con trai mình» (Đnl 1.31) và «Chẳng phải Thiên Chúa là Cha người đã sinh ra người sao, đã dựng nên người và nhờ Ngài mà người hiện hữu sao» (Đnl 32.6). Các ngôn sứ, trong thời kỳ hỗn loạn khi các cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn và các cuộc xâm lược của nước ngoài liên tiếp xảy ra, muốn công bố lòng nhân từ của Thiên Chúa đối với dân tộc đang bị thử thách của Ngài. I-sai-a không ngần ngại so sánh tình yêu của Thiên Chúa với tình yêu của một người mẹ dành cho đứa con nhỏ của mình (Is 49.15). Hô-sê so sánh điều này với quyền năng của người chồng, nhưng đặc biệt là quyền năng của người cha. Vì thế, với tư cách là người phát ngôn của Thiên Chúa, ông tuyên bố : «Khi Do Thái còn là một đứa trẻ, Ta đã yêu thương nó, và từ Ai Cập, Ta đã gọi con Ta [...] Ta đã dẫn dắt chúng bằng những ràng buộc của con người, bằng những ràng

buộc của tình yêu : Ta đã đổi xử với chúng như những người nâng một đứa trẻ đang bú lên má mình, Ta cúi xuống và cho nó bú» (Hs 11.1... 4) Giêrêmia tuyên bố rõ ràng như lời của Thiên Chúa : «Ta là cha của Do Thái và Ephraim là con đầu lòng của Ta» (Gr 81.89) và hơn thế nữa : «Ép-ra-im có phải là đứa con Ta yêu dấu, một đứa con Ta rất mực mến yêu ? Vì mỗi lần nhắc tới nó, Ta lại thấy nhớ thương, nên lòng Ta bồi hồi thổn thức, Ta thương nó, thương nó thật nhiều» (Gr 31.20).

Sách Isaia ghi lại trong phần cuối, sau ngôn sứ và có lẽ được viết sau khi trở về từ cuộc lưu đày ở Babylon, một lời cầu nguyện tuyệt đẹp : «Ngài là cha chúng con. Nếu Abraham không nhận ra chúng con, nếu Israel không nhớ đến chúng con, thì lạy Thiên Chúa, Ngài là cha chúng con, là Đấng cứu chuộc chúng con, đây là danh Ngài từ muôn đời» (Is 63.16). Thiên Chúa Thánh, Thiên Chúa Tối Cao, do đó dần dần được nhận thức là một Đấng có tình yêu thương dành cho dân tộc mình mạnh mẽ hơn nhiều so với tình yêu thương của tổ tiên vĩ đại là Áp-ra-ham và Gia-cóp, chân thực hơn tình yêu thương của nhiều người cha trên trái đất.

Do đó, khái niệm về quyền làm cha đang dần được cải thiện, nhưng trên hết vẫn mang tính tập thể. Thiên Chúa là cha của toàn thể nhân loại, nhưng một người

Do Thái ngoan đạo không bao giờ nghĩ đến việc gọi trực tiếp Thiên Chúa là «cha tôi». Một số ít ví dụ được biết đến về cách cầu nguyện này được các giáo sĩ Do Thái thời Chúa Giêsu coi là sự kiêu ngạo và tự phụ. Khi đó người ta có thể nói : «Thiên Chúa đối xử với dân Ngài như một người cha đối xử với con cái mình» ; người ta không thể cầu khẩn Thiên Chúa bằng cách gọi Ngài là «Cha».

Ngài ở trên trời

Danh xưng Cha mà Chúa Giêsu đặt cho Thiên Chúa không xuất hiện ngay trong lời rao giảng của Người. Có vẻ trước tiên Người công bố Vương quốc Thiên Chúa và những điều kiện của nó trước khi truyền đạt cho các môn đệ điều trở thành trọng tâm sứ điệp của Người: Thiên Chúa là Cha. Trên thực tế, chúng ta phải đợi đến chương 5 của sách Thánh Mát-thêu, chương 8 của sách Thánh Mác-cô và chương 6 của sách Thánh Lu-ca mới tìm thấy thuật ngữ này, hơn nữa nó còn được đưa ra mà không có bất kỳ giải thích nào thêm về ý nghĩa của nó. Nhưng đối với các nhà ngôn sứ và hiền triết Do Thái, so sánh đẹp đẽ giữa những điều khác chỉ là khả thi, Chúa Giêsu đã dùng danh hiệu điển tả cho Người và cho chúng ta về thực tại của Thiên Chúa, và trong miệng Người, danh xưng Cha trở nên hoàn toàn tương

đương với danh xưng Thiên Chúa.

Chúa Giêsu đánh dấu sự khác biệt và tính ưu việt của Chúa Cha so với những người cha loài người bằng cách thường gọi Ngài là Cha trên trời, Cha ở trên trời hoặc Cha trên trời. Tất nhiên, cách diễn đạt này không chỉ một địa điểm như thể Thiên Chúa ngự trên những đám mây, trong một cõi siêu nhiên được bao quanh bởi các thiên thần và các thánh, nhưng đối với những người nghe Chúa Giêsu, nó tránh được mọi hiểu lầm. Nói «các tầng trời» là một cách ám chỉ đến Thiên Chúa mà không làm mất đi sự tôn kính mà người ta dành cho Ngài. Vì vậy, khi Gio-an Tẩy giả, sau đó là Chúa Giêsu, bắt đầu rao giảng về sự xuất hiện của Vương quốc Thiên đàng, thì đó chính là Vương quốc của Thiên Chúa, như thánh sử Lu-ca, một người Hy Lạp không quen thuộc với các phong tục Do Thái mà Chúa Giêsu thường tuân thủ, đã chép lại.

«Lạy Cha chúng con ở trên trời» vì thế có ý nghĩa rất tôn kính : «Lạy Cha chúng con là Thiên Chúa» và cũng có nghĩa là «Cha chúng con hoàn toàn khác với các tổ phụ trên đất, Cha chúng con là Đấng Tối Cao, Cha chúng con là Đấng Không Thể Biết và Huyền Nhiệm». Chúa Giêsu cũng dùng trong lời cầu nguyện của mình «Lạy Cha Thánh, Lạy Cha Công Chính» (Ga 17.11 và

25) và những từ ngữ này cho thấy Người đã phát âm cái tên đầy sự tôn kính và dịu dàng này như thế nào : Cha.

«Cha của con» Chúa Giêsu nói

Trước các môn đệ, Chúa Giêsu thường nói về Thiên Chúa, gọi Ngài bằng một cách rất đơn giản và thân mật là «Cha của con», điều mà chưa một ngôn sứ nào dám làm trước Người. Ví dụ, khi Phêrô thưa với Người: «Thầy là Đấng Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống !» Người đáp : «Phước cho con, Simon con ông Giônã, vì không phải xác thịt và máu huyết mạc khải cho con, nhưng là Cha Thầy, Đấng ngự trên trời» (Mt 16.16-17). Trong một bối cảnh khác, Lu-ca nói rằng Người hân hoan trong Chúa Thánh Thần, Người thốt lên : «Mọi sự đã được Cha tôi giao phó cho tôi : và không ai biết Con là ai, trừ Chúa Cha, cũng như không ai biết Cha là ai, trừ Chúa Con, và Chúa Con muốn mạc khải cho ai» (Lc 10.22). Trong lời cầu nguyện của mình, đôi khi Chúa Giêsu dùng từ Aram «Abba», có thể dịch là một từ quen thuộc và triu mến như «Cha ơi» (Mc 14.36).

Như vậy, qua lời nói và gương cầu nguyện, Người mạc khải cho các tông đồ biết rằng Thiên Chúa là Cha của Người theo một cách rất đặc biệt và giữa Thiên Chúa và Người tồn tại một mối quan hệ sống động độc nhất. Do đó, các môn đệ của Người dần hiểu rằng Người

còn hơn cả một ngôn sứ, mà chính một người ngoại đạo, viên đại đội trưởng La Mã đã chứng kiến Người chết trên cây thập tự, là người đầu tiên tuyên bố, có lẽ là không cân nhắc phạm vi chính xác của lời mình nói : «Thật vậy, người này là con Thiên Chúa !» (Mc 15.39).

Trong bốn tác giả Tin Mừng, chắc chắn Thánh Gio-an là người đã ghi nhớ và nhấn mạnh tốt nhất mọi điều có thể làm sáng tỏ mối quan hệ phụ tử đặc biệt giữa Chúa Giêsu và Thiên Chúa. Vì vậy, ông thuật lại sự kinh ngạc của những người nghe khi Chúa Giêsu nói với họ : «Ta và Chúa Cha là một» (Ga 10.30). Kẻ thù của Người đã không nhầm ; họ giận dữ trách Người : «Ông là người mà lại tự cho mình là Thiên Chúa !» (Ga 10.33). Trong suốt câu chuyện của mình, Thánh Gio-an tiết lộ chiều sâu tình cảm của Chúa Giêsu đối với Chúa Cha và sự tương hỗ của chúng, chẳng hạn với những lời này của Thầy mình : «Người Con không thể tự mình làm bất cứ điều gì mà Người không thấy Chúa Cha làm. Vì những gì Cha làm, thì Con cũng làm như vậy. Vì Chúa Cha yêu Chúa Con và cho Chúa Con thấy mọi điều Ngài làm» (Ga 5.19).

Tiếp tục suy tư trong lá thư thứ nhất của mình, Thánh Gioan gọi Chúa Giêsu là Lời sự sống, là Lời hằng sống ban sự sống và là Sự sống vĩnh cửu nhập thể trong

Người, và ông viết : «Chúng tôi loan báo cho anh em Sự sống vĩnh cửu hướng về Chúa Cha và đã được biểu lộ cho chúng ta» (1 Ga 1.2). So sánh với phần đầu của Tin Mừng cho phép chúng ta tiếp cận ý nghĩa của nó: «Lúc khởi đầu là Ngôi Lời, và Ngôi Lời hướng về Thiên Chúa, và Ngôi Lời là Thiên Chúa». Thuật ngữ «hướng» rất khó dịch sang tiếng Pháp : nó mang ý tưởng về một chuyển động hướng về ai đó ; Chúa Cha và Ngôi Lời của Ngài, mà sau đó Thánh Gio-an luôn gọi là Chúa Con, không phải là bất động đối lập với nhau, mà trong cuộc đối thoại liên tục, trong sự giao tiếp sống động, trong sự trao đổi liên tục của sự sống và tình yêu. Chắc chắn là không thể diễn đạt chính xác những gì liên quan đến chính sự sâu thẳm của Thiên Chúa. Nhưng sự suy ngẫm của Kitô giáo đã được nuôi dưỡng ngay từ khi mới ra đời nhờ những lời khẳng định tuyệt vời này, trong đó Tin Mừng của Thánh Gio-an là ví dụ đầu tiên và tuyệt vời nhất. Chính những khẳng định, khi tham gia vào việc suy tư về Chúa Thánh Thần, đã làm sáng tỏ mầu nhiệm Chúa Ba Ngôi, tức là mầu nhiệm về sự sống mật thiết của Thiên Chúa.

Vì vậy, điều này gần như là nghịch lý khi nói rằng Thiên Chúa là Cha không phải là giải pháp đơn giản mà chúng ta tự đưa ra cho mình. Sự khẳng định như vậy ngụ ý rằng từ muôn đời, Thiên Chúa đã có một

Người Con, là Đấng mà Thánh Gioan gọi là Con một (Ga 1.18), Đấng mà Ngài yêu thương và đáp lại tình yêu của Ngài. Ngay cả ngày nay, quan niệm như vậy dường như không phù hợp với người Do Thái và người Hồi giáo với nguyên tắc về sự duy nhất và sự đơn giản tuyệt đối của Thiên Chúa. Người Kitô hữu tin rằng nó bộc lộ vẻ đẹp yêu thương của Thiên Chúa nhiều hơn bất kỳ ai có thể ngờ tới. Và chính từ tình yêu vô bờ bến này mà Thánh Linh được tuôn đổ, hơi thở sống động của Chúa Cha và Chúa Con, Thánh Linh Sáng Tạo cho phép mỗi người không chỉ tồn tại mà còn yêu mến hình ảnh và giống Chúa Cha. Tình yêu không thể hiểu thấu nhưng vẫn là tình yêu có thể nhận ra và cảm nhận được trong trái tim của mỗi tín đồ như Thánh Gio-an đảm bảo với chúng ta : «Thiên Chúa đã ban Thánh Thần của Ngài cho chúng ta, chúng ta đã thấy và làm chứng rằng Chúa Cha đã sai Con Người đến làm Cứu Chúa của thế gian. Bất kỳ ai tuyên xưng rằng Chúa Giêsu là Con Thiên Chúa, thì Thiên Chúa ngự trong người ấy và người ấy ngự trong Thiên Chúa. Và chúng ta đã biết và tin vào tình yêu mà Thiên Chúa dành cho chúng ta» (1 Ga 4.13-16).

Anh em là con cái Thiên Chúa

Do đó, việc suy ngẫm về thiên chức làm cha của Thiên Chúa mở ra cho những người tin vào Chúa Giêsu Kitô cùng lúc với mầu nhiệm Chúa Ba Ngôi và mầu nhiệm được Thiên Chúa nhận làm con cái của Ngài. Sự suy ngẫm tiết lộ cho họ biết Chúa là Cha Chí Thánh, Đáng mà người ta không thể mô tả hoặc tiếp cận được nếu chính Ngài không lấy tự tỏ cho thấy Ngài là Đáng Rất Gần : «Không phải chúng ta đã yêu mến Thiên Chúa, nhưng chính Ngài đã yêu thương chúng ta» (1 Ga 4.10).

Vào sáng lễ Phục sinh, trước ngôi mộ trống, Chúa Giêsu phục sinh đã nói với Maria Mađalêna : «Thôi, đừng giữ Thầy lại, vì Thầy chưa lên cùng Chúa Cha. Nhưng hãy đi gặp anh em Thầy và bảo họ : ‘Thầy lên cùng Cha của Thầy, cũng là Cha của anh em, lên cùng Thiên Chúa của Thầy, cũng là Thiên Chúa của anh em’» (Ga 20.17). Chỉ riêng tại thời điểm này, Chúa Giêsu đã gọi bốn môn đệ của Người là anh em. Chính qua Lễ Vượt Qua của Người mà họ trở nên như vậy và Người đã cho họ quyền nói với Thiên Chúa trong tinh thần và chân lý : Cha chúng con. Và Thánh Gio-an sẽ rút ra kết luận bằng cách viết trong lời mở đầu Tin Mừng của mình : «Còn những ai đón nhận, tức là những ai tin vào danh Người, thì Người cho họ quyền trở nên con

Thiên Chúa» (Ga 1.12). Và trong lá thư đầu tiên của mình: «Hãy xem Chúa Cha đã ban cho chúng ta tình yêu thương lớn lao biết bao, đến nỗi chúng ta được gọi là con cái Thiên Chúa, vì chúng ta thực sự là con cái Ngài ! » (Ga 3.1).

Tương tự như vậy, Phao-lô kêu lên với niềm vui : «Anh em đã nhận được tinh thần làm con cái, khiến chúng ta kêu lên : Abba, Cha ơi ! Thánh Linh kết hợp với tinh thần chúng ta để làm chứng rằng chúng ta là con cái của Thiên Chúa» (Rm 8.15-16). Bằng phép rửa tội, được tiếp nhận trong đức tin nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, chúng ta được kết hợp vào Chúa Kitô : «Chúng ta đã trở nên một với Người nhờ cái chết giống như Người» (Rm 6.5). Bằng cách cố gắng sống cuộc sống của Chúa Kitô, chú ý đến Thánh Thần và Lời của Người, những người đã chịu phép rửa tội sẽ cư xử như con cái của Thiên Chúa và mỗi ngày họ có thể gọi Người là «Cha» với niềm hy vọng, bởi vì Người Cha trên trời này là một người cha yêu thương, có sự dịu dàng chăm sóc đến gặp gỡ con cái mình, giống như người cha của đứa con hoang đàng, người luôn ngóng chờ trên đường đứa con trở về.

Đúng là Kinh Lạy Cha không chỉ dành cho người Kitô hữu mà bất kỳ người thiện chí nào cũng có thể đọc. Là Đấng Tạo Hóa của muôn vật, Thiên Chúa là Cha của mọi người, của cả người ngoại đạo lẫn người Do Thái, của cả người không tin lẫn người tin trong mọi giáo hội ; Ngài khiến mặt trời mọc lên soi sáng cả người thiện lẫn kẻ ác. Khi Chúa Giêsu nói rằng Thiên Chúa là Cha, Người khẳng định rằng Ngài là Đấng duy nhất xứng đáng với danh hiệu này và danh hiệu đó chỉ dành riêng cho một mình Ngài : «Anh em đừng gọi ai ở dưới đất này là cha của anh em, vì Cha anh em ở trên trời chỉ có một» (Mt 23.9). Đây chắc chắn là một nghịch lý, nhưng lại là một nghịch lý rất quan trọng : không phải những người cha loài người, thường không có khả năng thực hiện đúng đắn quyền làm cha đối với con cái, là người mang đến cho chúng ta hình ảnh về quyền làm cha thiêng liêng, mà ngược lại, chính Thiên Chúa mới là nguồn gốc và mẫu mực của mọi quyền làm cha của loài người.

Chúng ta có thể nhân lên những câu trích dẫn trong Tin Mừng mà Chúa Giêsu nói về sự quan tâm của Thiên Chúa, không chỉ đối với mọi người - người công chính hay tội nhân - mà thậm chí đối với các loài chim trời và hoa ngoài đồng. Chỉ những ai đã chịu phép rửa tội trong đức tin vào Chúa Giêsu Kitô, những người đã

trở thành, qua bí tích nước và Thánh Thần, được chính Chúa Giêsu truyền lại, làm con cái Thiên Chúa và anh em của Chúa Kitô, mới có thể đọc Kinh Lạy Cha một cách trọn vẹn ý nghĩa. Đây là lý do tại sao, vừa là lời cầu nguyện mở ra cho toàn thể nhân loại, vừa được công nhận từ thời Giáo hội sơ khai là lời cầu nguyện tuyệt vời nhất của Kitô giáo, là dấu chỉ cầu nguyện cho sự hiệp nhất của tất cả những ai nhận ra mình là con cái Thiên Chúa nhờ ân sủng của Chúa Giêsu Kitô, Chúa và Cứu Chúa của họ.

Cha chúng con của mọi người

Chúa Giêsu gợi ý các tông đồ của Người hãy nói «Cha chúng con», ít nhất là theo phiên bản được Thánh Mát-thêu ghi lại, chứ không chỉ nói «Cha» hoặc «Cha của con». Văn bản của Thánh Lu-ca bắt đầu trực tiếp bằng từ «Cha». Không có gì đáng kể khi những người Kitô hữu đầu tiên vẫn giữ nguyên chữ «của chúng ta». Trong lời cầu nguyện này, theo một cách nào đó đã trở thành lời cầu nguyện chính thức của các môn đệ Chúa Giêsu, tất cả con cái Thiên Chúa có thể nhận ra mình là những người hiệp nhất, là anh em trong đức tin và tình yêu, tất cả đều hiệp nhất bởi mối dây liên kết kỳ diệu của phép rửa tội. Ngay cả những tu sĩ ẩn dật cô đơn nhất, ngay cả những tù nhân bị biệt giam trong ngục tối,

hay những bệnh nhân bị lãng quên nhất trong vô danh của một bệnh viện lớn, cũng có thể nói, phải nói: «Lạy Cha chúng con», vì họ biết rằng họ không cầu nguyện một mình. Họ không chỉ cầu nguyện cho chính mình mà còn hiệp nhất tất cả anh em của mình, gần và xa, những người cùng đọc một lời cầu nguyện trên khắp thế giới. Đây được gọi là các thánh thông công, nghĩa là sự đoàn kết của tất cả con cái Thiên Chúa. Khi một người đàn ông, một người phụ nữ, một đứa trẻ nói : «Lạy Cha chúng con», thì toàn thể Giáo hội mọi thời đại và mọi quốc gia trên thế giới cầu nguyện với họ, qua họ và cho họ.

«Kinh Lạy Cha» là lời cầu nguyện đầu tiên mà các Kitô hữu thích đọc cùng nhau, lời cầu nguyện của mỗi gia đình, lời cầu nguyện của cộng đoàn ngày Chúa Nhật khi cử hành Bí tích Thánh Thể, lời cầu nguyện tự nhiên đến trên môi và trái tim khi một vài Kitô hữu tụ họp lại với nhau : «Nơi nào có hai hoặc ba người họp lại nhân danh Thầy, Chúa Giêsu phán, Thầy sẽ ở giữa họ». Vì vậy, chúng ta không đơn độc khi cầu nguyện, Người cầu nguyện với chúng ta và Người đến, bởi Thánh Thần ban sự sống của Người, để dạy chúng ta cầu nguyện với Cha của Người, là Cha chúng ta, với Thiên Chúa của Người, là Thiên Chúa chúng ta.

99 Tên của Chúa trong Hồi giáo

Chúa (Allah) - Đấng Từ bi - Đấng Thương xót - Vua - Đấng Thánh - Đấng Bình an - Đấng Tin tưởng - Đấng Cảnh giác - Đấng Quyền năng và Quý giá - Đấng Uy nghiêm - Đấng Tuyệt vời - Đấng Sản xuất - Đấng Sáng tạo - Đấng Tha thứ liên tục - Đấng Thông trị - Đấng Ban cho liên tục - Đấng Phân phát (mọi điều tốt lành) - Đấng Chiến thắng và Mặc khải - Đấng Hiểu biết hoàn hảo - Đấng hạn chế - và Đấng mở rộng (cuộc sống và trái tim của những người hầu) - Đấng hạ thấp - và Đấng nâng cao phẩm giá - Đấng ban cho danh dự và sức mạnh - Đấng ban cho sự khiêm nhường và hạ thấp - Đấng nghe - Đấng thấy - Đấng Thẩm phán - Đấng Công lý tối cao - Đấng nhân từ và tinh tế - Đấng sáng suốt - Đấng có tài dịu dàng - Đấng Không thể tiếp cận - Đấng rất bao dung và hay tha thứ - Đấng rất biết ơn (= Đấng cho đi nhiều để đổi lấy ít) - Đấng tối cao - Đấng vĩ đại - Đấng bảo vệ cảnh giác - Đấng nuôi dưỡng - Đấng tính toán đòi hỏi một lời giải trình - Đấng uy nghiêm - Đấng hào phóng - Đấng bảo vệ đồ kỵ - Đấng Toàn Năng (đáp lời cầu nguyện) - Đấng Hiện Diện - Đấng Thông Thái - Đấng Yêu Thương - Đấng Vinh Quang - Đấng Phục Hồi (sẽ làm cho các tạo vật của Ngài sống lại vào Ngày Phục Sinh) - Đấng Làm Chứng - Đấng Chân Lý Thực Sự - Đấng Quản Lý (Đấng được giao phó mọi thứ) - Đấng

Mạnh Mẽ - Đáng Không Thẽ Rúng Động - Đáng Bận bề và Đáng bảo vệ - Đáng đáng ca ngợi - Đáng đêm (biết mọi điều và có quyền năng đối với chúng) - Đáng sáng tạo tuyệt đối - Đáng sáng tạo ra sự sống - Đáng sáng tạo ra cái chết - Đáng sống - Đáng tồn tại, Giàu có (không thiếu thốn điều gì) - Đáng cao quý - Đáng Một và Độc nhất - Đáng Không thể hiểu thấu - Đáng quyền năng - Đáng toàn năng - Đáng đến gần - và Đáng xa ra - Đáng Đầu tiên - Đáng Cuối cùng - Đáng hiển nhiên - Đáng ẩn giấu - Đáng trị vì - Đáng Cao quý - Đáng ban lòng thành kính (từ trái tim và mọi điều tốt lành) - «Đáng ăn năn» (người trở về với những người hầu ăn năn của mình) - Đáng báo thù (người trừng phạt những kẻ không vâng lời) - Đáng tha thứ (người xóa bỏ lỗi lầm) - Đáng Từ bi và nhân hậu - Đáng Chủ nhân của Vương quốc - Đáng Chúa tể của sự uy nghiêm và rộng lượng - Đáng Công bằng - Đáng thu thập - Đáng giàu có - Đáng làm giàu - Đáng bảo vệ gia hộ - Đáng gây đau khổ - và Đáng ban ơn - Đáng Ánh sáng - Đáng hướng dẫn - Đáng sáng tạo-phát minh - Đáng vĩnh hằng tồn tại mãi mãi - Đáng thừa kế - Đáng dẫn dắt trên con đường thiện - Đáng vô cùng kiên nhẫn.

Theo Louis Gardet, *Hồi giáo, tôn giáo và cộng đồng*, Desclée de Brouwer, «Foi Vivante», 1970, tr. 64-65.

Chúng con nguyện danh Cha cả sáng

Đối với nhiều dân tộc cổ đại, đặc biệt là người Do Thái và thậm chí vào thời Chúa Giêsu, cư dân vùng Judée và Galilée, cái tên được đặt cho một người, khi mới sinh hoặc sau này được đặt biệt danh, đều có tầm quan trọng rất lớn. Tên tuyên bố mỗi người nên như thế nào, vai trò hoặc sứ mệnh của họ ra sao.

Vì vậy, trong câu chuyện về sự sáng tạo thế giới, vào đầu Kinh thánh, người đàn ông đầu tiên được Thiên Chúa tạo ra được gọi là Adam, có nghĩa đơn giản là «con người», gợi nhớ đến đất đỏ mà ông được nhào nặn, con người đến từ đất. Ông nhận được cái tên này, trước hết là vì ông là người đầu tiên xứng đáng với nó, nhưng cũng vì ông được các tác giả của sách Sáng Thế xem như tóm tắt trong ông toàn thể nhân loại tương lai. Còn về vợ ông, Eva, tên bà có nghĩa là «Mẹ của tất cả chúng sinh». Sau đó, trong lịch sử lâu dài của dân Chúa, Abram trở thành Abraham, «người cha yêu thương», vì ông sẽ là cha của nhiều tín hữu, và Jacob sẽ là Israel «mạnh mẽ chống lại Chúa» vì cuộc chiến bí ẩn của ông chống lại thiên thần của Chúa.

Nhiều năm sau đó, tại Nazareth, Thánh Giuse biết rằng Đức Maria, vợ ông, sẽ sinh ra một đứa trẻ mà ông

sẽ đặt tên là Giêsu, nghĩa là «Thiên Chúa cứu độ». Và khi vị ngôn sứ trẻ tuổi từ Galilê chọn người mà ông sẽ đặt làm thủ lĩnh các môn đệ của mình, Người đã nói với ông : «Phước cho con, Simon, con ông Jonah, [...] Và Ta bảo con : Con là Phêrô và trên đá này Ta sẽ xây Hội Thánh của Ta !» Như vậy, Simon nhận được sứ mệnh trở thành tảng đá vững chắc mà tất cả các môn đệ sẽ dựa vào sau khi Chúa Giêsu trở về với Chúa Cha của Người (Mt 16.13-19).

Một vài ví dụ này cho chúng ta thấy rằng trong truyền thống Kinh thánh, tên gọi thể hiện tính cách, điều bí mật, điều riêng tư, lý do tồn tại, cuộc sống và hành động của mỗi người. Và việc nói tên của mình là để tự giải thoát, để được nhận ra, theo một cách nào đó là để phục tùng người mà mình giao phó. Các tông đồ hiểu rõ điều này và sẽ dùng danh Chúa Giêsu như sức mạnh mà Người đã để lại cho họ. Vì vậy, vài ngày sau Lễ Ngũ Tuần, dưới một cổng đền thờ Giêrusalem, trước một người ăn xin què quặt, Phêrô đã cầu khẩn quyền năng ban sự sống của Chúa Kitô phục sinh và nói với người đàn ông này : «Vàng bạc thì tôi không có, nhưng điều tôi có, tôi cho anh : Nhân danh Chúa Giêsu Kitô người Nazareth, hãy bước đi !» Còn những kẻ yếu đuối thì nhảy múa, vui đùa và ngợi khen Thiên Chúa ! (Cv 3.1-10).

Thiên Chúa nói tên của Ngài

Trong các văn bản Kinh thánh cổ nhất, Thiên Chúa có một cái tên, đó là «Gia-vê» hoặc gọi tắt là «Gia». Tên này bắt nguồn từ động từ *là* và xuất hiện gần bảy nghìn lần trong Kinh thánh. Trong câu chuyện sáng tạo trong sách Sáng thế, Thiên Chúa Gia-vê đã tạo nên trời và đất. Sau đó, tất cả các tổ phụ vĩ đại đều gọi Thiên Chúa bằng danh xưng này. Văn bản nêu rõ rằng Enosh, con trai của Seth, con trai của Adam, là người đầu tiên kêu cầu danh Yahvé (Stk 4.26). Khi ấy, Nô-ê và dòng dõi ông chúc tụng Thiên Chúa. Chính Thiên Chúa đã tỏ mình ra với Abraham khi phán rằng : «Ta là Thiên Chúa, Đấng đã đưa ngươi ra khỏi thành Ur của người Chaldees» (Stk 4.7). Cháu trai của ông là Jacob có một giấc mơ đã trở nên nổi tiếng : một chiếc thang nối liền bầu trời và mặt đất, dấu hiệu của sự giao ước giữa Thiên Chúa và loài người, và Thiên Chúa nói với ông rằng : «Ta là Gia-vê, Thiên Chúa của Abraham, tổ tiên ngươi và là Thiên Chúa của Isaac, cha ngươi (...) Ta ở với ngươi và sẽ gìn giữ ngươi...» Và Jacob long trọng hứa : «Gia-vê sẽ là Thiên Chúa của tôi» (Stk 29.10-21).

Truyền thống Do Thái đặc biệt coi trọng câu chuyện về Môi-se lang thang trong sa mạc Sinai và trước mặt ông, Thiên Chúa hiện ra dưới hình dạng một bụi cây

cháy nhưng không tự thiêu. Thiên Chúa gọi Môi-se và tuyên bố với ông : «Ta là Thiên Chúa của tổ tiên ngươi, Thiên Chúa của Abraham, Isaac và Jacob». Và Người giao phó cho ông sứ mệnh quan trọng là đưa dân tộc Do Thái khỏi Ai Cập, nơi họ bị người Ai Cập bắt làm nô lệ. Nhưng Môi-se yêu cầu một dấu hiệu đáng tin cậy cho đồng bào của mình là người đối thoại bí ẩn phải cho ông biết tên. Thiên Chúa trả lời : «Ta là Đấng Hiện Hữu». Người nói với con cái Ít-ra-en thế này : «Đấng Hiện Hữu sai tôi đến với anh em». (Xh 3.14-15). Thật vậy, danh xưng Gia-vê là một dạng của động từ *là*, có thể diễn giải theo nhiều sắc thái, nhưng có thể được coi là làm phong phú lẫn nhau.

Đầu tiên chúng ta có thể xác định ý nghĩa gần giống với từ chối trả lời, như Thiên sứ của Đức Gia-vê đã từ chối cho Gia-cốp biết tên của ngài (Stk 32.33). Với Môi-se, Thiên Chúa hẳn đã trả lời bằng một lời từ chối kiên quyết : «Ta là Đấng Hiện Hữu» hoặc «Ta là Đấng Ta là». Người ta có thể đánh bóng : «Tôi là ai thì không liên quan gì đến anh». Đó là lời khẳng định truyền thống của người Do Thái về sự siêu việt của Thiên Chúa uy nghiêm, không thể biết được và ba lần thánh thiện.

Cũng có thể hiểu : «Ta là hữu thể của mọi vật», gần với «Ta là Đấng Tạo Hóa của các ngươi và là Đấng Tạo

Hóa của thế giới». Theo nghĩa này, Phao-lô sẽ có thể nói với người Athen : «Trong Ngài, chúng ta sống, chuyển động và hiện hữu» (Cv 17.28). Thiên Chúa, tuyệt đối, từ muôn đời và mãi mãi. Ngài là Thiên Chúa, là Đấng hiện hữu, đã hiện hữu và sẽ đến.

Cuối cùng, một hình thức của tương lai có thể được phát hiện : «Tôi là những gì tôi sẽ là», nghĩa là : «Tôi là ai, bạn sẽ sớm tìm ra, bởi vì tôi sẽ ở bên bạn trong suốt cuộc hành trình dài này, và bạn sẽ khám phá ra ngày này qua ngày khác rằng tôi sẽ là người giải phóng và hướng dẫn bạn». Đó là, không gì làm giảm đi sự siêu việt tuyệt đối của Thiên Chúa Tối Cao, sự mặc khải về Thiên Chúa rất gần sẽ kết thúc bằng lời khẳng định của Chúa Giêsu về quyền làm cha thiêng liêng. Cuộc gặp gỡ giữa Thiên Chúa và Môi-se cho thấy một sáng kiến bí mật của Thiên Chúa : Ngài tỏ mình ra với người tôi tớ của Ngài không chỉ để giao phó cho ông một sứ mệnh, mà còn để tỏ mình ra trong chân lý. Bằng cách gọi Tên mình, một cái tên chứa đầy những lời hứa ngấm, Thiên Chúa bắt đầu bày tỏ sự dịu dàng của mình.

Người Do Thái dành sự tôn kính cho Danh của Thiên Chúa, «Giavê-Ta là,» như tôn kính chính Thiên Chúa vậy. Khi trở về từ nơi lưu đày ở Babylon vào thế kỷ thứ 6 trước Công nguyên, người Do Thái, vì quá quan tâm

đến lòng tôn kính và tôn thờ, đã hình thành thói quen không bao giờ phát âm Tên không thể diễn tả này. Trong các văn bản tiếng Do Thái, bốn phụ âm YHWH được viết, được gọi là hình bốn chữ cái thiêng liêng, nhưng được phát âm là «Adonai» có nghĩa là Thiên Chúa. Tên «Elohim» cũng thường được dùng như một từ tương đương, đặc biệt là trong các văn bản thơ ca.

Chúa Giêsu đặt tên cho Thiên Chúa

Theo các sách Tin Mừng được viết bằng tiếng Hy Lạp, Chúa Giêsu dường như chưa bao giờ phát âm Tên của Thiên Chúa là «Gia-vê». Có thể Người đã nói Adonai, nhưng trong nhiều trường hợp, dường như chính Người đã tự áp dụng danh xưng của Thiên Chúa «Ta là» theo một cách ít nhiều ẩn dụ. Thánh Gio-an đã báo cáo với chúng ta những lời Thầy của ông rất rõ ràng ở cấp độ này,

Câu rõ ràng nhất chắc chắn là : «Trước khi Áp-ra-ham đến, đã có Ta» (Ga 8.58). Nhưng như chúng ta đã thấy, đối với Chúa Giêsu, tên thật của Thiên Chúa là «Cha». Khi trong lời cầu nguyện lớn được đọc lên vài giờ trước khi bị bắt (Ga 17), Người bắt đầu bằng câu : «Con đã tỏ lộ Danh Cha cho loài người», rồi đến phần kết : «Con đã cho họ biết Danh Cha», Người tóm tắt toàn bộ sứ mệnh của mình : làm cho Chúa Cha được

mọi người biết đến và yêu mến. Đối với Người, Tên và thực tại sống động của Thiên Chúa hoàn toàn tương đương nhau.

Tuy nhiên, Chúa Giêsu và các tông đồ của Người đã để lại cho chúng ta những danh xưng khác của Thiên Chúa mà chúng ta có thể đưa vào lời cầu nguyện của mình. Vì thế, Chúa Giêsu đã nói với người phụ nữ Sama-ri : «Thiên Chúa là Thần Khí» (Ga 4.24) và Phao-lô có thể tuyên bố : «Chúa là Thần Khí» (2 Cr 3.17). Tại đền thờ ở Giêrusalem, giữa lễ hội ánh sáng, trong Lễ Lều Tam, trong khi những bài thánh ca như Thánh Vịnh 27 được hát lên : «Ánh sáng và ơn cứu độ của tôi là Chúa !» và đền thờ được chiếu sáng bởi hàng trăm ngọn đèn và đuốc, Chúa Giêsu dám kêu lên : «Ta là ánh sáng thế gian !» (Ga 8.12). Và môn đệ của Người là Thánh Gio-an sẽ viết : «Thiên Chúa là sự sáng» (1 Ga 1.5). Theo nhiều cách, từ dụ ngôn về đứa con hoang đàng và người Samari nhân hậu cho đến món quà là mạng sống của Người trên thập giá, Chúa Giêsu đã tuyên bố : «Ai yêu mến Ta sẽ được Cha Ta yêu mến, và Ta sẽ yêu mến người ấy» (Ga 14.21). Người môn đệ được yêu đã rút ra kết luận bằng một cái tên mới và tuyệt vời cho Thiên Chúa : «Thiên Chúa là tình thương» (1 Ga 4.8).

Vậy thì Tên của Thiên Chúa là gì ? Sau câu «Tôi là» cổ xưa và bí ẩn, những người Kitô hữu thích nói như anh em Do Thái của họ : «Thiên Chúa», hay Đấng Toàn năng, Đấng Tối cao, Đấng Hằng hữu, Đấng Thánh, Đấng Đáng chúc tụng. Nhưng noi theo Chúa Kitô Cứu Thế, họ cũng và trên hết nói : Chúa Cha, Chúa Thánh Thần, Ánh Sáng, Tình Yêu, mà không quên Danh Người đã nhận khi làm người trong lòng Đức Trinh Nữ Maria : Chúa Giêsu. Vì chính Người mời gọi chúng ta đưa danh Người vào lời cầu nguyện, vì Người đã nói với bạn hữu của Người : «Bất cứ điều gì anh em nhân danh Thầy mà cầu xin, thì Thầy sẽ làm, để Chúa Cha được tôn vinh nơi Người Con» (Ga 14.13).

Thật thiêng liêng !

Thánh hóa là làm cho trở nên thánh thiện. Đối với người đương thời, thánh nhân là người đạt được phẩm chất đạo đức cao. Điều này khó có thể áp dụng cho Thiên Chúa hoặc danh của Ngài. Chúa Giêsu có ý gì và chúng ta có ý gì khi mong muốn danh Thiên Chúa được thánh hóa ? Theo định nghĩa, chẳng phải Thiên Chúa là Đấng Thánh và là nguồn gốc của mọi sự thánh khiết mà không gì có thể thêm vào được sao ? Chỉ có một mình Thiên Chúa là Thánh. Chúng ta có thể viết hoa thuộc tính này nếu chúng ta muốn giữ nguyên giọng điệu của

Kinh thánh, như chúng ta thấy trong tuyên bố này từ sách Lê-vi (Lv 11.44) : «Ta, Gia-vê, là Thiên Chúa của ngươi... Ngươi đã trở nên thánh vì Ta là Thánh.» Trong gốc tiếng Do Thái của từ «thánh» có ý tưởng về sự tách biệt, về sự phân biệt để làm nổi bật và nhấn mạnh tốt hơn. Sự thánh khiết của Thiên Chúa là điều khiến Ngài trở nên Độc nhất, Vô song, Khác biệt, Hoàn toàn Tinh khiết, Tốt lành tuyệt đối, Vẻ đẹp vô nhiễm. Sự thánh khiết của Thiên Chúa là điều mà Kinh Thánh thường gọi là Vinh quang của Ngài.

Thiên Chúa không bao giờ như chúng ta có thể tưởng tượng. Ngài không giống như các vị thần ngoại giáo mà thần tượng của họ luôn có hình dạng ít nhiều giống con người, hoặc tệ hơn đối với người Do Thái là giống động vật ở Ai Cập hay quái vật ở Babylon, nếu không muốn nói là giống mặt trời và mặt trăng. Vì vậy, trong Kinh thánh, thánh thiện ít nhiều đồng nghĩa với thần thánh. Thiên Chúa là Thánh có thể được dịch là : «Thiên Chúa là Thiên Chúa», với sự khẳng định chắc chắn rằng Ngài không thể giản lược thành bất cứ điều gì khác ngoài chính Ngài. Vài năm trước, nhà văn và nhà báo Maurice Clavel, trong một phong trào phản nộ lớn chống lại sự nhạt nhẽo và hèn nhát của một số Kitô hữu, đã kêu lên: «Thiên Chúa là Thiên Chúa, vì Thiên Chúa !» Thay vì là sự phạm thượng, tiếng kêu như vậy hoàn toàn phù

hợp với yêu cầu của các ngôn sứ đã công bố hình phạt cho các quốc gia thờ ngẫu tượng và kết luận : «Thiên Chúa phán như sau : Ta sẽ biểu lộ sự vĩ đại và sự thánh thiện của Ta, Ta sẽ cho nhiều dân tộc biết đến Ta và chúng sẽ biết rằng Ta là Gia-vê» (Ed 38.23).

Bây giờ sự thánh khiết của Thiên Chúa đã được mặc khải cho loài người, trước hết, nó phải được nhận biết, bằng cách khơi dậy lòng kính sợ lớn lao trong họ. Trước bất kỳ sự biểu hiện nào của Thiên Chúa, con người nhận ra mình quá nhỏ bé, quá mong manh, quá tội lỗi, thậm chí không thể mở miệng... Trong những câu chuyện Kinh thánh cổ xưa nhất, bất kỳ người nào tiếp cận một cách khiếm nhã hòm giao ước, dấu hiệu cho thấy sự hiện diện của Thiên Chúa trong dân Ngài, đều phải chết ngay lập tức (2 Sm 6.7). Sau đó, khi chàng thanh niên Isaia nhận được thị kiến quyết định sứ mệnh của mình như một ngôn sứ, ông thấy Thiên Chúa trong sự uy nghi vĩ đại ; những sinh vật lửa kêu lên : «Thánh, thánh, thánh, Chúa là Thiên Chúa của vũ trụ !» Phản ứng của ông là sự kinh hoàng : «Khốn khổ cho tôi ! Tôi bị lạc rồi ! vì tôi là người có môi ô uế, nhưng mắt tôi đã thấy Chúa là Thiên Chúa Toàn Năng !» Nhưng Đức Chúa Trời sẽ thanh tẩy ông, ban cho ông sức mạnh và sự tự tin (Is 6).

Thật vậy, sự thánh thiện của Thiên Chúa, khiến con người hiểu được khoảng cách vô tận ngăn cách họ, chỉ được cảm nhận khi Thiên Chúa đến gần con người. I-sai-a chỉ có nhận thức sâu sắc như vậy về Thiên Chúa vì Thiên Chúa đã chọn ông làm tôi tớ của Ngài. Nhưng nhận thức này không nghiền nát con người ; ngược lại, khi nhận ra điều đó, ông sẽ cảm thấy ngưỡng mộ và vui mừng vì khám phá ra điều gì đó vô song. Người mà Thiên Chúa ban cho thoáng thấy một tia sáng thánh thiện của Ngài sẽ bị Ngài nắm giữ, bị quyến rũ, bị mê hoặc bởi vẻ đẹp này, rồi đến lượt mình, người đó trở nên thánh thiện, nghĩa là người đó tận tụy và trao ban bản thân mình nhiều nhất có thể cho Thiên Chúa của mình.

Lời chúc của chúng ta : «Danh Cha cả sáng» do đó có thể được dịch là : xin cho sự thánh thiện kỳ diệu của Thiên Chúa được mọi người nhận biết và ngưỡng mộ, xin cho chính họ được thánh hóa bởi lòng nhân từ và vẻ đẹp của Thiên Chúa ; để Danh Chúa được chúng con và tất cả anh em chúng con nhận biết, tôn vinh, kính trọng, yêu mến, vinh quang.

Vì họ, con xin thánh hiến chính mình !

Trong suốt lịch sử dân tộc mình, Thiên Chúa đã thể hiện sự thánh thiện của Ngài và sự thánh thiện đó được tỏa sáng rõ nét hơn nơi Con Ngài là Chúa Giêsu Kitô. Theo Tin Mừng Thánh Mác-cô và Thánh Lu-ca, một linh hồn ma quỷ như thể các thế lực tà ác là người đầu tiên nhận ra sự siêu việt bí ẩn của ngôn sứ xứ Galilê. Ông ta hét lên : «Ông muốn gì ở chúng tôi, Giêsu thành Nazareth ? Ông đến để hủy diệt chúng tôi ! Tôi biết ông là ai : Đấng Thánh của Thiên Chúa !» (Mc 1.24).

Đấng Thánh của Thiên Chúa, Chúa Giêsu sẽ cho thấy Người thực sự hiện hữu không chỉ qua các phép lạ, mà trên hết qua những cử chỉ thương xót, sự chào đón người nghèo, trẻ em và tội nhân. Người thể hiện điều đó qua lời nói và lời cầu nguyện của mình. Người thể hiện điều này bằng lòng trung thành theo đuổi sứ mệnh của mình đến mức tận cùng của tình yêu bằng cách hiến mạng sống mình trên thập tự giá. Lời cầu nguyện cuối cùng của Người, như được Thánh Gio-an ghi lại, cho thấy Người nhận thức rõ ràng về ý nghĩa sự hy sinh của mình. Người nói với Cha Người : «Vì họ (các môn đệ của Người), Con xin thánh hiến chính mình, để họ cũng được thánh hiến trong sự thật» (Ga 17.19). Sự thánh hóa danh Thiên Chúa, danh Con của

Người, Đấng đã hiến mạng sống mình vì tình yêu vô biên, và danh các môn đệ của Người được liên kết trong sự khiêm nhường bi thảm của mầu nhiệm vượt qua. Trong Chúa Giêsu, Thiên Chúa cho thấy sự thánh thiện và vinh quang của Ngài không bao giờ được thể hiện tốt hơn trong sự khiêm nhường hoàn toàn nhất. Sự thật là sự vĩ đại của Thiên Chúa và sự vĩ đại của con người không liên quan gì đến nhau. Điều đầu tiên làm cho Danh Người nên thánh, là sự vâng phục yêu thương của Con mình, và theo Người là sự vâng phục của các môn đệ Người. Người ta không thể không nghĩ đến lời kêu gọi lớn lao của Chúa Giêsu dành cho bạn hữu của Người : «Nếu ai muốn theo Ta, hãy vác thập giá mình mà theo Ta».

Một bài học nghiêm khắc nhưng không phải là không có hy vọng, như thánh tông đồ Phaolô đã diễn đạt rất đúng qua bài thánh ca đã được hát trong những cộng đồng Kitô giáo đầu tiên :

Đã cư xử như một người,
Người càng khiêm nhường hơn,
vâng lời cho đến chết,
và cái chết trên thập tự giá !
Vì vậy, Đức Chúa Trời đã tôn vinh Người
và ban cho Người Tên

Đấng ở trên mọi danh,
để mọi thứ, nhân danh Chúa Giêsu,
quỳ xuống, trên trời cao,
trên mặt đất và dưới địa ngục
và mọi lưỡi đều tuyên bố
rằng Người là Chúa,
để tôn vinh Thiên Chúa Cha.

(Pl 2.7-11)

Bằng lời nói, bằng cuộc sống, bằng phương châm và sự phục sinh đầy ơn phúc của mình, Chúa Giêsu đã soi sáng cho tất cả các môn đệ của Người về mẫu nhiệm thánh thiện và siêu việt của Thiên Chúa. Người cho chúng ta thấy rằng Thiên Chúa là Cha, là Cha của Người và là Cha của chúng ta. Người đã truyền cho chúng ta Thánh Linh của Người, Đấng không ngừng dẫn dắt chúng ta đến tình yêu. Tất cả những ai đã chịu phép Rửa nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần đều được kêu gọi công nhận Thiên Chúa là Cha của họ, Chúa Giêsu Kitô là Cứu Chúa, và mọi người là con Thiên Chúa, là anh em. Như vậy họ được thánh hóa và trong Chúa Giêsu Kitô, họ thánh hóa Danh Thiên Chúa.

Do đó, câu đầu tiên của Kinh Lạy Cha không nên được coi là một lời cầu xin theo nghĩa chặt chẽ mà là một lời ngợi khen vui mừng. Vì vậy, cô gái trẻ Maria đã kêu lên, trong chuyến viếng thăm người họ hàng già Elizabeth của mình : «Đáng Toàn năng đã làm những điều kỳ diệu cho tôi. Danh Ngài thật thánh thiện!» Giống như Mẹ, chúng ta vui mừng vì Thiên Chúa có một Danh thật đẹp và Ngài mặc khải cho chúng ta sự huy hoàng của bản thể và tình yêu của Ngài. Nói với niềm vui : «Danh Cha cả sáng !» Lời cầu nguyện của chúng ta đồng thời là một lời cầu xin vô vị kỷ, lời ngợi khen và sự tôn thờ đầy yêu thương : «Xin chính Cha, Thiên Chúa chúng con, được tất cả anh em chúng con nhận ra về chính Cha : Chúa Ba Ngôi và Thiên Chúa tình yêu». Vì vậy, chúng ta cùng với lời cầu nguyện tạ ơn vĩ đại của Chúa Giêsu vào cuối sứ mệnh của Người :

Cha ơi, giờ đã đến,
tôn vinh Con của Cha,
để Con tôn vinh Cha. (...)
Con đã biểu lộ danh Cha cho loài người
mà Cha đã lấy từ thế gian để ban cho Con. (...)
Con đã cho họ biết tên của Cha
và Con sẽ cho mọi người biết

đề tình yêu Cha đã yêu thương Con ở trong họ,
và Con ở trong họ.

(Ga 17.1 ; 6 ; 26)

Nước Cha trị đến

Triều đại hay vương quốc ? Đối với hai từ tiếng Pháp này, tiếng Hy Lạp, giống như tiếng Do Thái và tiếng Aram, chỉ có một từ. Vương quốc là sức mạnh của một đức tin tự khẳng định ; vương quốc trước hết là một vùng lãnh thổ, sau đó là những người dân sống ở đó và những người mà nhà vua trị vì. Chúa Giê-su thường dùng từ «triều đại-vương quốc» và tùy thuộc vào ngữ cảnh mà người dịch sẽ viết theo cách này hoặc cách khác: Bản Kinh thánh Giêrusalem hầu như luôn giữ nguyên từ «vương quốc», còn Bản dịch Kinh thánh đại kết lại ưa chuộng từ «triều đại». Phiên bản phụng vụ của Kinh Lạy Cha ưa chuộng triều đại hơn vương quốc, theo một tập tục rất cổ xưa, cả Công giáo và Tin lành, bởi vì triều đại tự phát hơn vương quốc theo cách giải thích mang tính tâm linh, xa lạ với phạm vi chính trị.

Người Công giáo thường nói : «Xin cho Nước Cha trị đến». *Trị đến* diễn tả tốt tính chất quyết định của một sự kiện. Người Tin Lành đã nói «hãy đến». Tất cả họ đều tập hợp lại, cũng như Chính thống giáo, thành «hãy đến». Động từ «đến» báo hiệu một sự thiết lập tiến bộ được xây dựng trong suốt chiều dài lịch sử. Trong Tin Mừng, sự đến diễn tả sự mong đợi và hy vọng về sự ứng nghiệm của những lời hứa ngôn sứ liên quan đến

Đấng Mê-si và triều đại của Ngài.

«Nước Cha trị đến» diễn tả mong muốn rằng Vương quốc Thiên Chúa, được Chúa Giêsu khai mở, đã hiện diện nơi các môn đệ của Người qua đức tin và tình yêu, sẽ sớm được biểu lộ giữa ban ngày. «Maranatha ! Lạy Chúa Giêsu, xin hãy đến !» Đây là lời cầu nguyện được các cộng đồng Kitô giáo đầu tiên ưa thích, nó đưa chúng ta vào lời cầu nguyện của Thiên Chúa, đầy hy vọng.

Xin Vua vinh quang hãy vào !

Bất chấp sự áp bức, trục xuất, xâm lược, hoặc vì những điều đó, người dân Do Thái đã chờ đợi trong nhiều thế kỷ, với niềm hy vọng không mệt mỏi, để Thiên Chúa thiết lập trên trái đất một vương quốc nơi tự do, công lý và hòa bình sẽ phát triển mạnh mẽ. Việc hát thánh ca mà nhiều người Do Thái thuộc lòng đã duy trì niềm hy vọng này :

Xin Vua vinh quang hãy vào !

Vị vua vinh quang này là ai ?

Adonai là Đấng mạnh mẽ, Đấng dũng cảm.

Adonai là Đấng dũng cảm trong các trận chiến.

Hỡi các công, hãy ngẩng đầu lên ;

Hỡi các thầy tế lễ đời đời, hãy ngược cao lên :
xin Vua vinh quang hãy ngự vào.

(Tv 24.7-10)

Những gì ban đầu có thể là bài hát mừng lễ tiến vào đền thờ mới được xây dựng lại ở Giêrusalem của một vị vua, một sự kiện đã bị lãng quên từ lâu, đã mang chiều kích cứu thế, hướng tới hy vọng về sự xuất hiện của Đấng Giải phóng được Thiên Chúa trực tiếp sai đến. Và đó không còn chỉ là vấn đề đề xuất một sự trả thù vang dội cho một dân tộc nhỏ bé, bị áp bức bất công, mà là kêu gọi sự cai trị của Thiên Chúa trên toàn thế giới :

Mọi người hãy vỗ tay !
Hãy reo mừng Thiên Chúa !
Vì Chúa là Đấng Tối Cao thật đáng sợ,
là Vua vĩ đại trên khắp trái đất !
Ngài là vua trên khắp trái đất
Ngài cai trị những người ngoại đạo,
Ngài ngự trên ngai thánh khiết,
Các vua của các dân tộc đoàn kết
Với dân của Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham!

(Tv 47)

Có thể trích dẫn nhiều văn bản khác. Người nghèo và thường dân mù chữ ít biết đến các ngôn sứ hơn các thánh vịnh, nhưng vẫn thường xuyên đọc ngôn sứ trong hội đường vào ngày Sa-bát, được đọc lần lượt, đôi khi với giọng văn trữ tình, về sự xuất hiện của vương quốc mà chỉ có Thiên Chúa là Chúa tể. Họ thường xen lẫn nỗi nhớ về vương quốc của Đa-vít, nơi đã trở thành hình mẫu của vị vua công chính và trung thành, với sự mong đợi về sự biểu hiện của Thiên Chúa, Đáng sẽ tái lập một vương quốc được đổi mới trong hòa bình. Vì vậy, trong những năm đen tối nhất của cuộc lưu đày sang Babylon, một môn đệ của I-sai-a đã phát động bài thánh ca tin cậy này :

Đẹp thay trên các núi đồi,
chân của người đem tin mừng,
người công bố hòa bình,
người đem lại hạnh phúc,
người công bố ơn cứu độ,
người nói với Sion rằng :
«Thiên Chúa của ngươi đang trị vì !»

(Is 52.7)

Sau khi trở về từ chốn lưu đày, khi hoàng gia, từng đau đớn phục hồi trong một thời gian làm chư hầu của đế chế Ba Tư, đã sụp đổ dưới những đòn tấn công của

cuộc xâm lược Hy Lạp và La Mã, các tác phẩm về ngày tận thế được cho là của ngôn sứ Đa-ni-en đã duy trì niềm hy vọng những người nghèo của Thiên Chúa. Bằng một ngôn ngữ hoa mỹ với nhiều hình ảnh và biểu tượng chứa đầy những chìa khóa mà chỉ những người được khai sáng mới có thể giải mã, Đa-ni-en công bố sự hủy diệt của những dân tộc áp bức và việc trao lại vương quyền cho dân thánh của Đấng Tối Cao để cai trị toàn cầu và vĩnh cửu. Và người thực hiện những lời công bố này sẽ giống như Con Người, ngự trên mây để phán xét thế gian.

Người ta cũng tin nhiều vào lời tuyên bố của một ngôn sứ ít người biết đến, có lẽ đã sống ở Giêrusalem sau khi trở về từ nơi lưu đày, Malachi : «Này, Ta sẽ sai đấng ngôn sứ Ê-li đến trước khi ngày của Đức Gia-vê đến, Đấng vĩ đại và kinh hoàng». (Ml 3.23). Trong cùng tinh thần đó, chúng ta đọc lại một văn bản cũ trong Đệ Nhị Luật, trong đó Mô-i-se tuyên bố với dân chúng : «Đức Chúa, Thiên Chúa của anh em, sẽ cho xuất hiện từ giữa anh em một vị ngôn sứ như tôi, người mà anh em sẽ lắng nghe» (Đnl 18, 15).

Con Người của Đa-ni-en, Ê-li nhà vô địch tôn vinh Thiên Chúa, ngôn sứ giống như Mô-i-se, người ta chờ đợi, trông chừng, công bố, với sự sốt sắng hơn khi sự

chiếm đóng của La Mã, bị lên án vì sự tàn bạo, lòng tham trong vấn đề thuế má và chủ nghĩa ngoại giáo vô liêm sỉ, trở nên đòi hỏi và gánh nặng hơn. Nguyên vương quốc sẽ sớm đến, nơi những người công chính sẽ được giải thoát và những kẻ áp bức sẽ bị lật đổ và cuối cùng bị đánh bại !

Nước Thiên Chúa đã gần rồi !

Và ở đây Chúa Giêsu tự giới thiệu mình, tuyên bố danh hiệu Con Người được ngôn sứ Đa-ni-en truyền cảm hứng và công bố Tin Mừng được ngôn sứ Isaia báo trước. Ông đến sau Gio-an Tẩy giả, người mà nhiều người tin rằng họ nhận ra Elie. Đáp lại niềm hy vọng của các thánh vịnh và các ngôn sứ. Chúa Giêsu kêu lên: «Thời kỳ đã mãn, Triều Đại Thiên Chúa đã đến gần !» (Mc 1.5).

Chỉ có Chúa Giêsu không tự giới thiệu mình là một Đấng Messiah hoàng gia, càng không có quyền lực và vinh quang của một hoàng đế La Mã, nhưng với sự giản dị, nghèo khó và đôi khi thô lỗ của một người dân Galilê, của một người thợ thủ công chăm chỉ nhưng thẳng thắn trong lời nói. Nhưng bạo lực của Người chống lại những người giàu có, những trái tim khô cằn, những người quyền lực, chính trị gia và kẻ đạo đức giả bị vượt qua bởi lòng kiên nhẫn của Người đối với người

nghèo, người bệnh, người bị khinh thường và những người bị thiệt thòi đủ loại và bởi lòng vị tha của chính Người trước tiền bạc và quyền lực.

Dân chúng muốn tôn Người lên làm vua, nhưng Người lại lánh mình trên núi để cầu nguyện (Ga 6.15). Khi Chúa Giêsu xuất hiện ở cổng thành Giêrusalem, nhiều người trong đám đông nghĩ rằng Vương quốc Thiên Chúa sẽ xuất hiện ngay lúc đó. Họ đang chờ đợi những dấu hiệu tươi sáng trên bầu trời và một chiến thắng mang tính chiến đấu và dân tộc. Tiếng reo hò vang lên : «Hoan hô! Chúc tụng Đấng nhân danh Chúa mà đến ! Chúc tụng Vương quốc từ tổ phụ Đavít của chúng ta mà đến !» Nhưng Đavít mới chỉ cười lừa, khác xa với những con ngựa oai vệ của tổ tiên Người ! Và cuộc tiến vào thành thánh của «vua» sẽ trở thành một cuộc tháo chạy đáng xấu hổ và bi thảm, không thể hiểu nổi đối với các môn đệ của Người sau rất nhiều giấc mơ về vinh quang.

Vương quốc của Thiên Chúa sẽ không đến như một quốc gia có chủ quyền hùng mạnh, nhưng sẽ được coi là triều đại của Ngài được thiết lập bởi đức tin và tình yêu thương giữa những người theo Chúa Giêsu. Hiến chương của Vương quốc sẽ là các mối phúc : «Phúc cho những người nghèo khó, những người khiêm nhường,

những người xây dựng hòa bình, Nước Trời là của họ». Luật của Ngài sẽ là tình yêu thương anh em, sự tha thứ và lòng thương xót ; vũ khí của Ngài là cây thánh giá của sự tra tấn. Những người lính của Ngài sẽ không có sức mạnh nào khác ngoài đức tin và ân tứ của Chúa Thánh Thần.

Từ vương quốc trần thế đến sự cai trị thuộc linh, từ quyền lực kiêu hãnh đến sự phục vụ anh em - «Thầy sống giữa anh em như một người phục vụ.» (Lc 22.27) - đó là cuộc cách mạng mà Chúa Giêsu mang đến khi, một tù nhân khôn khổ bị đe dọa bằng hình phạt khét tiếng nhất, Người đã bình tĩnh trả lời quan tòa Philatô, một người La Mã kiêu hãnh : «Nước tôi không thuộc về thế gian này. Nếu Nước tôi thuộc về thế gian này, thuộc hạ của tôi đã chiến đấu không để tôi bị nộp cho người Do-thái. Nhưng thật ra Nước tôi không thuộc chốn này». Ông Phi-la-tô liền hỏi : «Vậy ông là vua sao?» Đức Giê-su đáp : «Chính ngài nói rằng tôi là vua. Tôi đã sinh ra và đã đến thế gian nhằm mục đích này : làm chứng cho sự thật. Ai đứng về phía sự thật thì nghe tiếng tôi». (Ga 18.36-37).

Nước Thiên Chúa ở giữa các người

Một ngày nọ, một số người Pharisêu hỏi Chúa Giêsu: «Khi nào Nước Thiên Chúa sẽ đến ?» Người trả lời :

«Nước Thiên Chúa không đến bằng cách bị do thám. Họ sẽ không nói : ‘Hãy nhìn kia !’ hoặc, ‘Đó !’ vì này, Nước Thiên Chúa ở giữa các người» (Lc 17.22).

Điều này có nghĩa là đối với các môn đệ, bạn bè của Người, tất cả những ai lắng nghe lời Người và đón nhận lời Người với lòng tin tưởng, thì sự biến đổi đã bắt đầu : họ trở thành con cái của Thiên Chúa, con cái của vương quốc. Phao-lô có thể sớm viết thư cho những người mà ông đã rao giảng «Lời chân lý, là Tin Mừng» : «Thiên Chúa đã giải cứu chúng ta khỏi quyền lực của bóng tối và đem chúng ta vào vương quốc của Con yêu dấu của Ngài, trong Con đó chúng ta có sự cứu chuộc» (Cl 1.13).

Điều đầu tiên chúng ta cầu xin Cha chúng ta, «Nước Cha trị đến», là để nước Cha được vững chắc trong chúng ta, bằng cách làm cho chúng ta - như Phao-lô cũng nói - trở nên giống Chúa Giêsu Kitô, vì chúng ta đã trở nên một với Người qua phép Rửa (Rm 6). Điều này không thể tự nhiên xảy ra mà đòi hỏi phải nỗ lực liên tục. Phao-lô cũng nói với những người mới hoán cải, vẫn còn yếu đức tin : «Anh em biết rằng, như cha đối với con cái, chúng tôi đã khuyên bảo, khích lệ và nài xin mỗi người trong anh em hãy sống xứng đáng với Thiên Chúa, là Đáng kêu gọi anh em vào vương quốc

của Ngài và vào vinh quang của Ngài» (1 Tx 2.11-12).

Vì thế, Vương quốc của Thiên Chúa đã bắt đầu trong chúng ta nhưng vẫn đang đến, một cuộc sống mới được đề xuất cho chúng ta, nhưng nó phải đạt đến tầm vóc trọn vẹn. Những dụ ngôn lớn của Chúa Giêsu về Vương quốc sắp đến là những dụ ngôn về sự phát triển và cảnh giác, nếu không muốn nói là về nỗ lực và hành động : hạt giống nảy mầm hay khô héo, cỏ lùng ẩn trong lúa mì, hạt cải trở thành cây đẹp, men làm cho bột dậy lên (Mt 13), hoặc những người làm công được sai đến vườn nho, và những người hầu mỗi người nhận được yến bạc để sinh hoa trái (Mt 25).

«Chúng ta đã chịu phép Rửa trong Đấng Kitô, Phao-lô nói, và đã chịu phép Rửa trong sự chết của Người» (Rm 6.3). Sự phát triển của vương quốc Thiên Chúa trong mỗi chúng ta luôn gặp phải sự mâu thuẫn. Bạn phải đi qua cánh cửa hẹp để đến đó. Những môn đệ đầu tiên đã phải đối mặt với cuộc khổ nạn và thập giá của Thầy mình. Bản thân họ đã bị ngược đãi, khinh miệt, một số đã dẫn đến chứng tá cao cả là tử đạo.

Thời kỳ của các vị tử đạo đã qua rồi sao ? Ai có thể bảo hiểm ? Những sự kiện hiện tại, gần và xa, vẫn thường nhắc nhở chúng ta rằng việc hy sinh mạng sống để làm chứng cho vương quốc công lý và tình yêu không phải

là điều hiêm hoi. Khi cầu nguyện «Nước Cha trị đến», chúng ta cầu nguyện cho tất cả các nhân chứng đang tận tụy phục vụ anh chị em mình.

Mô hình hoàng gia theo Tin Mừng được nhận ra nơi Chúa Giêsu quỳ xuống rửa chân cho các môn đệ và hiến dâng toàn bộ cuộc sống của mình. Đối với mỗi người đã chịu phép rửa tội, tùy theo mức độ gắn bó của họ với Chúa Kitô và mong muốn phục vụ và yêu thương anh chị em mình, vương quốc của Thiên Chúa được khẳng định, nó sẽ đến mỗi ngày... hoặc sẽ rời xa ! Tuy nhiên, chúng ta có nên lo lắng và đóng băng trong sự đau khổ khi Ngày trọng đại và khủng khiếp mà các nhà ngôn sứ đã báo trước sắp đến không ? Không, thánh tông đồ Phaolô khẳng định và lặp lại : «Nước Thiên Chúa là công lý, bình an và hoan lạc trong Chúa Thánh Thần» (Rm 14.17) và ông chúc các môn đệ : «Nguyện xin Thiên Chúa của Niềm hy vọng đem lại cho anh em niềm vui và sự bình an trọn vẹn trong đức tin, để niềm hy vọng được tràn đầy trong anh em nhờ quyền năng của Chúa Thánh Thần» (Rm 15.13).

Hôm nay hay ngày mai là Ngày trọng đại ?

Chúng ta cũng có thể nói «Nước Cha trị đến» khi nghĩ đến giờ chết của mình. Một lần nữa, vấn đề không phải là sợ hãi mà là tin rằng vương quốc của Cha chúng ta

sẽ biểu lộ cho chúng ta như tình yêu trọn vẹn của Ngài. Thiên Chúa đã ám chỉ rằng Ngài có thể xuất hiện vào giờ phút chúng ta ít ngờ tới nhất, «như một tên trộm». Hoặc Ngài sẽ cho chúng ta nhiều thời gian để suy ngẫm về cuộc đời mình và thời gian chờ đợi của Ngài có thể rất dài đối với chúng ta : «Chẳng phải vẫn còn đau khổ sao ? Con sẽ không chết sao ?» Thánh nữ Têrêsa thành Lisieux rên rỉ sau nhiều tháng đau khổ. Xin cho chúng con biết cách nói «Lạy Cha, xin cho Nước Cha trị đến» với sự bình an mà Chúa Giêsu đã hứa, với «sự bình an của Người». Từ nay trở đi, chúng ta có thể cầu xin sự bình an này, với niềm hy vọng về cuộc sống vĩnh cửu với Chúa Kitô phục sinh và với tất cả những người chúng ta yêu thương và đã đến với Người trước chúng ta.

Lời cầu nguyện của chúng ta cũng xin cho sự biểu hiện vĩ đại của Thiên Chúa, được Chúa Giêsu loan báo sau Isaia, Đa-ni-en và nhiều ngôn sứ khác về ngày tận thế, khi chính Người sẽ trở lại trong vinh quang để phán xét kẻ sống và kẻ chết, cuối cùng sẽ diễn ra. Mỗi lần chúng ta đọc Kinh Tin Kính, chúng ta khẳng định niềm tin của mình vào sự kiện phi thường này. Nhưng không giống như những người Kitô hữu đầu tiên háo hức chờ đợi Chúa tái lâm, hầu hết chúng ta đều đẩy viễn cảnh đó đến tương lai rất xa và không suy nghĩ nhiều. Có lẽ đây

là sự khôn ngoan thực dụng và có phần thiên cận. Đúng là tông đồ Phao-lô đã cố gắng xoa dịu sự vội vã của các tín đồ Đấng Kitô ở Thê-xa-lô-ni-ca về vấn đề này, và chúng ta không thể quá cảnh giác với những nhà ngôn sứ giả định định kỳ thông báo cho chúng ta về ngày tận thế với một ngày chính xác và gần kề.

Tuy nhiên, niềm hy vọng về triều đại vĩnh cửu của Thiên Chúa là cốt lõi đức tin của chúng ta. Niềm hy vọng ấy tỏa sáng dưới những hình ảnh đáng ngưỡng mộ trong Sách Khải Huyền, hứa hẹn trời mới, đất mới, thành thánh Giêrusalem mới, xinh đẹp như cô dâu trang điểm để cho chồng mình. Và một giọng nói vang lên :

«Đây là nhà tạm Thiên Chúa ở cùng nhân loại,

Người sẽ cư ngụ cùng với họ.

Họ sẽ là dân của Người, còn chính Người sẽ là Thiên-Chúa-ở-cùng-họ.

Thiên Chúa sẽ lau sạch nước mắt họ.

Sẽ không còn sự chết ;

cũng chẳng còn tang tóc, kêu than và đau khổ nữa, vì những điều cũ đã biến mất.

Đấng ngự trên ngai phán :

«Này đây Ta đổi mới mọi sự...

Ta là An-pha và Ô-mê-ga, là Khởi Nguyên và Tận Cùng.

Chính Ta sẽ ban cho ai khát được uống nơi nguồn nước trường sinh,

mà không phải trả tiền.

Ai thắng sẽ được thừa hưởng hồng ân đó.

Ta sẽ là Thiên Chúa của người ấy, và người ấy sẽ là con của Ta.

Còn những kẻ hèn nhát, bất trung, đáng ghê tởm, sát nhân, gian dân, làm phù phép, thờ ngẫu tượng, và mọi kẻ nói dối,

thì phần dành cho chúng

là hồ lửa và diêm sinh cháy ngàn ngút :

đó là cái chết thứ hai».

(Kh 21).

Thật trung thực khi trích dẫn cả những lời đe dọa lẫn những lời hứa hẹn về hạnh phúc và hy vọng, nếu chỉ vì sự trung thực liên quan đến văn bản. Nhưng chúng ta hãy lưu ý đến tính biểu tượng. Điều được hứa cho những người được chọn là sự tham gia vào sự sống của Thiên Chúa. Thánh Gio-an thốt lên : «Chúng ta biết rằng khi Ngài hiện ra, chúng ta sẽ giống như Ngài, vì chúng ta sẽ thấy Ngài như Ngài vốn có vậy» (1 Ga 3.2). Thật vô ích khi cố gắng tưởng tượng sự phục sinh cuối cùng sẽ ra sao. Ngay cả Phao-lô, khi ông thử làm điều này với người Thê-xa-lô-ni-ca vào đầu sự nghiệp tông đồ của

mình, cũng chỉ biết lấp bắp. Ít lâu sau, ông chỉ khẳng định với người Cô-rin-tô sự thật về sự phục sinh của người chết vào ngày cuối cùng mà không đi vào chi tiết, ngoại trừ việc nói rằng thân thể thuộc linh được phục sinh sẽ khác với thân thể xác thịt ; nhưng lời khẳng định chính của ông vẫn là : «Nhu trong Ađam mọi người đều chết, thì trong Đấng Kitô mọi người đều sẽ sống lại khi Người đến. Sau đó, sự cuối cùng sẽ đến, khi Người trao vương quốc lại cho Thiên Chúa là Cha... Bấy giờ, chính Con sẽ phục Đấng đã bắt muôn vật phục mình, hầu cho Thiên Chúa làm mọi sự trong mọi sự» (1 Cr 15.22-28).

Còn những kẻ khác, những kẻ dối trá sẽ bị đày xuống hồ lửa và lưu huỳnh mà Sách Khải Huyền nói đến, họ là ai ? Số phận của họ sẽ ra sao ? Chắc chắn lửa và lưu huỳnh là biểu tượng của hình phạt tội tệ nhất. Sự nguyên rửa chỉ có thể là sự vắng bóng của Thiên Chúa, sự vắng bóng của tất cả tình yêu ; những ai đã từ chối yêu thương trong cuộc sống này thì sẽ tiếp tục từ chối yêu thương ở kiếp sau. Nhưng liệu sự lên án toàn diện của họ có tương thích với thực tế tình yêu của một Người Cha nhân từ không ? Họ có bao giờ bị loại khỏi Vương quốc không ? Và nếu vậy, thì đó chẳng phải là một sự thất bại khủng khiếp của Chúa Kitô khi Người tỏ ra không có khả năng cứu họ mặc dù họ muốn hay sao ? Hoặc là những kẻ bị nguyên rửa tiếp tục từ chối

Chúa Cứu Thế và chiến thắng của Người không trọn vẹn, hoặc chiến thắng của Thiên Chúa là hoàn toàn và địa ngục chỉ có thể trống rỗng !

Những câu hỏi không thể giải quyết mà chúng ta buộc phải để lại cho bí mật của Thiên Chúa nếu chúng ta không muốn rơi trở lại với những bài diễn văn đau thương của các nhà thuyết giáo thời trung cổ hoặc Jansenist, những người thật không may ảnh hưởng của họ vẫn còn mạnh mẽ cho đến tận vài năm trước.

Chúng ta hãy luôn nhớ rằng Chúa Giêsu đã kêu gọi các môn đệ của Người phải cảnh giác, nhưng trên hết là phải yêu thương. Dụ ngôn tuyệt vời của Người về Ngày Phán xét Cuối cùng đầu tiên trình bày Chúa Kitô trong địa vị của một vị vua : «Khi Con Người đến trong vinh quang của Người, có tất cả các thiên thần theo hầu, bấy giờ Người sẽ ngự trên ngai vinh hiển của Người...» Toàn bộ những gì tiếp theo là một lời dạy về quyền tối thượng tuyệt đối của tình yêu dành cho những người anh em nghèo khổ nhất (Mt 25.31-46). Chúng ta sẽ được phán xét dựa trên tình yêu thương của Thiên Chúa, Đấng yêu thương chúng ta. Vì vậy, chúng ta đừng mệt mỏi cầu xin Ngài rằng trong chúng ta và trong tất cả anh chị em chúng ta, ngay cả những người có vẻ rất xa cách Ngài, ít nhất một tia lửa tình yêu đích thực có thể được thắp

sáng mỗi ngày, ngày này qua ngày khác, và ngọn lửa này có thể cháy từng chút một cho đến ngày cuối cùng, cho đến Ngày trọng đại!

Giáo Hội và Vương Quốc của Thiên Chúa

Vương quốc của Chúa Kitô xuất hiện trong sự khiêm nhường, giống như hạt cải, loại hạt nhỏ nhất trong các loại hạt. Sự phát triển của nó bị cản trở bởi cỏ lùng, thứ cỏ dại do Kẻ thù gieo rắc. Sự thành lập của nó vẫn còn là một bí ẩn. Hoạt động của nó vẫn được giữ bí mật giống như men trong bột mà người thợ làm bánh chuẩn bị. Và rồi bột nở ra, cây cải trở thành cây lớn, vụ thu hoạch có thể diễn ra vì hạt giống nảy mầm và phát triển, và lúa mì thì trở bông.

Nhóm nhỏ các môn đệ của Chúa Giêsu tụ họp lại khi Người kêu gọi. Nhóm trở thành một cộng đồng mà mọi người đều có chung một trái tim và một tâm hồn. Nhóm trở thành một Giáo hội và chìa khóa của vương quốc được trao cho người lãnh đạo là Simon Phêrô... Thật là một trách nhiệm nhưng cũng là một niềm hy vọng tuyệt vời ! Tin Mừng đã được loan báo từ một số ít ngư dân ở Galilê, nền tảng của Vương quốc Chúa Kitô trên trái đất đã được thiết lập. Trải qua nhiều cuộc bách hại, nhiều lỗi lầm và khuyết điểm, nhưng cũng có nhiều sự vĩ đại và lòng quảng đại, Giáo hội Chúa Giêsu Kitô vẫn

tiếp tục loan báo rằng vương quốc của Thiên Chúa đang đến.

Nhưng Giáo Hội và Vương quốc của Thiên Chúa có phải là cùng một thực tại không ? Chắc chắn là không. Giáo hội chỉ là phần hữu hình của tảng băng chìm tạo nên sự quy tụ to lớn của tất cả con cái Thiên Chúa. Và chúng ta không được nhầm lẫn một cách thiếu tinh tế các thể chế nhân văn không thể thiếu cho phép Giáo hội tiếp tục sứ mệnh của mình và thực tại tâm linh bao trùm và vượt trên nó, điều mà Phao-lô gọi là thân thể của Đấng Kitô. Giáo hội hoàn vũ bao gồm tất cả những người đã chịu phép rửa tội, được thúc đẩy bởi đức tin vào Chúa Giêsu Kitô và trong họ, Chúa Thánh Thần không ngừng sinh ra tình yêu của Chúa Cha.

Chúng ta, những người Công giáo, vẫn tin tưởng và hy vọng mạnh mẽ rằng Giáo hội của chúng ta trung thành với sứ mệnh mà Chúa Giêsu đã giao phó cho các tông đồ của Người. Và chúng ta đang nỗ lực hết sức để làm cho điều này ngày càng tốt hơn. Vì chúng ta biết rằng Giáo hội của chúng ta được hướng dẫn bởi một hệ thống cấp bậc, một giáo hoàng và các giám mục, những người kế vị các tông đồ, những người mà chúng ta có thể yêu thương và tôn trọng, nhưng xác thịt và máu của Người được hình thành bởi tất cả các thành viên của

dân tộc mới của Thiên Chúa mà chúng ta cùng nhau hình thành, dân tộc này thuộc mọi quốc gia, chủng tộc và ngôn ngữ, từ nay tạo nên sự khởi đầu và phác họa của Vương quốc Thiên Chúa. Do đó, việc kêu cầu Chúa Kitô ngự trị trên thế giới cũng chính là cầu nguyện để Giáo hội có thể hoàn thành nhiệm vụ truyền giáo của mình, với nhu cầu phục vụ huynh đệ chưa bao giờ được đáp ứng.

Mặt khác, chúng ta không thể nhầm lẫn việc xây dựng Vương quốc của Chúa Kitô với một cuộc đấu tranh chính trị. Đúng là những lời kêu gọi liên tục từ các nhà lãnh đạo Giáo hội, giáo sĩ và giáo dân đã khiến các Kitô hữu tham gia vào các hoạt động chính trị và thế tục. Vào thời Trung cổ, những cuộc cãi vã lớn đã nổ ra giữa Giáo hội và Đế chế, sau đó là cuộc phiêu lưu bi thảm của các cuộc Thập tự chinh diễn ra, và nhiều người ngày nay tin rằng đây chắc chắn là những sai lầm nghiêm trọng. Nhưng cũng có những chiến dịch hòa bình của Catherine xứ Siena và sau đó là sự hưởng ứng của các giáo hoàng đối với sự phản đối của Barthélémy de Las Casas ủng hộ người da đỏ châu Mỹ và đây là vinh dự của họ.

Gần đây hơn, đúng một trăm năm trước, Đức Leo XIII đã công bố thông điệp xã hội vĩ đại đầu tiên, *Rerum*

Novarum, trong đó ngài dám bảo vệ những người lao động trong ngành công nghiệp quy mô lớn theo cách hoàn toàn khác so với cách làm của người đương thời với ngài, Karl Marx. Và sau Đức Gioan XXIII và bức thư nổi tiếng *Pacem in terris*, sau Đức Phaolô VI và nổi ám ảnh của ngài về sự hiện diện của Giáo hội trong thế giới hiện đại, Đức Gioan Phaolô II không có ý định rằng các Kitô hữu mất hứng thú với các vấn đề của xã hội, cũng như cuộc đấu tranh cho quyền con người và phẩm giá, ngài lặp lại điều này trong mọi hoàn cảnh, đặc biệt là trong những chuyến đi của mình tới các nước thế giới thứ ba.

Không thể suy ra từ Tin Mừng một học thuyết chính trị chính xác, có giá trị cho mọi thời đại và mọi nơi. Nhưng có một số yêu cầu về đạo đức, cộng đồng và xã hội được nêu rõ ràng. Họ phải truyền cảm hứng cho hoạt động chính trị của chúng ta, nếu không sẽ mâu thuẫn với việc thiết lập nền công lý và hòa bình. Chúng ta có thể nhớ lại sự tôn trọng đối với những người thiệt thòi nhất và cuộc đấu tranh cho phẩm giá của họ ; bảo vệ người yếu thế : trẻ em, người già, người khuyết tật; bảo vệ sự sống dưới mọi hình thức ; việc tiếp nhận người di cư và người nước ngoài ; sự phủ nhận quyền lực tối cao của tiền bạc và của cải cũng như quyền lực toàn trị ; cuộc đấu tranh không mệt mỏi cho công lý và hòa bình.

Tất cả những yêu cầu này đều mang tính truyền giáo và chính trị, và việc chấp nhận chúng đánh dấu những giới hạn có thể có của chủ nghĩa đa nguyên chính trị của những người Kitô hữu.

Thật vậy, không chỉ với các Nữ tu Bác ái, mà còn với một số nhà hoạt động công đoàn hoặc các nhà lãnh đạo chính trị, Chúa Kitô Vua sẽ có thể nói vào ngày sau hết : «Ta đã không có việc làm và các người đã cung cấp cho ta, ta là người lạ và các người đã tiếp đón ta, ta bị đe dọa bởi chiến tranh và các người là người kiến tạo hòa bình, vậy hãy đến, hãy vào hưởng niềm vui của Thiên Chúa các người». Bởi vì vương quốc của Chúa Kitô muốn hiện diện ở khắp mọi nơi mà con người sống và trong mọi điều được thực hiện cho con người, Chúa Kitô nhận ra chính mình. Tuy nhiên, bất kỳ hành động chính trị nào cũng có nguy cơ trở thành niềm đam mê độc quyền và tạo ra những thần tượng mới. Sẽ là vô ích khi nói về vương quốc của Thiên Chúa mà quên mất sự giải phóng con người, nhưng người Kitô hữu phải luôn cẩn thận không nhầm lẫn sự giải phóng con người, ngay cả khi là chính đáng và cấp bách, với vương quốc của Thiên Chúa. Không có gì xa lạ với Chúa Kitô, nhưng Người không thể bị thay thế bởi bất cứ điều gì, Người không thể bị giản lược thành bất cứ điều gì khác ngoài chính Người.

Ngay cả những Kitô hữu ít phù hợp với công tác xã hội và đấu tranh chính trị cũng có thể làm việc cho Vương quốc công lý và tình yêu thông qua sự quan tâm hàng ngày của họ đến những anh chị em thân thiết nhất và qua lời cầu nguyện của họ. Việc lặp lại : «Nước Cha trị đến» dạy chúng ta nhận ra Chúa Kitô ngày này qua ngày khác là vua của chúng ta, nghĩa là là nguồn cảm hứng sâu sắc và thường trực cho những suy nghĩ nghiêm túc nhất của chúng ta và cho cuộc sống của chúng ta trong sự nghiêm túc và ý nghĩa của nó.

Trong mầu nhiệm cao cả các thánh thông công, mỗi người làm việc cho tất cả những người khác, Giáo hội là một sự liên đới bao la trong đó tất cả đều được đào tạo, mỗi người trong bước đi riêng của mình, cho đến ngày cuối cùng, khi Thiên Chúa sẽ là tất cả trong mọi người. «Lạy Chúa tôi và Thiên Chúa tôi», tông đồ Tôma đã thốt lên trước Chúa Kitô, Đáng chiến thắng sự chết. Nguyện đó là lời cuối cùng của chúng ta ở dưới thế này và là tiếng kêu đầu tiên của chúng ta dưới ánh sáng Vương quốc của Người.

Ý Cha thể hiện

Chỉ có Thánh Mát-thêu ghi lại lời cầu nguyện thứ ba trong «Kinh Lạy Cha». Thánh Lu-ca không giữ lại câu này, có lẽ ông cho rằng nó hàm chứa trong câu «Nước Cha trị đến». Thật vậy, ý muốn của Thiên Chúa chỉ có thể dẫn đến triều đại của Ngài. Tuy nhiên, trên con đường của con người, ý muốn của Thiên Chúa được thể hiện theo nhiều cách và sự suy ngẫm của họ tạo nên chủ đề lớn trong sự mặc khải của Kinh thánh.

Trước tiên, chúng ta hãy lưu ý rằng chúng ta có thể nói «Ý Chúa được nên» theo nhiều cách khác nhau. Người ta có thể tuyên bố điều này một cách cam chịu, thậm chí buồn bã và hối tiếc, như khi đối mặt với một thảm họa không thể tránh khỏi : «Xin ý Chúa được thể hiện vì chúng con không thể làm khác được...» Nhưng đây không phải là giọng điệu của «Kinh Lạy Cha». Lời cầu xin này, hay đúng hơn là lời chúc «Xin ý Cha được nên» xuất hiện sau «Danh Cha cả sáng» về cơ bản là một lời ngợi khen, một lời kêu gọi tạ ơn. Câu này cũng được nói sau câu «Nước Cha trị đến», cần được tuyên bố với niềm hy vọng và niềm vui : cuối cùng xin cho vương quốc sự sống và chân lý, vương quốc ân sủng và thánh thiện, vương quốc công lý, tình yêu và hòa bình được trị đến ! Khi nói «Xin ý Cha được nên», không

phải là phó thác bản thân cho ý Thiên Chúa, bất kể điều gì xảy ra, mà là tha thiết mong muốn điều đó : chúng ta hết lòng mong muốn điều Thiên Chúa muốn được nên: chúng ta kết hợp ý muốn của mình với ý muốn của Ngài; chúng ta là những người yếu đuối, chúng ta tin tưởng vào sức mạnh của Chúa Thánh Thần để xóa bỏ sự chậm chạp và suy nghĩ của chúng ta và đưa chúng ta vào sự năng động và niềm vui của Ngài.

«Ý Cha được nên» không phải và không nên là tiếng thở dài đầu hàng. Đó là một mong ước đầy hy vọng, và hơn cả một mong ước, điều mà Phao-lô gọi là sự vâng phục của đức tin (Rm 1.5), sự khẳng định quyết định chiến đấu hết sức mình để ý muốn của Thiên Chúa được thực hiện, trước tiên là nơi chúng ta bằng cách đón nhận ân sủng của Ngài, sau đó là nơi toàn thể nhân loại. Vì vậy, chúng ta được kêu gọi chia sẻ niềm tự hào của tông đồ khi ông nói : «Chúng ta là những người cộng tác với Thiên Chúa» (1 Cr 3.9):

Xin dạy con biết thánh ý của Chúa !

Đây là điệp khúc của Thánh Vịnh 119, là bài dài nhất trong Kinh thánh, lặp lại trong hơn một trăm bảy mươi sáu câu thơ lời ngợi khen Lễ Luật của Thiên Chúa và kết thúc bằng câu thơ này mà chúng ta có thể nhận ra một sự tự mãn nhất định : «Không, tôi không quên các điều

răn của Thiên Chúa !» Thật đúng là lý tưởng sống của một người Do Thái trung thành hoàn toàn nằm trong việc liên tục và không mệt mỏi tìm kiếm ý muốn của Thiên Chúa và dần dần bản chất của ý muốn này được coi là có trong Lễ Luật và được mã hóa trong vô số chi tiết tuân thủ.

Tuy nhiên, ý muốn của Thiên Chúa cũng đã và trên hết được thể hiện qua những sáng kiến vĩ đại của Ngài, tất nhiên bắt đầu bằng việc sáng tạo thế giới và đặc biệt là sáng tạo con người. Isaia đã nhắc lại một cách mạnh mẽ về thiết kế đầu tiên của Thiên Chúa : «Chúa, Đấng Thánh của Israel, Đấng tạo thành Israel, phán như sau : Dân chúng xin Ta dấu lạ ; về công trình của tay Ta, Ta được lệnh ! Ta đã tạo ra trái đất và tạo ra những người sống trên đó ; Ta đã giương các tầng trời bằng tay Ta và truyền lệnh cho tất cả các cơ binh của chúng. Từ ban đầu, Ta đã loan báo những điều sẽ đến, và trước những điều chưa được thực hiện. Ta phán : kế hoạch của Ta sẽ được thực hiện, điều Ta muốn Ta sẽ hoàn thành... Điều Ta đã phán Ta sẽ thực hiện, ý định của Ta sẽ hoàn thành» (Is 45 và 46).

Trên hết, ý muốn của Thiên Chúa được mặc khải trong lịch sử của dân tộc mà Ngài đã chọn : đối với Abraham và Môi-se, nó được diễn giải bằng các giao

ước mà Ngài đề xuất với những người sáng lập vĩ đại của dân tộc Ngài. Thánh ý Ngài thường được diễn tả là dân này sẽ trung thành với Lời đã phán với họ : «Nếu các người nghe tiếng Ta và giữ giao ước Ta, thì Ta sẽ coi các người là cơ nghiệp riêng của Ta giữa muôn dân» (Xh 19.5). Phaolô sẽ nhắc lại kế hoạch giao ước này khi ông viết cho người Ê-phê-xô (Ep 1.11) trong khi tự tăng bốc với nguồn gốc Do Thái của mình : «Chúng ta đã được biệt riêng, được chỉ định trước, theo kế hoạch đã định trước của Đấng chỉ đạo mọi sự theo ý muốn của Ngài, để trở thành lời ca ngợi vinh quang của Ngài cho những người đã hy vọng trước vào Đấng Kitô. »

Hồng ân của Lễ Luật đi kèm với giao ước và trở thành bản dịch của giao ước : vào cuộc sống hằng ngày. Sự đa dạng của các giới luật cho mọi tình huống và mọi giờ trong ngày thể hiện sự hiện diện liên tục của Thánh ý Chúa đối với những ai lắng nghe Ngài. Nhưng họ phải chịu nguy cơ, mà Chúa Giêsu sẽ lên án mạnh mẽ, về một chủ nghĩa nghi lễ và chủ nghĩa tuân thủ xa rời sự khôn ngoan được đề xuất bởi giao ước đầu tiên và Mười Điều Răn vẫn là cách diễn đạt tốt nhất. Trên thực tế, đây đồng thời là một tượng đài ẩn tượng về sự vĩ đại của Thiên Chúa và con người mà Ngài tạo ra, đồng thời là một tác phẩm trí tuệ được đánh dấu bằng ý thức xã hội vững chắc.

Sự khôn ngoan này dẫn dắt những người Israel trung thành nhất đến với sự chấp nhận ý muốn của Thiên Chúa một cách bình thản, ngay cả khi khó khăn, và cũng nhận ra sự công bằng trong hình phạt của Thiên Chúa. Vì vậy, Thiên Chúa phán với chàng thanh niên Sa-mu-en : «Ta sẽ lên án nhà Eli mãi mãi, vì ông biết rằng các con trai mình đã nguyên rửa Thiên Chúa và ông đã không sửa phạt chúng». Và Eli già trả lời nhà ngôn sứ trẻ tuổi: «Ngài là Thiên Chúa, hãy để Ngài làm bất cứ điều gì Ngài thấy tốt! » (1 Sm 3.18). Eli thể hiện một chủ nghĩa định mệnh nhất định mà may mắn thay thường có thể vượt qua được ; ví dụ, đối với Judas Maccabée, ý muốn của Thiên Chúa là lý do để hành động. Vào đêm trước trận chiến quyết định, ông đã tập hợp các đồng đội của mình lại và nói với họ : «Thà chúng ta chết trong chiến trận còn hơn là đứng nhìn cảnh bất hạnh của dân tộc và nơi thánh của chúng ta». Judas và các đồng đội đã chiến đấu anh dũng và giành chiến thắng (1 Mcb 3.59).

Nhưng sự bất trung của dân chúng và đặc biệt là những người lãnh đạo của họ làm tổn hại đến kế hoạch của Thiên Chúa, bất chấp lời kêu gọi của các ngôn sứ ủng hộ việc tuân thủ lề luật một cách tâm linh hơn. Trong thời kỳ lưu đày ở Babylon, Giê-rê-mi-a công bố một giao ước mới, nội tâm hơn, trong đó lương tâm con người được kêu gọi tham gia : «Ta sẽ đặt Luật của Ta

vào lòng chúng và khắc ghi vào nơi sâu thẳm trái tim chúng. Khi đó, Ta sẽ là Thiên Chúa của chúng và chúng sẽ là dân Ta» (Gr 31.34). Và Ê-dê-ki-en : «Ta sẽ ban cho các người một tấm lòng mới, và đặt một thần trí mới trong các người... Ta sẽ đặt Thần Trí Ta trong các người, và khiến các người bước theo các luật lệ của Ta» (Ed 36.25).

Trên thực tế, khi Chúa Giê-su bắt đầu rao giảng, người Do Thái đã chia rẽ. Một số người, những người Pharisêu, «những người tách biệt», và cả những người chịu ảnh hưởng của cộng đồng Qumrân, ủng hộ việc tuân thủ tỉ mỉ những giới luật nhỏ nhất được thiết lập bởi truyền thống giáo sĩ Do Thái. Họ còn đi xa đến mức từ chối bất kỳ sự phân biệt nào về tầm quan trọng giữa các điều răn nhỏ và lớn vì tất cả đều được cho là xuất phát từ miệng Thiên Chúa. Nhưng những người khác, những người Sa-đu-sê, chủ yếu tuyển dụng từ các thầy tế lễ ở Giêrusalem và các gia đình giàu có, tuân thủ Lễ Luật được viết trong năm cuốn sách đầu tiên của Kinh thánh, tức là Torah, mà họ tự cho rằng mình là người giải thích đủ tiêu chuẩn duy nhất. Điều này cho phép họ có sự thoải mái nhất định trong thực tế.

Chúa Giê-su sẽ nhanh chóng bị chống đối bởi cả hai nhóm, mặc dù ngay từ đầu khi rao giảng, Người đã định

vị mình khá gần với dòng người Pha-ri-sêu. Nhưng những người nghèo mà Người là một trong số đó đã bị cản trở bởi công việc hàng ngày của họ trong việc tuân thủ các nghi lễ phức tạp về thức ăn, quần áo, việc tắm rửa thường xuyên, quan hệ với những người không phải là người Do Thái... Và Chúa Giêsu dù cố gắng tuyên bố bằng lời nói và mọi hành vi của mình rằng Thánh ý Thiên Chúa không thể bị giản lược thành một chủ nghĩa hợp pháp tôn giáo, dù chân thành, điều này không phải lúc nào cũng đúng.

Thánh ý của Đấng đã sai tôi

Khi Chúa Giê-su tuyên bố một cách dứt khoát : «Ta chẳng tìm ý riêng Ta, nhưng tìm ý Đấng đã sai Ta» (Ga 5.30), chính xác thì Người có ý gì ? Trước hết, Người đã nhận được từ Chúa Cha một nhiệm vụ phải hoàn thành, và nhiệm vụ này bao gồm việc cho mọi người thấy trước ánh sáng ban ngày và kế hoạch cứu độ của Thiên Chúa dành cho toàn thể nhân loại. Sau này Phaolô nói : «Thiên Chúa muốn cho mọi người được cứu rỗi và hiểu biết lẽ thật» (1 Tm 2.4). Nhưng, từ lâu trước đó, Chúa Giêsu đã kết thúc dụ ngôn về con chiên lạc được người chăn chiên nhân lành tìm lại : «Thánh ý Cha các con ở trên trời là không một ai trong những kẻ bé mọn này phải hư mất» (Mt 18.14).

Vậy thì con người có thể được cứu khỏi điều gì ? Sự dữ, lời cầu xin cuối cùng của «Kinh Lạy Cha» sẽ chỉ rõ, và hậu quả của nó : tội lỗi ngăn cách chúng ta với Thiên Chúa, lòng hận thù, đau khổ và cái chết. Chúa Giêsu tuyên bố trước những người Do Thái ở Capharnaüm, những người chỉ thấy nơi Người một Môi-se mới có lẽ có khả năng đáp ứng tham vọng dân tộc chủ nghĩa của họ : «Đây là ý muốn của Đấng đã trao cho tôi sứ mệnh này, rằng tôi không để mất một điều gì trong tất cả những gì Ngài đã ban cho tôi, nhưng tôi sẽ cho chúng sống lại trong ngày sau hết. Vì đây là ý muốn của Cha tôi : tất cả những ai thấy Người Con và tin vào Người thì có sự sống đời đời». (Ga 6.39-40).

Trong Tin Mừng được Chúa Giêsu công bố, sự cứu rỗi và giải thoát, hạnh phúc và phúc lành, hòa bình và niềm vui, sự sống và sự sống vĩnh cửu như vương quốc và vương quốc gần như đồng nghĩa với nhau. Tất cả những lời này đều nói rõ rằng thực tại mà chúng đề cập luôn luôn theo cách này hay cách khác chính là tình yêu của Chúa Cha. Thánh ý Thiên Chúa là tình yêu được trao ban, được nhìn nhận, được chào đón, được chia sẻ và lan tỏa. Thánh sử Gioan nhấn mạnh rằng chiều kích đích thực của ơn cứu độ đã được vị thượng tế Caïphe ban cho khi ông vô tình loan báo về sự đoàn tụ trong hiệp nhất của tất cả những người con Thiên Chúa đang

bị phân tán (Ga 11.55). Và Thánh Phaolô cũng sẽ nói theo cùng ý nghĩa đó : «Thiên Chúa đã cho chúng ta hiểu biết mầu nhiệm ý muốn của Người : quy tụ toàn thể vũ trụ dưới một thủ lãnh duy nhất là Đức Kitô» (Ep 1.9-10).

Xin cho con khỏi uống chén này !

Để thực hiện ý muốn cứu độ thế gian, để hoàn thành sứ mệnh Chúa Cha trao phó, Chúa Giêsu đã thể hiện tình yêu Thiên Chúa và tình yêu của chính mình bằng những việc làm như thế nào ? Có lẽ nhiều Kitô hữu, nếu được hỏi thẳng, sẽ tự động trả lời : «Bằng cách chết vì chúng tôi». Tuy nhiên, câu trả lời này, ít nhiều được lấy cảm hứng một cách có ý thức từ Kinh Tin Kính Nicea «bị đóng đinh vì chúng ta dưới thời Ponce Pilate», không hoàn toàn thỏa đáng, bởi vì chính qua toàn bộ cuộc đời, mọi hành động và mọi lời nói của mình, Chúa Giêsu đã hoàn thành sứ mệnh của mình. Kinh Tin Kính của chúng ta cũng nói rằng : «Vì loài người chúng ta và để cứu rỗi chúng ta, Người đã từ trời xuống thế... và đã làm người. »

Là một người giữa loài người, Chúa Giêsu đã biểu lộ ý muốn của Chúa Cha trước tiên bằng cách chữa lành những người bệnh được mang đến cho Người, bằng cách công bố các mối phúc và kinh Lạy Cha, bằng cách

cho thấy lòng thương xót vô hạn của Thiên Chúa đối với những người tội lỗi và bằng cách nhắc lại lòng ưu ái của Người đối với người nghèo, không loại trừ người ngoại giáo và người xa lạ, thậm chí cả kẻ thù.

Tin mừng này đã khiến Chúa Giêsu định nghĩa lại việc tuân theo Lễ Luật bằng cách đặt nó hoàn toàn vào mục đích phục vụ con người : «Ngày Sa-bát là vì con người, chứ không phải con người vì ngày Sa-bát» (Mc 2.27). Trên thực tế, nó biến đổi từ bên trong việc tuân thủ lễ luật, ngay cả khi Người có vẻ bảo vệ nó : «Ta đến không phải để phá bỏ Lễ Luật nhưng là để kiện toàn» Người nói (Mt 5.17), nghĩa là để mang lại ý nghĩa thực sự cho nó. Trên thực tế, mặc dù Người tỏ ra tôn trọng Mười Điều Răn, Người thu gọn toàn bộ Lễ Luật thành hai giới luật song song là yêu Chúa và yêu người.

Với tinh thần tương tự, Người lên án sự giả hình, chủ nghĩa hình thức, lòng tham, sự khát khao quyền lực ở bất cứ nơi nào Người nhìn thấy, kể cả trong số những người có quyền lực, người Phariseu, các thầy tế lễ, các học giả, những người nổi tiếng. Đối với việc thờ cúng đền thờ, trung tâm của đời sống tôn giáo Do Thái, Người không chỉ muốn thanh tẩy nơi này khỏi nạn buôn bán diễn ra ở đó, mà trên hết Người còn tuyên bố rằng nó sẽ được thay thế bằng một giáo phái trong

ting thần và chân lý không liên quan đến bất kỳ địa điểm đặc quyền nào.

Nhưng thái độ như vậy không thể tránh khỏi sự phản đối dữ dội từ những người có thẩm quyền tại chỗ vì họ cảm thấy bị đe dọa bởi một người phản đối như vậy. Vì thế, ngay từ khi bắt đầu sứ mệnh của mình, Chúa Giêsu đã có thể thấy trước và chấp nhận cái chết của mình. Theo Thánh Mát-thêu, Thánh Mác-cô và Thánh Lu-ca, Chúa đã thông báo điều này ba lần với các môn đệ của mình. Đối với Thánh Gio-an, rõ ràng là Chúa Giêsu biết những gì Người đang mạo hiểm, Người biết giờ của mình : «Ta biết Ta từ đâu đến và Ta sẽ đi đâu» Người nói (Ga 8.14). Người biết, nhờ sự tiên kiến của Thiên Chúa hoặc nhờ suy luận thông minh, rằng lòng trung thành với sứ mệnh của mình sẽ dẫn Người đến một cuộc đối đầu bi thảm với chính quyền nhân dân. Thiên Chúa không sai Người đến để chết, nhưng để rao giảng tin mừng về tự do và tình yêu. Chỉ có thông báo này, vì nó thách thức những định kiến và chủ nghĩa tuân thủ theo chủ nghĩa chính thống, nên chỉ có thể dẫn đến việc nó bị các thế lực tôn giáo và chính trị bác bỏ và bị lên án trong luật pháp thời bấy giờ.

Cuối cùng, sẽ có ba lý do chính khiến các nhà lãnh đạo Do Thái từ chối và lên án Người : Người phá vỡ Lễ

Luật, Người xóa bỏ vai trò của Đền thờ bằng cách tâm linh hóa việc thờ phượng, phổ quát hóa sự cứu rỗi bằng cách kêu gọi những người ngoại đạo bước vào vương quốc của Thiên Chúa. Tóm lại, Người đe dọa toàn thể dân Israel bằng cách tước đi Lễ Luật, sự thờ phượng và nhận thức rằng họ là dân được chọn. Lý do thứ tư được các thầy tế lễ thượng phẩm đưa ra : Người đã phạm thượng khi tự xưng mình là Con Thiên Chúa.

Vì vậy, trong khi một số đông người bắt đầu tôn vinh Người là Đấng cứu thế và Vua của Israel, và do đó góp phần khiến Người trở nên đáng ngờ hơn trong mắt các nhà chức trách tôn giáo và chính trị, thì Người có thể làm gì để thoát khỏi cái chết, như các môn đệ của Người đã gợi ý ? Người có thể chạy trốn vào sa mạc hoặc ẩn náu trong một ngôi làng xa Giêrusalem. Người đã làm như vậy một thời gian (Ga 11.54). Người có thể giữ im lặng và từ chối việc rao giảng Tin Mừng của mình. Nhưng sự trốn tránh như vậy sẽ khiến Người mất đi mục đích của mình. Nhưng đối với Người, chỉ có một điều quan trọng : «Đây là điều nuôi dưỡng tôi, để tôi làm theo ý muốn của Đấng đã giao phó cho tôi và hoàn thành công việc của Ngài» (Ga 4.34).

Chúa Giêsu đã cố tình chấp nhận cái chết của mình như dấu chỉ tối cao cho lòng trung thành với sứ mệnh

của Người. Điều này không phải là không có sự lo lắng dễ hiểu. Cảnh tượng đau đớn của Người trong vườn Gethsémani, vào giờ trước khi Người bị hành hình, là một lời chứng cảm động về điều này : «Người đem Phêrô, Giacôbê và Gioan theo. Người bắt đầu bị nỗi sợ hãi và đau khổ chế ngự. Người nói với họ : ‘Linh hồn Ta tràn ngập nỗi buồn đến chết. Hãy ở lại đây và canh thức’. Người đi xa hơn một chút, ngã xuống đất : Người cầu nguyện, để nếu có thể, giờ đó sẽ trôi qua thật xa khỏi Người. Người nói : ‘Abba, Cha ơi, mọi sự đều có thể, với Cha ! Xin hãy cất chén này khỏi con ! Nhưng không phải điều con muốn, mà là điều Cha muốn...» (Mc 14.34-36).

Vì vậy, thập tự giá xuất hiện như sự hoàn thành cuối cùng của sự vâng phục đạt đến mức độ tốt cùng nhất. Người phán : «Không có tình yêu nào lớn hơn tình yêu của người đã hy sinh mạng sống mình vì bạn hữu» (Ga 15.13). Trong Chúa Giêsu, sự vâng phục và tình yêu được xác định chính xác. Thiên Chúa muốn Con Ngài trở thành chứng nhân kiên định cho tình yêu của Ngài dành cho con người, bất kể Ngài phải đối mặt với những nguy hiểm nào. Và Chúa Giê-su đã tự do lựa chọn vâng theo kế hoạch của Cha mình, ngay cả khi Ngài phải chết trên thập tự giá. Người nhận ra rằng cái chết con người không thể tránh khỏi, có ý nghĩa trong công cuộc

cứu rồi và máu của Người có thể thay thế mọi của lễ giao ước đầu tiên ; Người đã nói điều đó với các môn đệ của mình, trao cho họ Thánh Thể : «Máu Ta là máu giao ước, đổ ra cho muôn người được tha tội» (Mt 26.28).

Không phải Thiên Chúa muốn giết Con mình. Chính con người là những kẻ tàn nhẫn, tham vọng hoặc hèn nhát, những kẻ chỉ có một lý do bào chữa duy nhất - nếu có - là họ không biết mình đang làm gì ; Chính Đấng bị đóng đinh đã nói : «Lạy Cha, xin tha thứ cho họ, vì họ không biết việc họ làm». Về phần Người, sau giờ phút đau đớn tột cùng, trong phiên tòa và cuộc khổ nạn của mình, Người đã xuất hiện như một người bình tĩnh, làm chủ được bản thân, làm chứng nhân tự do cho chân lý.

Các tông đồ sẽ giải thích ý nghĩa thần học về cái chết của Chúa Giêsu. Hai mươi năm sau sự kiện, Phao-lô viết : «Trước tiên tôi truyền đạt cho anh em điều chính tôi cũng đã nhận được, là Đấng Kitô đã chết vì tội lỗi chúng ta» (1 Cr 15.3). Cụm từ này đã trở nên phổ biến trong cộng đồng Kitô giáo. Điều này thật đáng tiếc vì nó bao hàm mọi thứ mà sau này được gọi là mầu nhiệm cứu chuộc. Thánh ý Thiên Chúa, được Con của Ngài là Chúa Giêsu đảm nhận hoàn toàn, không gì khác hơn là biến Người thành Đấng Cứu Độ thế gian qua cuộc đời, cái chết và sự phục sinh của Người.

Sứ mệnh của các môn đệ

«Ý Chúa được nên». Đối với Chúa Giêsu, những lời này không chỉ là lời cầu nguyện mà còn là lý do để Người sống và chết. Các môn đệ của Người chỉ hiểu điều này từng chút một, đầu tiên là vào ngày sau lễ Phục sinh trong cuộc gặp gỡ với Đấng Phục sinh, rồi vào lễ Ngũ tuần, khi Chúa Thánh Thần soi sáng cho họ. Lời kêu gọi của Chúa Kitô đã không biến họ thành những anh hùng : Phêrô đã chối Chúa, hầu hết những người khác đã chạy trốn... Tuy nhiên, khi họ được Chúa Thánh Thần củng cố đức tin, họ có thể làm chứng, xây dựng Giáo hội và thậm chí hy sinh mạng sống của mình đến mức tử đạo, vì lòng trung thành với sứ mệnh đã nhận được từ Chúa Kitô, cũng như Người đã trung thành với ý muốn của Chúa Cha.

Ngày nay, người Kitô hữu cũng nhận được sứ mệnh từ Thiên Chúa : sống đúng với phẩm giá là con cái của Thiên Chúa. Điều răn lớn nhất của tình yêu là luật cơ bản của cuộc sống họ, nó bao gồm tất cả những điều răn khác. Chỉ có Ngài mới cho phép chúng ta tuân theo ý muốn của Thiên Chúa mà không từ bỏ sự tự do bên trong của mình.

Chúa Kitô đến để đối diện với mọi chủ nghĩa duy vật. Phao-lô có thể viết : «Ai yêu thương người khác thì đã chu toàn Lễ Luật. Điều răn : Người không được ngoại tình, không được giết người, không được trộm cắp, không được tham lam và tất cả những điều răn khác đều được tóm tắt trong công thức này : người phải yêu người lân cận như chính mình. Lòng bác ái không gây hại cho người lân cận. Vậy nên lòng bác ái là lễ luật trọn vẹn» (Rm 13.8-10).

Mỗi người trong khuôn khổ rộng lớn này, với nhiều khía cạnh khác nhau được soi sáng nhờ việc liên tục lắng nghe Tin Mừng, sẽ phải nhận ra và phân định điều Thiên Chúa mong đợi nơi mình theo ơn gọi riêng của mình. Phao-lô đã khuyên các Kitô hữu ở Rô-ma đổi mới sự phán đoán của mình để có thể phân biệt rõ hơn ý muốn của Thiên Chúa, điều gì là tốt, điều gì đẹp lòng Ngài, điều gì là trọn vẹn (Rm 12.2). Và luôn luôn có sự cầu nguyện và suy ngẫm trước Thiên Chúa khi đưa ra một quyết định quan trọng. Nhưng Thiên Chúa cũng muốn hiện diện trong mọi thứ tạo nên cuộc sống thường ngày của chúng ta. Ngài yêu thương chúng ta như chúng ta hiện tại và trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta phải nhận ra và yêu mến Thánh ý Ngài.

Khi nhắc đến lời hứa của Chúa Kitô, chúng ta có thể cầu xin Thánh ý Chúa khi chúng ta khao khát hạnh phúc đích thực, sự sống và tình yêu. Nhưng đôi khi có những sự kiện đưa chúng ta vào xung đột, đau khổ và cái chết, của những người thân yêu và của chính chúng ta. Khi đó, chúng ta sẽ gần với sự không hiểu biết, sự từ chối, sự phản kháng hoặc thậm chí là sự tuyệt vọng hơn là sự vâng phục qua tình yêu được Chúa Giêsu đề xuất cho các môn đệ của Người và chính Người đã nêu gương. Việc chiêm ngưỡng thập giá của Chúa Kitô là phương cách cứu cánh tuyệt vời của chúng ta. Việc tìm kiếm Thánh ý Chúa, giống như tìm kiếm tình yêu, phải kiên nhẫn và cầu nguyện. Và đức tin vào sự hiệp thông của các thánh có thể giúp chúng ta : chúng ta không đơn độc và tất cả chúng ta đều chia sẻ những đau khổ của Chúa Kitô và trở nên giống Người trong cái chết của Người (Pl 3.10).

Lịch sử gần đây, từ Ba Lan đến Nicaragua, không quên Trung Quốc và Campuchia, cho chúng ta thấy rằng trên khắp thế giới, nhiều Kitô hữu đã hoặc vẫn đang bị đàn áp, bỏ tù, tra tấn, trục xuất và giết hại chỉ vì họ muốn làm chứng về lòng bác ái của Chúa Kitô đối với những người nghèo nhất hoặc vì họ nổi loạn chống lại sự bất công và đau khổ của anh em mình. Chúa Kitô bảo đảm với chúng ta rằng không gì có thể ngăn cản một tín hữu

đã bước vào sự ảnh hưởng của Thánh Linh Người khỏi việc trung thành với sứ mệnh của mình, trung thành với ý muốn của Cha mình. Như Người đã nói vào buổi tối cuối cùng ở bên các tông đồ : «Bây giờ anh em buồn rầu. Nhưng sau đó, Thầy sẽ gặp lại anh em, lòng anh em sẽ vui mừng, và không ai có thể lấy mất niềm vui của anh em (...) Hãy xin thì anh em sẽ được, để niềm vui của anh em được trọn vẹn» (Ga 16.22-24). Niềm hy vọng về niềm vui vượt xa thử thách là một phần đức tin của chúng ta.

Chúa Giêsu thường hỏi câu hỏi : «Anh có tin không?» Đặc biệt trong những thời điểm khó khăn, chúng ta phải đáp lại như người cha của đứa con đau yếu mà Tin Mừng nói đến : «Lạy Chúa, con tin, nhưng xin Chúa giúp con vì lòng tin yếu kém của con !» (Mc 9.24). Tìm kiếm Thánh ý Chúa chứa đựng cho mỗi người chúng ta một lời kêu gọi hy vọng và lời mời gọi đức tin : không phải đau khổ, bất công hay cái chết sẽ chiến thắng, mà là tình yêu và sự sống. Mỗi ngày Thứ Sáu Tuần Thánh có thể đưa chúng ta đến với sự trong sáng của buổi sáng Phục Sinh. Thánh ý Chúa là Lễ Phục Sinh và mọi Kitô hữu đều được hiệp thông với Chúa Kitô Cứu Thế trong Lễ Phục Sinh của Người.

Dưới đất cũng như trên trời

Bản văn tiếng Hy Lạp của sách Thánh Mát-thêu được viết theo thứ tự ngược lại với bản văn phụng vụ của chúng ta : «Trên trời như thế nào, thì dưới đất cũng vậy». Thật đáng tiếc là tiếng Pháp thông dụng không thể giữ được công thức này, công thức đầu tiên nhấn mạnh đến bầu trời. Khi danh Thiên Chúa được tôn vinh trên thiên đàng, khi vương quốc của Ngài được hoàn thành trên thiên đàng, khi ý muốn của Ngài được thực hiện trên thiên đàng, theo mô hình thiên thể bí ẩn này, thì con người cũng phải làm như vậy trên trái đất...

Nghịch lý kỳ lạ. Chúng ta đang sống trên trái đất và không biết chuyện gì đang xảy ra trên thiên đàng. Vậy làm sao chúng ta có thể lấy cảm hứng từ một mô hình vô hình ? Nhưng Chúa Giê-su đã dám khuyên các môn đệ của mình : «Hãy nên hoàn thiện như Cha các con trên trời là Đấng hoàn thiện» (Mt 5.48). Và, chúng tôi đã nói rồi, thiên đàng là Chúa. Chúng ta có thể diễn giải: «Như Chúa vậy, trên trái đất cũng vậy». Cuối cùng, Danh Chúa, vương quốc của Ngài, ý muốn của Ngài tượng trưng cho sự sống của Ngài đối với chúng ta, sự sống của Ngài như đã được Con Ngài biểu lộ cho chúng ta. Thánh Gio-an đã có thể viết : «Trong Ngài có sự sống, và sự sống là sự sáng của loài người». Khi

đó chúng ta có thể nói : «Nhu trong Thiên Chúa có sự sống, thì trên trái đất này cũng có sự sống, và hãy để nó là ánh sáng cho mọi người».

Thiên đàng tượng trưng cho Chúa trong vương quốc của Ngài, với các thiên thần, các thánh và tất cả những người mà Ngài đã quy tụ xung quanh Con Ngài, Đấng Cứu Rỗi họ. Cuộc tụ họp này đã diễn ra trong sự viên mãn vinh quang chưa ? Có vẻ như không phải vậy. Sách Isaia loan báo về một Giêrusalem mới được chiếu sáng bởi vinh quang của Thiên Chúa (Is 60) ; bức thư thứ hai của Phê-rô khuyên giục các Kitô hữu hãy trông đợi trời mới đất mới, nơi sự công bình ngự trị (2 Pr 3.13). Những hình ảnh rực rỡ của Sách Khải Huyền mô tả Thành Thánh, Giêrusalem, từ trời xuống, từ Thiên Chúa, để ngai vàng của Thiên Chúa và của Chiên Con có thể được đặt tại đó (Kh 21 và 22).

Tuy nhiên, phải thừa nhận rằng những văn bản này, đầy chất thơ và hy vọng, lại không chính xác về phương pháp thực hiện sự chuyển đổi này của vũ trụ cũng như về ngày Chúa Kitô trở lại đầy vinh quang, là người duy nhất sẽ mang đến cuộc gặp gỡ và sự hợp nhất dứt khoát giữa đất và trời. Phao-lô thường xuyên khẳng định lại niềm tin của mình rằng Chúa Kitô phục sinh là trung tâm của vũ trụ và do đó ông khuyên nhủ những người theo

mình phải kiên nhẫn và hy vọng ; chẳng hạn, ông viết cho người Cô-lô-xê : «nh em đã được sống lại với Chúa Kitô, hãy tìm kiếm những điều ở trên trời, nơi Đấng Kitô đang ngự bên phải Thiên Chúa. Hãy hướng tâm trí vào những điều ở trên trời, đừng chú tâm vào những điều ở dưới đất. Vì anh em đã chết, và sự sống của anh em hiện đang ẩn giấu với Đấng Kitô trong Thiên Chúa. Khi Đấng Kitô, là sự sống của anh em, xuất hiện, thì anh em cũng sẽ xuất hiện với Người trong vinh quang» (Cl 3.1-4).

Trong vương quốc của Thiên Chúa, mọi thứ đã bắt đầu, nhưng mọi thứ vẫn đang trong quá trình hình thành và đối với Thiên Chúa, thời gian không quan trọng. Nhưng điều quan trọng với chúng ta là trời và đất phải hòa hợp với nhau theo một cách nào đó ngay bây giờ. Vì những việc làm ở đây có giá trị trên thiên đàng và chúng ta không được hiểu theo nghĩa đen lời của Phaolô, yêu cầu chúng ta không nghĩ về những điều trần tục; bản thân ông cũng nhấn mạnh trong những trường hợp khác, ví dụ như về điều kiện sống gia đình tốt, hoặc về sự cần thiết phải làm việc để kiếm sống. Không phải là không quan trọng khi đoạn văn trích dẫn từ sách Thánh Mát-thêu về sự hoàn hảo là kết luận của một giáo lý thực tế đầy thách thức về tình bác ái huynh đệ : «Ta bảo các ngươi : Hãy yêu kẻ thù và thương xót những kẻ

ngược đãi các người, như vậy các người mới được trở nên con cái của Cha các người, Đấng ngự trên trời...»

Điều vốn có giữa trời và đất chính là tình yêu. Phaolô đã nói với niềm tin tuyệt vời : «Tình yêu không bao giờ qua đi [...] Chúng ta thấy mình hiện diện trong một tấm gương, trong một câu đố, nhưng sau đó sẽ là mặt đối mặt. Hiện tại tôi biết một phần, nhưng sau đó tôi sẽ biết như tôi được biết. Vì vậy, bây giờ ba điều này còn lại : đức tin, hy vọng và tình yêu, nhưng điều lớn nhất trong số này là tình yêu. Hãy tìm kiếm tình yêu» (1 Cr 13. 8... 13). Chúng ta sẽ biết tình yêu trong sự vĩnh hằng của thiên đàng đến mức chúng ta bắt đầu yêu thương anh chị em mình trên trái đất. Khi cầu nguyện, chúng ta nói «dưới đất cũng như trên trời» là lời kêu gọi nỗ lực liên tục đổi mới. Như, theo những lời chứng thực cổ xưa, khi về già, Thánh Gio-an đã viết cho các môn đệ của mình : «Hỡi các con cái bé nhỏ, chúng ta cũng phải hy sinh mạng sống mình vì anh em mình. Chúng ta đừng yêu thương bằng lời nói hay bằng lưỡi, nhưng bằng việc làm và sự thật. Như vậy, chúng ta sẽ biết rằng mình ở trong sự thật» (1 Ga 3.16-18). Người làm sự thật trên trái đất sẽ bước tới ánh sáng thiên đàng.

Xin cho chúng con hôm nay lương thực hằng ngày

«Xin cho chúng tôi». Đây chính xác là một lời cầu xin : «Xin cho chúng tôi bánh ăn, xin cho chúng tôi những gì chúng tôi cần để sống». Những câu đầu tiên của «Kinh Lạy Cha» thực chất là những lời chúc hoặc lời khen ngợi hơn là những yêu cầu. Họ hướng tới vinh quang của Thiên Chúa, vương quốc của Ngài, ý muốn của Ngài. Trước tiên, chúng ta nói chuyện với Thiên Chúa về chính Ngài. Trong khi đó, trong yêu cầu mới này, nó nói về chúng ta, đàn ông, phụ nữ, trẻ em, những con người rất trần tục, rất bằng xương bằng thịt, với nhu cầu cơ bản nhất : ăn.

Theo Kinh thánh, Thiên Chúa đã giao phó trái đất cho con người để canh tác và làm cho nó sinh sôi nảy nở : «Chúa phán : ‘Ta ban cho các ngươi mọi thứ cây cỏ có hạt giống và mọi thứ cây ăn trái sẽ là thức ăn cho ngươi [...] Phải làm lụng vất vả suốt đời mới có miếng ăn từ đất [...] Phải đổ mồ hôi trán mới có bánh ăn’» (St 1.29 và 3.17-19). Và đầu kia của Kinh Thánh, chúng ta nghe Phao-lô phản nộ : «Nếu ai không muốn làm việc, thì cũng đừng ăn !» (2 Tx 3.10). Làm việc chẳng phải tốt hơn là cầu xin Thiên Chúa ban cho chúng ta thức ăn sao ? Lời phản đối này tương ứng với những lời cảnh báo

ngghiêm túc từ chính Chúa Giê-su : «Đừng lải nhải như dân ngoại : họ nghĩ rằng họ sẽ được nghe bởi những lời nói tràn ngập. Vì vậy, đừng giống như họ. Cha các con biết rõ các con cần gì trước khi các con cầu xin Ngài» (Mt 6.7-8). Tuy nhiên, ngay sau những lời này, Chúa Giêsu đã ban cho các môn đệ «Kinh Lạy Cha»...

Mâu thuẫn ? Không, mà là sự bổ sung. Chúng ta phải cầu nguyện và làm việc, và cầu nguyện để làm việc tốt hơn.

Chúa Giêsu bảo chúng ta trước tiên phải xin bánh để nhắc nhở chúng ta rằng mọi điều trong cuộc sống của chúng ta đều hướng đến Thiên Chúa, công việc cũng như thức ăn của chúng ta : «Dù ăn, dù uống, hay làm bất cứ việc gì, hãy làm tất cả để tôn vinh Thiên Chúa» (1 Cr 10.31). Thiên Chúa đã trở thành con người trong Chúa Giêsu Kitô, Thiên Chúa đã can dự vào lịch sử của chúng ta, và do đó vương quốc và triều đại của Ngài không được thiết lập nếu không có sự giúp đỡ của nhân loại, nhân loại mà Con của Ngài là thủ lãnh. Bằng cách chọn Abraham để làm tổ phụ của dân tộc mình, sau đó bằng cách nhân lên sự can thiệp của Ngài vào lịch sử của Do Thái, Thiên Chúa đã thể hiện tình đoàn kết phi thường với dân Ngài. Nhưng trong Chúa Giêsu Kitô, Thiên Chúa muốn bày tỏ chính mình với toàn thể nhân

loại trong sự liên đới. Để thiết lập vương quốc cứu rỗi chúng ta, Thiên Chúa không muốn làm gì mà không có chúng ta, theo cách mà Thiên Chúa muốn cần đến chúng ta. Đây là một trong những lý do quan trọng cho sự Nhập thể của Con Ngài trong Chúa Giêsu Kitô.

Khi chúng ta làm việc, chúng ta làm việc cùng với Thiên Chúa, và chính Ngài ban cho chúng ta sức mạnh để làm việc. Lời cầu nguyện dâng bánh và rượu trong khi cử hành Thánh Thể nhắc lại chân lý này : «Lạy Chúa, Chúa ban cho chúng con bánh này, là hoa trái của đất đai và lao công của con người...» Bánh này vừa là hoa trái của lao động con người vừa là hồng ân của Thiên Chúa ; nó thực sự là thành quả của sự hợp tác giữa Thiên Chúa và con người. «Chúng ta là những người cùng làm việc với Thiên Chúa» (1 Cr 3.9).

Khi Chúa Giêsu mời gọi bạn hữu của mình nói : «Danh Cha cả sáng, nước Cha trị đến», Người mời gọi họ hướng về chính Thiên Chúa, quên đi bản thân mình trong sự tôn thờ và ngợi khen. Khi đặt trên môi họ : «Xin cho chúng con bánh», Chúa Giêsu nhắc nhở họ rằng Thiên Chúa, là Cha đầy lòng nhân từ, sẵn sàng can thiệp bất cứ lúc nào trong sự tồn tại của con cái mình, nhưng Ngài tôn trọng chúng quá nhiều để can thiệp bất chấp chúng và nếu chúng không yêu cầu.

Bánh mì của chúng con

Chúng tôi xin bánh mì. Vào thời Chúa Giêsu, ở Palestine, nhiều người đàn ông và phụ nữ bị đói. Người nghèo tạo nên một tầng lớp xã hội lớn và bị khinh miệt. Phải cần đến lòng can đảm của một Ê-sai để kêu gọi lớn tiếng về quyền lợi người nghèo của Thiên Chúa. Nhưng lời kêu gọi của các nhà ngôn sứ hầu như không được lắng nghe. Tuy nhiên, người Do Thái đã trải qua nạn đói ở sa mạc Sinai (Xh 16). Họ đã kịch liệt khiển trách Môi-se và Aaron : «Các người đã dẫn chúng tôi vào sa mạc này để giết hết đám đông này !» Nhưng Chúa phán với Môi-se : «Ta sẽ làm mưa bánh từ trời xuống cho các ngươi», và đó chính là ân huệ manna. Thánh vịnh 107 luôn ca ngợi ân huệ này của Thiên Chúa : «Trong sa mạc, họ chịu đói khát ; trong cơn khốn cùng, họ kêu cầu Chúa, và Ngài giải cứu họ khỏi cảnh khốn cùng».

Một câu chuyện như vậy được kể lại chi tiết trong Tin Mừng, chẳng hạn như việc hóa bánh ra nhiều, cho thấy rõ ràng rằng người dân rất nghèo và chỉ sống qua ngày. Bánh mì là lương thực chính của những người nông dân này, họ sẽ rất vui nếu có thể thêm một vài con cá bắt từ hồ vào đó. Ký ức về món quà manna vẫn còn hiện hữu, và người ta hy vọng rằng nó sẽ được đổi mới khi Đấng Messiah đến ; chẳng phải Ê-sai đã nói : «Họ sẽ không

còn đói khát» (Is 49.8) và đã lên kế hoạch cho một bữa tiệc tuyệt vời vào ngày tận thế sao ? (Is 55.1-3). Vì vậy, lời yêu cầu mà Chúa Giêsu đưa ra có vẻ khá tự nhiên, bình thường đối với các môn đệ của Người : nếu Thiên Chúa tạo ra chúng ta để sống, chúng ta có thể cầu xin Người giúp chúng ta tìm được thức ăn.

Hiện nay, ở hầu hết các nước theo đạo Thiên chúa phương Tây, phần lớn chúng ta hầu như không biết đến đói nghèo và chúng ta chỉ có thể vui mừng về điều đó, nhưng tại sao chúng ta vẫn tiếp tục cầu xin Chúa ban cho bánh ? Bởi vì chúng ta cầu xin Ngài ban bánh cho mọi người và bởi vì chúng ta cũng cầu xin Ngài ban bánh từ trời.

Thực ra, Chúa Giêsu không có ý định nói «Hãy cho tôi bánh của tôi», nhưng là «Hãy cho chúng tôi bánh của chúng tôi». Chúng ta không cầu nguyện riêng lẻ từng người cho chính mình, nhưng trong sự hiệp thông của các thánh, đoàn kết tất cả anh em của chúng ta ở gần hay xa, là con cái của Thiên Chúa giống như chúng ta. Và chúng ta biết rất rõ rằng trên khắp thế giới, đàn ông, phụ nữ và trẻ em thực sự đang đói. Vì vậy, chúng ta cầu nguyện với Thiên Chúa, Cha của chúng ta và của họ, để ban cho họ bánh mì, gạo hoặc hạt kê mà họ đang rất cần. Chúa Giêsu bảo tôi cầu nguyện, nhưng Người

cũng bảo tôi hành động... Làm sao chúng ta có thể quên dụ ngôn tuyệt vời về Ngày Phán xét Cuối cùng, khi mà trong thâm tâm, chúng ta có thể nghe thấy tiếng kêu đau khổ và lời kêu gọi chia sẻ nhiều hơn là lời lên án : «Ta đói và các ngươi không cho Ta ăn» ?

Một người Kitô hữu tốt bụng, Mục sư Georges Crespy, đã bày tỏ sự cấp bách này một cách đáng ngưỡng mộ : «Bất kỳ ai dám cầu nguyện ‘Kinh Lạy Cha’ và vẫn thờ ơ với nạn đói, với lý do tại sao có nạn đói, với sự ích kỷ khủng khiếp của những người được ăn no, sẽ giống như người đàn ông giàu có được nói đến trong Phúc âm, người để cho La-da-rô nghèo khổ chết trước cửa nhà mình. Ông ta sẽ tuyên bố sự lên án của chính mình. Nhưng tôi hy vọng, chúng ta có thể thấy rõ ý nghĩa của việc dám cầu nguyện ‘Kinh Lạy Cha’. Điều này dẫn trực tiếp, ngày nay, đến một cuộc chiến, ngay trong chính xã hội của chúng ta, nơi khoe khoang về thành công kinh tế của họ, chống lại thành công có cái giá phải trả thực sự là cái chết của người khác. Từ chối xem xét hậu quả tất yếu này là tự đưa mình vào tình trạng cầu nguyện hoàn toàn vô ích. Không có gì ngạc nhiên khi Thiên Chúa không lắng nghe. Tại sao Ngài lại quan tâm khi chúng ta thậm chí còn không nghiêm túc ?»

Người ta có thể phản đối : Tôi có thể làm gì ? Phải chăng chính phủ, Liên Hợp Quốc và các tổ chức quốc tế lớn phải hành động ? Vâng, chắc chắn rồi, nhưng trước hết, tất cả các tổ chức tương trợ và đoàn kết đều yêu cầu sự hợp tác của chúng ta. Họ sẽ chẳng là gì nếu không có sự giúp đỡ của hàng ngàn người thiện chí. Chúng ta luôn có thể hành động, bất kể chúng ta là ai ; ngay cả theo cách rất khiêm tốn, cử chỉ nhỏ nhất cũng có thể hữu ích. Chúa Giê-su khen ngợi người phụ nữ nghèo chỉ có một đồng tiền và đã cho đi. Và vào ngày Chúa hóa bánh ra nhiều, một cậu bé chỉ có năm chiếc bánh và hai con cá, và chính bằng món quà này, Chúa Giê-su đã nuôi sống năm ngàn người. Chúng ta không nên sợ trở thành người phụ nữ hay đứa trẻ này. Thiên Chúa thích sử dụng những người khiêm nhường và nhỏ bé. Mẹ Têrêsa ở Calcutta từng được nghe nói rằng tất cả những gì Mẹ làm chỉ là một giọt nước trong đại dương đau khổ của người Ấn Độ. Mẹ trả lời : «Có thể, nhưng nếu không có giọt nước đó, thì đại dương sẽ thiếu mất một thứ gì đó». Vâng, trước mặt Thiên Chúa, một giọt nước có giá trị vô hạn khi được đổ ra với tình yêu. Và cuối cùng, Mẹ cũng có giá trị trước mặt con người, sự nổi tiếng to lớn của nữ tu Calcutta là một dấu hiệu rõ ràng về điều này. Nếu không có thiện chí của chúng ta, sẽ thiếu mất điều gì đó với Thiên Chúa. Người ta

luôn có thể cho đi, nếu không phải là bánh mì hoặc tiền bạc, thì ít nhất, và điều này cũng rất quý giá, thời gian, sự kiên nhẫn, tình bạn, bởi vì, Chúa Giêsu đã nói, con người không chỉ sống bằng bánh mì.

Hôm nay lương thực hằng ngày

Lời cầu nguyện của chúng ta nêu rõ «hôm nay» và «ngày này». Văn bản này có độ khó về từ vựng. Từ mà chúng ta thường dịch là «của ngày này» là một từ hiếm trong tiếng Hy Lạp, nghĩa của từ này khá mơ hồ, và chúng ta không biết Chúa Giêsu có thể đã sử dụng từ tiếng Aram nào. Các nhà chú giải đã nghiên cứu sâu rộng về cách diễn đạt này và đề xuất các giải pháp cho thấy Chúa Giêsu muốn loại trừ viễn cảnh phải chuẩn bị cho những ngày sắp tới : xin cho chúng con khẩu phần ăn hằng ngày ngay bây giờ, xin cho chúng con bánh cần thiết để sống sót hôm nay, xin cho chúng con đủ dùng đến ngày mai, xin cho chúng con bánh hằng ngày, xin cho chúng con bánh cần thiết cho cuộc sống. Sự báp bênh hằng ngày này gợi lên ân huệ manna không được giữ lại cho ngày hôm sau và do đó nhắc nhở người Do Thái rằng họ phải đổi mới lòng tin của mình vào Thiên Chúa mỗi ngày. Chính Chúa Giê-su đã đưa ra lời bình luận theo những dòng này : «Vì thế, anh em đừng lo lắng tự hỏi : ta sẽ ăn gì, uống gì, hay mặc gì

đây ? Tất cả những thứ đó, dân ngoại vẫn tìm kiếm. Cha anh em trên trời thừa biết anh em cần tất cả những thứ đó. Trước hết hãy tìm kiếm Nước Thiên Chúa và đức công chính của Ngài, còn tất cả những thứ kia, Ngài sẽ thêm cho. Vậy, anh em đừng lo lắng về ngày mai: ngày mai, cứ để ngày mai lo. Ngày nào có cái khổ của ngày ấy». (Mt 6.31-34). Vào lúc đó, Chúa Giêsu nói với các môn đệ của mình. Người đã phái họ đi truyền giáo với lòng dũng cảm như những người nghèo, nói chuyện với người nghèo. Vì thế, Người ra lệnh cho họ không được mang gì cho chuyến đi, kể cả bánh, bao, hay tiền bạc. Đây là những chỉ dẫn dành cho một nhóm trẻ tận tụy rao giảng vương quốc của Thiên Chúa và toàn bộ thái độ của họ phải gây sốc như lời nói của họ : trong mọi sự, họ phó thác mình cho Thiên Chúa !

Thật khó để chúng ta hiểu những từ này theo nghĩa đen. Thánh Phanxicô thành Assisi đã thử làm điều này, nhưng ngay khi ngài không còn đơn độc nữa và có nhiều bạn đồng hành cùng ngài, thì điều này tỏ ra không thể thực hiện được một cách lâu dài. Tuy nhiên, họ vẫn sùng đạo mà không phải lo lắng về trách nhiệm gia đình hay các hoạt động từ thiện. Ngày nay, tất cả chúng ta, kể cả những người theo đạo, đều đóng góp vào an sinh xã hội hoặc bảo hiểm tương hỗ, và chúng ta trả phí bảo hiểm cho các công ty bảo hiểm tai nạn và hỏa hoạn. Một

người cha sẽ rất bất nhất nếu anh ta không lên kế hoạch cho việc nuôi dạy con cái mình. Chính Chúa Giêsu đã nói rằng trước khi xây dựng, người ta phải ngồi xuống và suy nghĩ.

Tuy nhiên, Tin Mừng vẫn chứa đựng lời cảnh báo nghiêm trọng về sự giàu có. «Phước cho những người nghèo khó,» Chúa Giêsu nói. Tất nhiên, đó là sự nghèo nàn về tinh thần hơn là nghèo nàn về vật chất. Nhưng sự nghèo đói thực sự về tinh thần có kéo theo sự nghèo đói về vật chất không ? Mỗi người chúng ta phải tự trả lời câu hỏi trong lòng mình, nhưng câu hỏi đó dành cho tất cả mọi người : bạn làm gì với tiền của mình ? Điều gì quan trọng hơn với bạn, vương quốc của Thiên Chúa hay sự thoải mái về vật chất ? Trong xã hội mà tiền bạc trở thành vua và là mục tiêu tối cao của nhiều cuộc sống, thì phải chăng đặc điểm của người Kitô hữu là có lòng vị tha hơn và luôn quan tâm thực sự, hiệu quả đến việc chia sẻ với người nghèo ?

Cuối cùng, toàn bộ Tin Mừng kêu gọi sự tin tưởng vào Thiên Chúa, phó thác bản thân vào tay Chúa Cha. Chúa Giê-su chế giễu những người chất đầy kho thóc. Bằng cách chỉ cầu xin Thiên Chúa những gì cần thiết cho ngày hôm đó, chúng ta nhớ rằng chúng ta luôn cần đến Ngài. Vì vậy, hôm nay và mỗi ngày, lời cầu nguyện của

chúng ta phải tiếp tục cuộc đối thoại với Thiên Chúa.

Bánh mì nào ?

Đối với người Do Thái, manna đã trở thành biểu tượng của mọi thứ mà con người cần để sống ; ví dụ, chúng ta có thể đọc trong sách Đệ Nhị Luật (Đnl 8.2-3) rằng Môi-se đã nói với dân của mình rằng : «Hãy nhớ lại tất cả con đường mà Chúa, Thiên Chúa của bạn, đã bắt bạn đi trong bốn mươi năm trong sa mạc, để hạ bạn xuống, để thử thách bạn và biết được chiều sâu của trái tim bạn [...] Ngài đã làm cho bạn cảm thấy đói, Ngài đã cho bạn ăn manna mà cả bạn và cha ông bạn đều không biết, để cho bạn thấy rằng con người sống không chỉ nhờ bánh, nhưng con người sống nhờ mọi lời phán ra từ miệng Đức Gia-vê». Và đây là câu trả lời mà Chúa Giêsu đã đưa ra cho tên quỷ cám dỗ đã đề nghị biến đá thành bánh (Mt 4.4). Bất kể cách thức cám dỗ này là gì, câu trả lời đều rõ ràng : để sống, không chỉ cần ăn bánh, mà còn phải nuôi dưỡng bản thân bằng lời và Thánh ý Chúa.

Ngày hôm sau khi Chúa Giêsu hóa bánh ra nhiều, đám đông những người đang lắng nghe Người đã xin Người cho họ thứ gì đó khác để ăn. Họ thúc giục Người tiếp tục ban cho ân huệ manna hằng ngày như Môi-se đã nhận được từ Thiên Chúa. Và Chúa Giêsu loan báo

cho họ một thứ bánh khác : «Amen, amen, Ta bảo các ngươi, không phải Môi-se đã ban cho các ngươi bánh bởi trời, nhưng chính Cha Ta mới ban cho các ngươi bánh đích thực bởi trời. Vì bánh của Thiên Chúa là Đấng từ trời xuống và ban sự sống cho thế gian». Đấng từ trời xuống chính là chính Người. Chúa Giêsu ngầm tuyên bố rằng chính Người có thể nuôi sống thế gian và làm cho thế gian được sống. Trong miệng Người, bánh trở thành biểu tượng hay dấu chỉ của món quà từ Thiên Chúa mở ra một cuộc sống khác ngoài cuộc sống vật chất. Người nghe không hiểu được, nhưng họ vẫn kêu lên : «Lạy Chúa, xin ban cho chúng con bánh này luôn mãi !» » Đức Giêsu trả lời họ : «Tôi là bánh trường sinh. Ai đến với tôi sẽ không đói, và ai tin vào tôi sẽ không bao giờ khát !» (Ga 6.22-59).

Đọc sách Thánh Gio-an chương 6 cho phép chúng ta có một góc nhìn mới về lời cầu xin bánh. Khi cầu nguyện với Thiên Chúa để Ngài ban cho chúng ta bánh, chúng ta cũng cầu xin Ngài ban cho chúng ta tham gia bằng đức tin vào cuộc sống của Con Ngài, để soi sáng chúng ta bằng lời của Ngài và thậm chí để hiệp thông với Ngài bằng cách cử hành bữa tiệc Thánh Thể, vì Chúa Giêsu tuyên bố : «Ta là bánh hằng sống từ trời xuống. Nếu ai ăn bánh này, người ấy sẽ sống vĩnh cửu. Bánh mà Ta sẽ ban chính là thịt Ta để cho thế gian được

sống». Và Người nhân mạnh đến thực tại của thân thể và máu Người như là lương thực chuẩn bị cho sự sống vĩnh cửu.

Sách Công vụ Tông đồ mô tả một cách ngây thơ và ngưỡng mộ cuộc sống của cộng đồng Kitô hữu đầu tiên ở Giêrusalem và nêu rõ rằng những tín hữu đầu tiên này «bẻ bánh trong nhà mình, dùng bữa với lòng vui vẻ và đôn sơ» (Cv 2.46). Đó có phải là một buổi cử hành Thánh Thể hay chỉ là một bữa ăn chia sẻ trong tình bằng hữu huynh đệ ? Chắc chắn là cả hai, vì chúng là dấu hiệu của nhau và trong sự khởi đầu này không thể tách rời. Hơn nữa, việc hiệp thông với bánh của Chúa Kitô trong Bí tích Thánh Thể luôn có nghĩa là, nhờ ân sủng của Chúa Thánh Thần, hiệp thông mật thiết với con người của Chúa Giêsu phục sinh và thiết lập mối hiệp thông tình bằng hữu với anh chị em của Người.

Bánh Thánh Thể biểu lộ lòng bác ái đích thực trong mọi chiều kích của nó. Điều quan trọng là trong phụng vụ Thánh Thể, «Kinh Lạy Cha» được đọc trước khi rước lễ với Mình và Máu Chúa Kitô. Do đó, bánh mà Thiên Chúa ban cho để đáp lại lời cầu nguyện của chúng ta cũng là bánh Thánh Thể, bánh được nhận lãnh, bánh được chia sẻ và bánh được trao ban. Và bánh này nuôi dưỡng niềm hy vọng của những người Kitô hữu tìm

thấy chính mình, trong niềm vui của Ngày tận thế, được mời đến dự tiệc cưới trọng đại mà Chúa Giêsu đã loan báo trong dụ ngôn của Người.

«Xin cho chúng con bánh». Lời cầu nguyện đơn giản này đầy ý nghĩa. Trong năm từ, chúng ta cầu xin Chúa Cha, không chỉ ban cho chúng ta nguồn dinh dưỡng thiết yếu mà thân xác chúng ta không thể thiếu, mà còn xin Chúa Kitô làm cho chúng ta sống bằng Lời Người, Bí tích Thánh Thể, và Chúa Thánh Thần, để Người mở lòng chúng ta ra với anh chị em chúng ta, gần và xa, và để cuộc sống chúng ta có thể tìm thấy ý nghĩa trong hy vọng.

Và tha nợ chúng con, như chúng con cũng tha kẻ có nợ chúng con

Theo Phúc âm Thánh Mát-thêu, bản dịch theo nghĩa đen là : «Xin tha nợ chúng con như chúng con đã tha kẻ có nợ chúng con.» Và theo Thánh Lu-ca: «Xin tha tội cho chúng con, vì chúng con cũng tha thứ cho mọi người mắc nợ chúng con». Vào thời cổ đại, nợ nần được coi là nghĩa vụ pháp lý nghiêm trọng : nó có thể dẫn đến mất tự do do bị giam cầm và làm nô lệ. Trên thực tế, trong tiếng Aram, ngôn ngữ của Chúa Giêsu và các tông đồ, tội lỗi và nợ nần được chỉ định bằng cùng một từ. Do đó, trong «Kinh Lạy Cha», thực sự có một vấn đề về tội lỗi khi Thánh Lu-ca dịch cho người Hy Lạp nghe, trong khi Thánh Mát-thêu vẫn bám sát vào vốn từ vựng gốc của tiếng Semit. Chúa Giêsu chắc chắn đã nói về nợ nần, nhưng với ý nghĩa nợ với Thiên Chúa, xúc phạm đến Thiên Chúa, tội lỗi.

Chúng ta có nên nhấn mạnh vào hai sắc thái khác của những văn bản này : «như chúng tôi đã tha» (trong quá khứ), «vì chúng tôi tha» (trong hiện tại) không ? Điều này sẽ dẫn chúng ta tới những phân tích tinh tế. Điều tương tự cũng xảy ra với từ «vì» của Thánh Lu-ca, ông thường dùng nó như một hạt nối mà không truyền tải ý nghĩa sâu xa của nguyên nhân và kết quả.

Chỉ cần nhớ rằng Chúa Giêsu đề nghị các tông đồ của Người cầu xin Thiên Chúa tha thứ tội lỗi của họ và Người đặt sự tha thứ này liên quan đến thái độ của họ đối với người khác, cũng như Người đặt hai điều răn yêu mến Thiên Chúa và yêu thương tha nhân trong mối quan hệ ngang bằng.

Bản dịch phụng vụ chung đã giữ nguyên «tội lỗi» trong đó Thánh Mát-thêu nói về nợ nần và Thánh Lu-ca nói về tội lỗi. Từ *offensa* trong tiếng Latin có nghĩa là «thương tích» hoặc «thiệt hại». Nó được chuyển sang phiên bản tiếng Pháp vào cuối thời Trung cổ và những người biên tập hiện đại đã tôn trọng cách sử dụng nó. Nhưng phải thừa nhận rằng theo thời gian, ý nghĩa thông thường của nó đã trở nên nghèo nàn hơn ; nó không còn gợi lên ý tưởng về sự tổn thương nghiêm trọng đối với Thiên Chúa hoặc người lân cận. Tuy nhiên, ý nghĩa của phiên bản phụng vụ vẫn giống hệt như ý nghĩa trong Kinh thánh về món nợ trước Thiên Chúa hay về «tội lỗi».

Nhận ra tội lỗi của bạn

Chúng ta không nên ảo tưởng về bản thân mình. Như tông đồ Thánh Gio-an đã viết: «Nếu chúng ta nói: ‘Chúng ta không có tội’, chúng ta tự lừa dối mình. Nếu chúng ta thú nhận tội lỗi của mình, Thiên Chúa, Đấng

trung thành và công chính, sẽ tha thứ tội lỗi của chúng ta» (1 Ga 1.8-9). Và Thánh Phanxicô Xaviê đã buồn bã nhận xét : «Có nhiều người mà lương tâm không khiến trách họ về bất cứ điều gì vì nó không tồn tại, hoặc nếu họ có một lương tâm, thì nó nhỏ hẹp». Đúng là không thể chữa khỏi bệnh cho một người tự nhận mình khỏe mạnh.

Vậy tội lỗi là gì ? Khi giải thích câu chuyện trong Sách Sáng Thế về Adam và Eva, các nhà thông thái Do Thái chủ yếu trả lời : «Đó là sự bất tuân với Thiên Chúa và các điều răn của Ngài». Câu chuyện ngụ ngôn tuyệt vời này chắc chắn không nên được hiểu như một câu chuyện lịch sử mà là một giáo lý tôn giáo được đưa ra dưới dạng biểu tượng và thơ ca. Adam và Eva không vâng lời vì họ tin vào lời hứa của Kẻ Cám Dỗ : hắn đảm bảo với họ rằng họ sẽ giống như các vị thần, biết điều thiện và điều ác và có thể tự quyết định điều gì là thiện và điều gì là ác. Họ từ chối vâng lời Đấng Tạo Hóa vì họ tự cho mình quyền năng như Ngài. Khi làm như vậy, họ không những không vâng lời mà còn làm sai lệch mối quan hệ bạn bè gắn kết họ với Thiên Chúa, họ tự coi mình là đối thủ của Thiên Chúa. Việc chối bỏ trật tự sáng tạo thiêng liêng trở thành sự chối bỏ tình yêu và sự thu mình lại, một sự ích kỷ hoặc đơn giản là chủ nghĩa vị kỷ.

Trong suốt lịch sử của Do Thái, tội lỗi lớn nhất là thờ ngẫu tượng, sự ưu tiên dành cho các ngẫu tượng bất lực mà người ta mong đợi sẽ nhận được lợi ích ngay lập tức, trong khi chúng làm chệch hướng khỏi Thiên Chúa chân chính và Lễ luật được ban hành trong sách Môi-se để dân chúng có thể sống theo. Các nhà ngôn sứ liệt kê tất cả những gì sự suy đồi này gây ra. Ví dụ, Hô-sê phẫn nộ : «Hãy nghe lời Thiên Chúa, hỡi con cái Ít-ra-en, vì Thiên Chúa đang tranh chấp với cư dân trong xứ: trong xứ không có lòng trung thành, tình yêu thương, hay sự hiểu biết về Thiên Chúa, nhưng chỉ có gian dối và dối trá, giết người và trộm cắp, ngoại tình và bạo lực, và đổ máu nối tiếp đổ máu !» (Hs 4.1-2) Giê-rê-mi-a bày tỏ sự cay đắng của mình bằng cách gán những lời này cho Thiên Chúa của Do Thái : «Đây là điều Ta đã truyền cho họ : Hãy nghe tiếng Ta, thì Ta sẽ là Thiên Chúa của các ngươi và các ngươi sẽ là dân Ta. Hãy theo con đường Ta truyền cho các ngươi trong mọi sự để các ngươi được hạnh phúc. Nhưng họ không nghe hoặc không chú ý ; họ đi theo những mưu đồ riêng của họ, trong sự cứng đầu của lòng gian ác của họ, nhìn lại phía sau chứ không nhìn về phía trước» (Gr 8.23-26). Trên thực tế, khi xúc phạm đến Thiên Chúa, chính những kẻ tội lỗi đã làm tổn thương và hủy diệt họ, Giê-rê-mi-a đã tuyên bố rõ ràng với họ : «Dân chúng đổ rượu tể thần

ngoại bang để làm hại tôi. Phải chăng chúng làm hại tôi - sấm ngôn của Thiên Chúa - hay không phải chúng làm hại chính chúng để tự làm nhục mình sao ?» (Gr 7, 19).

Tương tự như vậy, Sách Khôn ngoan, được viết vào thế kỷ cuối trước Công nguyên, dành nhiều chương để lên án sự điên rồ của việc thờ ngẫu tượng (Kn 13-15). Kẻ thờ ngẫu tượng «đặt vinh quang của mình vào việc định hình sự dối trá [...] Hẳn phớt lờ người đã định hình hẳn, người đã thổi vào hẳn một tâm hồn năng động, [...] hẳn coi cuộc sống của chúng ta là trò chơi trẻ con và sự tồn tại của chúng ta là một trò chơi kiếm lời. ‘Bạn phải chiến thắng, hẳn nói, bằng mọi cách, ngay cả những cách tồi tệ». Đúng vậy, hơn bất kỳ ai khác, hẳn biết rằng hẳn phạm tội» (Kn 15.11-13). Đối với chúng ta, văn bản này dường như vẫn giữ được một sự hiện đại kỳ lạ ! Những ngẫu tượng của thế giới ngày nay là gì : tiền bạc ? thân xác ? sức mạnh ? hay lòng kiêu hãnh của các quốc gia ?

Vào thời Chúa Giêsu, sau nhiều bất hạnh mà dân Chúa phải chịu, một phản ứng thuần túy và chính thống đã gia tăng việc tuân thủ Lễ Luật. Người Pha-ri-sêu suy ngẫm về lời của Sách Lê-vi : «Hãy giữ mọi luật lệ và phong tục của Ta. Hãy thực hành chúng, vì Ta là Thiên Chúa» (Lv 19.37). Họ hiểu tội lỗi trước hết là sự bỏ bê

các giới luật được ban cho Môi-se, sự bất tuân lẽ luật khiến một người xa rời Thiên Chúa và dân Ngài.

Chúa Giêsu không hề có thái độ như vậy. Người rao giảng về sự hoán cải tâm hồn và ban ơn tha thứ của Thiên Chúa cho tất cả mọi người có thiện chí. Điều này không ngăn cản Người tố cáo những gì, bằng cách chống lại phẩm giá thực sự của con người, làm suy đồi và làm hư hỏng con người: «Những gì từ trong con người xuất ra, thì làm cho con người ra ô uế. Vì từ trong lòng người ta phát xuất những ý định xấu : gian dâm, trộm cắp, giết người, ngoại tình, tham lam, độc ác, lừa dối, trụy lạc, suy nghĩ xấu xa, phạm thượng, kiêu ngạo, điên cuồng-tất cả những điều xấu xa này xuất phát từ bên trong và làm cho con người ra ô uế» (Mc 7.20-23). Đối với Chúa Giêsu, cũng như đối với Giê-rê-mi-a, ngay cả trước khi làm tổn thương Thiên Chúa, tội lỗi đã làm tổn thương trái tim con người. Nhưng Người cũng nói : «Bất cứ điều gì các ngươi làm cho một trong những kẻ bé mọn này, tức là các ngươi làm cho chính Ta vậy.» Thiên Chúa không hề thờ ơ với những vết thương của con người. Theo một cách nào đó, những vết thương này chạm đến Người, bởi vì gốc rễ của mọi tội lỗi luôn là từ chối yêu thương hoặc lệch lạc khỏi tình yêu. Mà Thiên Chúa là tình yêu và có nhiều cách để chống lại tình yêu.

Mọi tội lỗi đều có thể quy về một tội duy nhất, đó là ích kỷ. Nó bao gồm việc yêu bản thân mình quá mức, quên đi người khác, hoặc yêu họ bằng cách lợi dụng họ vì lợi ích của mình, hoặc từ chối yêu họ. Trong sự lựa chọn này của bản thân chống lại người khác, Thiên Chúa quan tâm vì ân sủng tình yêu là toàn bộ cuộc sống của Ngài. Kẻ nào từ chối tình yêu tức là đang kìm hãm Thiên Chúa.

Chúng ta không phải là những vấn đề duy nhất liên quan đến việc tuân theo một lề luật nằm ngoài con người và rơi xuống từ trên trời, giống như một *oukase*. Cần phải có luật pháp thiêng liêng và nhiều luật lệ của con người để soi sáng cho hành vi của chúng ta. Các thánh vịnh đã lặp lại: «Lề Luật Chúa là ánh sáng trên đường con đi». Lề Luật là điều thiết yếu cho cuộc sống trong xã hội. Nhưng lề luật chỉ là một chỉ dẫn, một cột mốc trên đường, một sự hỗ trợ để tiến tới mục tiêu cuối cùng. Đối với những người Kitô hữu, mục tiêu này là sự thánh hóa Danh Chúa, sự đến của vương quốc của Ngài, sự hoàn thành đầy yêu thương ý muốn của Ngài. Đây là lý do tại sao Chúa Giêsu đã thu gọn hầu như tất cả các điều răn thành hai giới luật cơ bản là yêu Chúa và yêu người lân cận. Nếu chúng ta biết cách yêu thương, chúng ta sẽ không cần luật nào khác. Nhưng chúng ta có biết cách yêu thương không ?

Như Chúa Giêsu đã nói, chúng ta có nguy cơ lạc con muỗi mà nuốt con lạc đà. Luôn luôn dễ dàng hơn nhiều khi Do Thái hóa, nghĩa là, bằng lòng với việc tuân theo các nghi lễ hoặc quy định không chạm đến trái tim, hơn là tuân theo tấm gương của Chúa Kitô, đồng thời tự do và trung thành với Chúa Cha. Chúa Giêsu đã không đòi hỏi chúng ta tuân thủ nghiêm ngặt luật lệ hay quy định, cũng không phải hoàn thành bổn phận, nhưng phải đáp lại một cách tự do và hết lòng trước tiếng gọi của tình yêu, trong khi biết rõ rằng một tình yêu đích thực không lùi bước trước bất kỳ đòi hỏi nào.

Thiên Chúa tha thứ

Một trong những mặc khải đầu tiên của Thiên Chúa với Môi-se, Ngài là một Thiên Chúa dịu dàng và thương xót, không mau giận, giàu ân sủng và thành tín... Và Môi-se cầu xin : «Xin tha thứ lỗi lầm và tội lỗi của chúng con và làm cho chúng con thành cơ nghiệp của Ngài» (Xh 34.8). Lời kêu gọi tha thứ này được lặp lại từ trang này sang trang khác trong Kinh thánh. Các ngôn sứ lặp lại điều này sau những lời sấm truyền đe dọa nhất của họ, như thể Thiên Chúa không thể kết án hay trừng phạt họ : «Hãy tìm kiếm Thiên Chúa khi Ngài còn có thể tìm thấy, hãy kêu cầu Ngài khi Ngài còn ở gần. Kẻ ác hãy từ bỏ đường lối mình, và người gian ác hãy từ bỏ

những ý nghĩ của mình, và hãy trở về với Thiên Chúa, Ngài sẽ thương xót họ; Thiên Chúa chúng ta, vì Ngài giàu lòng tha thứ» (Is 55.6-7). Các thánh vịnh ca ngợi lòng thương xót không mệt mỏi này. Vì vậy, Thánh vịnh 103 : «Hỡi linh hồn tôi, hãy ngợi khen Chúa, từ nơi sâu thẳm của con người tôi, hãy ngợi khen danh thánh của Ngài... Ngài tha thứ mọi tội lỗi của bạn... Ngài đội cho bạn vương miện bằng tình yêu và sự dịu dàng... Ngài không đòi xử với chúng ta theo lỗi lầm của chúng ta, không trả thù chúng ta theo tội lỗi của chúng ta... Phương đông xa cách phương tây bao nhiêu, Ngài xóa bỏ tội lỗi chúng ta khỏi chúng ta bấy nhiêu».

Lòng thương xót của Thiên Chúa đáp lại bằng sự ăn năn tự tin của tội nhân, ngay cả trong những vấn đề bản thủ nhất, như trong Thánh vịnh 51 được cho là về việc Đa-vít ăn năn sau khi ngoại tình với Bethsabée và giết chết đối thủ Urie của mình : «Lạy Chúa, xin thương xót con theo lòng nhân từ của Chúa ; Trong sự dịu dàng lớn lao của Chúa, hãy xóa tội lỗi con, rửa sạch con hoàn toàn khỏi điều ác và lỗi lầm của con, thanh tẩy con. » Đa-vít sẽ bị trừng phạt bằng cái chết của con trai mình, nhưng ông sẽ tìm lại được tình bạn của Thiên Chúa. Đối với Isaiah, ông sẽ được nói : «Tội lỗi của con đã được xóa bỏ, tội lỗi của con đã được tha thứ» (Is 6.7).

Trong một xã hội mà sự trả thù được coi là điều kiện để tôn vinh cá nhân hoặc bộ lạc, các nhà hiền triết Do Thái dần nhận ra rằng sự tha thứ của Thiên Chúa gắn liền với sự tha thứ lẫn nhau. Ben Sirach khôn ngoan đã viết trang này để thông báo Tin Mừng của Chúa Giêsu :

Sự oán giận và tức giận, đây vẫn là những điều ghê tởm mà tội nhân thường làm.

Kẻ trả thù sẽ phải chịu sự báo thù của Thiên Chúa, Đáng ghi chép tội lỗi một cách nghiêm ngặt.

Hãy tha thứ cho người lân cận những lỗi lầm của họ, rồi khi bạn cầu nguyện, tội lỗi của bạn sẽ được tha thứ.

Nếu một người nuôi lòng tức giận với người khác, làm sao anh ta có thể cầu xin Thiên Chúa chữa lành ?

Đối với đồng loại, anh ta không có lòng trắc ẩn và anh ta sẽ cầu nguyện cho lỗi lầm của chính mình !

(Hc 28.1-5)

Phần thứ hai của sách Ê-sai (chương 40 đến 55) được gọi là «Sách an ủi dân Do Thái». Sách chứa bốn bài thơ tuyệt vời, những bài ca của Người Tôi Tớ Chúa. Những bài thơ này được sáng tác trong thời kỳ người Do Thái bị lưu đày đến Babylon, có lẽ bởi một người bị lưu đày là môn đệ của I-sai-a, nhưng khá lâu sau khi I-sai-a mất. Họ loan báo về sự giải phóng sắp xảy ra khỏi ách thống trị của đế chế Assyria và xa hơn nữa,

họ hình dung về sự giải thoát khỏi mọi gánh nặng tội lỗi và bất hạnh mà người dân phải mang theo. Người tội tở là ai ? Tác giả của những bài thơ này là ai ? Một nhà ngôn sứ vô danh và bị ngược đãi ? Một người như Giê-rê-mi-a được cho là đã bị sát hại ? Bản thân những người hoàn toàn tận tụy phục vụ Thiên Chúa và được kêu gọi cùng nhau chuộc lại tội lỗi của mình? Đáng Mê-si sẽ đến vào thời điểm thiết lập dứt khoát Vương quốc của Thiên Chúa? Bất kể ý nghĩ ban đầu của tác giả là gì, các văn bản đều khẳng định rằng Người Tội Tở trước tiên phải trải qua thử thách và mâu thuẫn : «Người không còn hình dáng con người và vẻ ngoài của Người cũng không còn là con người nữa» (Is 52, 14); Người là «một đối tượng bị khinh miệt, bị mọi người bỏ rơi, một người đau khổ, quen thuộc với đau buồn» (Is 53, 3). Nhưng sự thử thách này có ý nghĩa ; «Chính Người đã mang lấy những đau khổ của chúng ta, và những nỗi đau đớn của chúng ta mà Người đã mang. Và chúng ta coi Người bị trừng phạt, bị Thiên Chúa đánh đập và bị sỉ nhục. Nhưng Người đã bị đâm vì tội lỗi của chúng ta, Người đã bị nghiền nát vì những điều gian ác của chúng ta. Hình phạt, mang lại cho chúng ta sự bình an, đang giáng xuống Người, và trong những vết thương của Người, chúng ta tìm thấy sự chữa lành» (Is 53.4-5).

Người Do Thái thường dâng lễ vật là động vật làm của lễ cho Thiên Chúa để chuộc tội lỗi của họ. Người Tôi Tớ cho họ thấy rằng một người được Thiên Chúa chọn có thể hiến dâng mạng sống mình làm của lễ đền tội (Is 53.10), rằng người ấy có thể hiến dâng chính mình để biện minh cho những người anh em có tội của mình bằng cách gánh lấy lỗi lầm của họ (Is 53.11). Bởi vì chúng ta không nên tin vào vẻ bề ngoài, Thiên Chúa có quan điểm khác với loài người : «Người bị liệt vào hàng tội nhân khi Người mang lấy tội lỗi của nhiều người và cầu bầu cho họ» (Is 53, 12).

Trái tim của Thiên Chúa rung động trước nỗi đau khổ của Người Tôi Tớ của Ngài và Ngài không bỏ rơi Người trong sự sụp đổ của Người : «Sau thử thách mà linh hồn Người phải chịu đựng, Người sẽ thấy ánh sáng và được viên mãn». Vì Người, Thiên Chúa sẽ hòa giải dân Người : «Ta sẽ hiệp nhất các ngươi với Ta, vì lòng thương xót vô biên [...] Trong tình yêu vĩnh cửu, Ta đã thương xót các ngươi, Thiên Chúa là Đấng cứu chuộc các ngươi phán, tình yêu của Ta sẽ không rời xa các ngươi, giao ước hòa bình của Ta sẽ không bị lay chuyển, Thiên Chúa là Đấng an ủi các ngươi phán» (Is 54.7-10).

Thánh vịnh 51 đề cập đến chủ đề sự dâng hiến bên trong, trái ngược với những hy sinh vật chất, và là sự

dâng hiến duy nhất có thể được Thiên Chúa xóa bỏ tội lỗi :

Vì Chúa không vui thích của lễ hy sinh,
cũng không muốn của lễ thiêu,
sự hy sinh dâng Thiên Chúa, là một tâm linh tan vỡ ;
của một trái tim tan vỡ và đau khổ,
Chúa ơi, Chúa không hề khinh thường.

Không phải tất cả các văn bản Kinh thánh này đều dễ hiểu. Tuy nhiên, chúng đã làm sáng tỏ mối quan hệ giữa Thiên Chúa và con người tội lỗi. Vấn đề không còn là sự bằng lòng với việc tuân giữ các giới luật về mặt vật chất, mà là hướng tâm hồn mình đến Thiên Chúa, biến mình thành chân lý. Và trong quá trình này, thử thách và đau khổ, nếu được chấp nhận một cách sáng suốt, có thể đóng vai trò xúc tác thúc đẩy sự chuyển đổi thực sự của trái tim đối với bản thân và người khác.

Vào thế kỷ thứ 6 trước Công nguyên, khi trở về từ nơi bị giam cầm ở Babylon, Đền thờ Giêrusalem đã được xây dựng lại ; cộng đồng dân sự và tôn giáo được tổ chức lại bởi thầy tế lễ Esdras và thống đốc Néhémie, với sự tập trung mạnh mẽ ở Giêrusalem ; nhiều tác phẩm Kinh thánh được sao chép, sắp xếp theo thứ tự và hiệu đính. Tất cả những nỗ lực này, trong khi cho phép người dân Do Thái được sống sót, cũng gây ra sự

cứng rắn trong việc thờ phượng và tuân thủ Lễ Luật. Sự quan tâm cực độ đến sự vâng lời này sẽ đưa chủ nghĩa anh hùng của Judas Macchabée và những người anh em của ông đến sự đối lập với chủ nghĩa ngoại giáo Hy Lạp-La Mã. Thật không may, sau chiến thắng trước Antiochus Epiphane và lần tái thiết Đền thờ thứ hai, quá trình trùng tu sau đó càng làm nổi bật xu hướng duy luật này. Hơi thở giải thoát của các nhà ngôn sứ ngày càng bị lãng quên và sự ưu ái của Thiên Chúa dường như phụ thuộc vào các nghi lễ dâng hiến tại Đền thờ và việc tuân thủ các giới luật mà một học thuyết nguy hiểm khéo léo của giáo sĩ Do Thái thích nhân rộng. Tất cả những điều này dẫn đến mối quan tâm tỉ mỉ về công lý của chính mình trước Lễ Luật Chúa, đến sự che giấu ý nghĩa tâm linh và cá nhân của tội lỗi và lãng quên Thiên Chúa là Đấng tha thứ để ủng hộ một Thiên Chúa là nhà lập pháp và là chủ nhân của công lý mà người ta chỉ có thể sợ hãi. Chúa Giêsu sẽ đáp lại một cách mạnh mẽ bằng cách công bố lòng thương xót vô biên của Thiên Chúa và loan báo một sự thờ phượng trong tinh thần và chân lý không bị ràng buộc vào bất cứ nơi nào.

Chúa Giêsu tha thứ

Ngay từ đầu khi rao giảng, Chúa Giêsu đã tự giới thiệu mình là Đấng cứu rỗi và tha thứ tội lỗi. Thánh Mác-cô

đã cẩn thận tường thuật lại việc chữa lành một người bại liệt ở Capharnaüm (Mc 2.3-12). Chúa Giêsu bắt đầu bằng cách nói với người đàn ông bất hạnh được đưa đến với Người qua một lỗ hổng trên sân thượng của ngôi nhà : «Này con, tội lỗi của con đã được tha». Như vậy, Người đã tạo ra một vụ tai tiếng : chỉ có Thiên Chúa mới có thể tha thứ tội lỗi ! Nhưng Người nói thêm: «VẬY, để các ông biết : ở dưới đất này, Con Người có quyền tha tội, - Đức Giê-su bảo người bại liệt - Ta truyền cho con: Hãy đứng dậy, vác lấy chõng của con mà đi về nhà !» Và người bại liệt đứng dậy, vác chõng của mình và đi ra trước mặt mọi người (Mc 2.3-12).

Phần tiếp theo của câu chuyện theo thánh Mác-cô cho chúng ta thấy Chúa Giêsu trong nhà của Lê-vi, một người thu thuế người La Mã, ngồi ăn với những người được gọi là tội nhân. Sau khi nghe những lời chỉ trích của những người có tư tưởng đúng đắn đang phẫn nộ, Chúa Giêsu trả lời : «Người mạnh mẽ không cần thầy thuốc, nhưng người đau ốm mới cần. Ta đến không phải để gọi người công chính, mà để gọi người tội lỗi» (Mc 2.17).

Thánh Lu-ca, trong một trang đã trở nên nổi tiếng (Lc 7.36-50), tường thuật cuộc gặp gỡ giữa Chúa Giêsu và một người phụ nữ có tiếng xấu. Bà rải nước hoa và nước

mắt của mình lên chân Người, với sự tuôn trào và biểu lộ cảm xúc khiến những người chứng kiến cảnh tượng đó phải ngạc nhiên. Người chủ nhà đón Chúa Giêsu, một người Phariseu, vô cùng sùng sốt. Nhưng Chúa Giêsu khen ngợi người phụ nữ này và kết luận: «Vì thế, tôi nói cho ông hay : tội của chị rất nhiều, nhưng đã được tha, bằng có là chị đã yêu mến nhiều» Và Người nói với chị : «Lòng tin của chị đã cứu chị. Chị hãy đi bình an». (Lc 7.36-50).

Từ cảnh này, chúng ta có thể dễ dàng so sánh với cảnh gặp một người phụ nữ bị bắt quả tang ngoại tình và nếu áp dụng nghiêm ngặt Luật Môi-se, người phụ nữ này sẽ bị kết án tử hình. Chúa Giêsu nói với những người cáo buộc Người rằng : «Ai trong các ngươi sạch tội, hãy ném đá chị ấy trước đi !» Hiểu được bài học một lần, mọi người đều rút lui. Người ngẩng lên và nói: «Này chị, họ đâu cả rồi ? Không ai lên án chị sao ?» Người đàn bà đáp : «Thưa ông, không có ai cả». Chúa Giê-su nói : «Tôi cũng vậy, tôi không lên án chị đâu ! Thôi chị cứ về đi, và từ nay đừng phạm tội nữa !» (Ga 8.1-11).

Quyền năng tha thứ và xóa bỏ tội lỗi này, một quyền năng mà Chúa Cha đã ban cho Người, Chúa Giêsu không chỉ dành riêng cho mình mà còn truyền lại cho

các tông đồ bằng những lời hứa long trọng. Trước tiên, Người nói với Simon Phê-rô : «Bất cứ điều gì anh em buộc dưới đất thì trên trời cũng sẽ buộc như vậy. Bất cứ điều gì anh em cởi dưới đất thì trên trời cũng sẽ cởi» (Mt 16.19). Sau đó, theo Thánh Gio-an, vào buổi tối ngày Phục sinh, Người tuyên bố với tất cả những người tụ họp quanh Phê-rô và người môn đệ được yêu thích nhất : «Anh em hãy nhận lấy Thánh Thần. Anh em tha tội cho ai, thì người ấy được tha ; anh em cầm giữ ai, thì người ấy bị cầm giữ». (Ga 20.22-23).

Trong suốt quá trình rao giảng, Chúa Giêsu công bố lòng thương xót và sự tha thứ của Thiên Chúa. Thánh Lu-ca đã chọn ba dụ ngôn đầy hy vọng : dụ ngôn về con chiên lạc, dụ ngôn về đồng tiền bị mất và tìm thấy, và dụ ngôn về người cha đã tự nguyện tha thứ cho cả đứa con hoang đàng và người con cả đang tức giận của mình : «Con ơi, con luôn ở với cha, và mọi sự của cha đều là của con. Nhưng cần phải ăn mừng và hãy vui mừng vì người em của con đã chết mà nay sống lại, đã mất mà nay lại tìm thấy !» (Lc 15).

Tuy nhiên, lời tuyên bố về lòng thương xót của Thiên Chúa không phải là sự đưa vào sự lỏng lẻo về mặt đạo đức. Chúa Giêsu vẫn luôn đòi hỏi cao ở các môn đệ của mình. Ngay sau khi ban cho Phê-rô khả năng tha

thứ, Người công bố cuộc khổ nạn của Người và tiếp tục : «Nếu ai muốn theo Ta, hãy từ bỏ chính mình, vác thập giá mình mà theo Ta !» (Mt 16.25). Người không yêu cầu sự vâng phục thụ động, nhưng đề xuất một sự lựa chọn tự nguyện : «Nếu ai muốn...» Động cơ quyết định sự lựa chọn như vậy chỉ có thể là sự chấp nhận tự do một tình yêu sẽ đi xa đến mức hiến dâng mạng sống mình.

Chúa Kitô đã chết vì tội lỗi của chúng ta

Chúa Giêsu tiếp tục những lời loan báo quan trọng trong Sách Ai ca của Do Thái. Người tự nhận mình là Tôi tớ của Thiên Chúa, Đấng sẽ hiến mạng sống mình vì tội nhân. Người phán : «Con Người đến không phải để được phục vụ, nhưng là để phục vụ và hiến dâng mạng sống mình làm của lễ vì nhiều người» (Mt 20.28). Và khi Người chia sẻ bữa ăn cuối cùng với các môn đệ mình vào đêm trước cuộc khổ nạn, Người trao cho họ một chén rượu và nói : «Tất cả anh em hãy uống chén này, vì đây là máu Thầy, máu Giao Ước, đổ ra cho muôn người được tha tội» (Mt 26.27).

Sau khi Chúa Giêsu chịu chết và sống lại, các tông đồ cũng nhớ đến Người Tôi Tớ được loan báo trong sách Isaia. Họ thiết lập trong việc rao giảng của họ một mối quan hệ giữa cuộc khổ nạn của Người và tha thứ

tội lỗi con người. Vì vậy, Phê-rô, sau khi nhân danh Chúa Giêsu Kitô chữa lành một người què, dưới cổng Đẹp của Đền thờ (Cv 3), đã nói chuyện với tất cả những người ở đó trong một bài diễn thuyết tuyệt vời. Sau khi nhớ lại cái chết và sự phục sinh của Chúa Kitô, ông thốt lên : «Thiên Chúa đã thực hiện như vậy những gì Ngài đã loan báo qua miệng tất cả các ngôn sứ, rằng Đấng Kitô của Ngài sẽ phải chịu đau khổ. Vậy hãy ăn năn và hoán cải, để tội lỗi của anh em được xóa bỏ». Tương tự như vậy với viên đại đội trưởng Cornelius : «Chúng tôi là chứng nhân của mọi điều Người đã làm trong xứ Do Thái và tại Giêrusalem. Người mà họ đã đi xa đến mức giết chết bằng cách treo Người lên giá treo cổ, thì đến ngày thứ ba, Thiên Chúa đã cho Người sống lại [...] Tất cả các ngôn sứ đều làm chứng về Người rằng bất cứ ai tin vào Người sẽ được tha tội nhờ danh Người» (Cv 10.39-43).

Phao-lô sẽ lấy sự cứu rỗi của con người, nghĩa là sự giải thoát họ khỏi tội lỗi, nguồn gốc của sự chết, làm chủ đề lớn trong bài giảng của mình. Vì vậy, hai mươi năm sau khi Chúa Giêsu chịu chết, ông nhắc nhở các thành viên của cộng đồng Kitô hữu ở Cô-rin-tô về những gì ông đã công bố với họ trong lần ở lại trước đó : «Tôi đã truyền lại cho anh em điều chính tôi đã nhận được, là Đức Kitô đã chết vì tội lỗi chúng ta, Người đã được

mai táng, và Người đã sống lại vào ngày thứ ba theo lời Kinh thánh...» (1 Cr 15.3-4). Ở đây chúng ta tìm thấy cốt lõi của Kinh Tin Kính đầu tiên được các tông đồ giảng dạy, bản chất của mầu nhiệm vượt qua của Chúa Kitô, Đấng đã chết để giải thoát chúng ta khỏi tội lỗi và sống lại để thông ban cho chúng ta sự sống của Thiên Chúa.

Thư gửi tín hữu Rô-ma phát triển và đào sâu thêm chủ đề này ở mức độ lớn : «Khi chúng ta bất lực, Đấng Kitô đã chết vì những kẻ vô đạo. Thật khó để muốn chết vì những người công chính [...], nhưng bằng chứng cho thấy Thiên Chúa yêu thương chúng ta là Đấng Kitô, khi chúng ta còn là tội nhân, đã chết vì chúng ta. Huống chi bây giờ, khi đã được nên công chính trong máu Người, chúng ta sẽ được cứu khỏi cơn thịnh nộ của Thiên Chúa biết bao. Nếu khi chúng ta còn là kẻ thù nghịch cùng Thiên Chúa, chúng ta đã được hòa giải bởi sự chết của Con Ngài, thì huống chi, khi đã được hòa giải, chúng ta sẽ được cứu bởi sự sống của Người biết bao (...) Bây giờ, chúng ta đã được hòa giải qua Đấng Kitô» (Rm 5.6-11).

Trong lá thư ông viết cho Ê-phê-xô vào cuối thế kỷ thứ nhất, Thánh Gio-an vẫn giữ nguyên ngôn ngữ vẫn còn gợi nhớ đến nghi lễ Do Thái mà ông chuyển sang

mâu nhiệm Chúa Kitô : «Máu của Chúa Giê-su, Con Ngài, thanh tẩy chúng ta khỏi mọi tội lỗi [...] Nếu ai phạm tội, chúng ta có Đấng cầu thay với Chúa Cha là Chúa Giê-su Kitô, Đấng Công Chính. Người là sự chuộc tội cho chúng ta, không những cho tội lỗi chúng ta mà thôi, nhưng cũng cho tội lỗi của cả thế gian nữa» (1 Ga 1.8; 2.2).

Sứ mệnh của Chúa Kitô tư tế, thay thế tất cả các tư tế của Giao ước đầu tiên bằng cách hiến dâng chính mình làm của lễ hy sinh cho tội nhân, được tiết lộ trong toàn bộ Thư gửi tín hữu Do Thái, được viết cùng thời điểm bởi một môn đệ của Phaolô : «Người là trung gian của một giao ước mới, để sau khi chết cứu chuộc tội lỗi của giao ước đầu tiên, những người được kêu gọi có thể nhận được gia tài vĩnh cửu đã hứa [...] Người đã tỏ mình ra để xóa bỏ tội lỗi bằng hy lễ của Người» (Dt 8.15 ; 8.26). Theo Chúa Kitô, các môn đệ được mời gọi «chống lại ngay cả đến đổ máu trong cuộc chiến chống lại tội lỗi» (Dt 12.4). Vào thời điểm đó, những vị tử đạo đầu tiên đã chống lại, hiến dâng máu của họ thay vì chấp nhận sự bội giáo.

Đức tin vào Chúa Kitô, Đấng tha thứ và hòa giải với Chúa Cha, đã được diễn tả từ thế kỷ thứ hai theo cách ngắn gọn nhưng chắc chắn trong Kinh Tin Kính của các

Tông đồ, được dạy cho những người dự tòng trước khi chịu phép rửa tội : «Tôi tin kính Chúa Cha toàn năng, Đấng tạo thành trời đất, và tin kính Chúa Giêsu Kitô, Con một của Ngài, Chúa chúng tôi [...] Tôi tin vào sự tha thứ tội lỗi». Sự tha thứ tội lỗi này gắn liền với phép rửa tội, phép rửa tội được kết hợp vào Chúa Kitô và đưa tín hữu vào cuộc sống của con cái Thiên Chúa, được hòa giải hoàn toàn với Chúa Cha. Năm 325, Công đồng Nicaea giải thích : «Tôi công nhận một phép Rửa duy nhất để tha tội».

Đối với chúng ta ngày nay, chúng ta không thể nói với Cha chúng ta : «Xin tha tội cho chúng con», trừ khi nhớ rằng chúng ta cầu xin điều này với Chúa Kitô. Việc nhận ra tội lỗi hằng ngày của chúng ta, tức là sự tầm thường thường thấy, sự yếu đuối trước những cám dỗ, tính ích kỷ cơ bản, sự thờ ơ và lười biếng, sự thiếu tình yêu, với lòng khiêm nhường, sáng suốt và chân thành, sẽ dẫn chúng ta đến việc kêu cầu lòng thương xót của Chúa Kitô, Đấng cứu độ chúng ta. Theo một cách nào đó, chúng ta đã cho Thiên Chúa lý do để giúp đỡ chúng ta, cứu chúng ta và yêu thương chúng ta. Chúng ta càng nhận ra mình nghèo thì chúng ta càng cần Ngài và càng trao cho Ngài khả năng hoàn thành trong chúng ta sứ mệnh hòa giải hoàn toàn với Cha của Người, Cha của chúng ta. Thiên Chúa yêu thương chúng ta vô hạn hơn

chúng ta có thể yêu Ngài, và chính Chúa Kitô đã dẫn chúng ta vào trong trái tim của Thiên Chúa. Phao-lô thuật lại rằng trong một thử thách đau đớn, khi ông phải thừa nhận rằng mình không có gì đáng tự hào, Thiên Chúa đã tuyên bố với ông: «Ân điển của Ta đủ cho con, vì sức mạnh của Ta nên trọn vẹn trong sự yếu đuối.» Và tông đồ kết luận với một hy vọng tuyệt vời có thể trở thành hy vọng của chúng ta : «Khi tôi yếu đuối, thì tôi mạnh mẽ, vì khi đó quyền năng của Đấng Kitô ngự trên tôi» (2 Cr 12.7-10). Ở những nơi khác, ông cũng viết : «Nơi nào tội lỗi gia tăng, thì ân điển lại càng gia tăng hơn nữa» (Rm 5.20) và một lần nữa : «Tôi có thể làm mọi sự trong Đấng Kitô, là Đấng ban sức mạnh cho tôi» (Pl 4.13).

Tóm lại, khi chúng ta nói với lòng tin tưởng trọn vẹn với Cha chúng ta : «Xin tha thứ cho chúng con», chúng ta hiệp nhất với đức tin của người Samari đã nói về Chúa Giêsu : «Người thực sự là Đấng cứu độ thế gian!» (Ga 4.42), và chúng ta có thể cá nhân hóa cho mỗi người chúng ta : «Xin Cha tha thứ cho con, vì Chúa Giê-su là Cứu Chúa của con.»

Như chúng con cũng

Từ «như» và «cũng» này mở ra một thuật ngữ so sánh giữa Thiên Chúa và chúng ta. Điều này có vẻ khá

phi thường. Và điều thậm chí còn phi thường hơn nữa, Chúa Giêsu trình bày Chúa Cha như một mẫu gương mà chúng ta phải liên tục noi theo. Nhưng khoảng cách giữa con người và Thiên Chúa thật là xa vời ! Điều có thể bắt chước được, đó không phải là Thiên Chúa ở đỉnh cao của sự huyền nhiệm, mà là Thiên Chúa trong tình yêu thương dành cho tội nhân và lòng thương xót của Ngài như Con Người đã đến để biểu lộ. Vì thế, sau lời khuyên bảo phải bác ái với mọi người, ngay cả kẻ thù, Chúa Giêsu đã có thể nói rằng : «Vậy các con hãy nên hoàn thiện như Cha các con trên trời là Đấng hoàn thiện» (Mt 5.48) và Người giải thích thêm : «Hãy có lòng thương xót như Cha các con là Đấng đầy lòng thương xót» (Lc 6.36).

Do đó, khi xét đến lòng thương xót của Chúa Cha, Chúa Giêsu khiến những người cầu nguyện với Người phải nhìn nhận một cách phê phán lòng thương xót của chính họ. Chính Người đã đưa ra lời bình luận về lời cầu xin tha thứ này vì chúng ta đọc trong Tin Mừng theo Thánh Mát-thêu phần tiếp theo ngay sau «Kinh Lạy Cha» : «Vì nếu các con tha thứ lỗi lầm cho người ta, thì Cha các con trên trời cũng sẽ tha thứ cho các con. Nhưng nếu các con không tha thứ cho người ta, thì Cha các con cũng sẽ không tha thứ cho những lỗi lầm của các con» (Mt 6.14). Và, theo Thánh Lu-ca, Chúa Giêsu

đã quay trở lại chủ đề tương tự trong bài diễn văn lớn bắt đầu bằng lời công bố về các mối phúc của sự nghèo khó và giản dị : «Đừng xét đoán, thì các người sẽ không bị xét đoán. Đừng lên án, thì các người sẽ không bị lên án. Hãy cởi mở, thì các người sẽ được cởi mở. Hãy cho, thì sẽ được cho lại. Ngài sẽ đong cho các người đấu vừa đủ, đã dần, đã lắt, và đầy tràn, vào lòng các người. Vì các người đong bằng đấu nào, thì các người cũng sẽ được đong lại bằng đấu ấy» (Lc 8.37-38).

Tuy nhiên, đừng nhầm lẫn : đây không chỉ là sự cho và nhận, mà kêu gọi sự hào phóng và kêu gọi lòng độ lượng. Dụ ngôn về người mắc nợ không thương xót cho thấy rõ điều này (Mt 18.25-35). Văn bản viết rằng, một người tôi tớ nợ chủ nhân của mình, một vị vua, một số tiền khổng lồ và mang tính tượng trưng, mười ngàn yến vàng, tương đương vài tỷ quan ngày nay. Rõ ràng là người hầu không có khả năng trả nợ, nhưng nhà vua vẫn ban cho anh ta mọi thứ. Về phần ông, ông đã tàn nhẫn đòi một trong những người bạn đồng hành của mình một trăm quan tiền, một số tiền tối thiểu... Ông sẽ bị trừng phạt và Chúa Giêsu kết luận : «Cha các con trên trời sẽ đối xử với các con như thế này nếu mỗi người trong các con không tha thứ cho anh em mình từ tận đáy lòng». Đây không hẳn là một lời đe dọa mà là một lời dạy : «Thiên Chúa sẵn sàng tha thứ mọi sự»,

nhưng với một điều kiện : «Chính mình cũng hãy tha thứ nữa».

Dụ ngôn này cũng cho chúng ta thấy rằng chính chúng ta, qua thái độ của mình, lựa chọn bản án cho mình. Thánh Gioan Chrysostome đã bình luận về điều này như sau : «Bạn, kẻ có tội, Chúa đã trao cho bạn quyền phán xét». Chúng ta là những sinh vật duy nhất có thể ngăn cản lòng thương xót của Thiên Chúa. Khi từ chối yêu thương anh em mình đến mức tha thứ, chúng ta từ chối yêu thương chính Thiên Chúa. Ngược lại, bằng cách tha thứ, chúng ta tham gia vào sứ mệnh của Chúa Kitô, Đấng đã đến để cứu rỗi những gì đã mất.

Phao-lô viết theo cùng một nghĩa : «Hãy tử tế với nhau, hãy thương xót nhau. Hãy tha thứ cho nhau, như Thiên Chúa đã tha thứ cho anh em trong Đấng Kitô» (Ep 4.31), và một lần nữa : «Hãy chịu đựng nhau và tha thứ cho nhau nếu ai có điều gì phàn nàn với người ấy. Thiên Chúa đã tha thứ cho anh em, thì anh em cũng vậy. Và trên hết, hãy có tình yêu thương» (Cl 3.13).

Phao-lô nói : Hãy tha thứ cho nhau. Bạn phải cẩn thận về điều đó. Lời yêu cầu này của tông đồ bao gồm cả việc chúng ta cũng phải biết cách xin sự tha thứ từ anh em mình, nhận ra rằng chúng ta có thể là người phạm lỗi và có khả năng cầu xin sự tha thứ từ những người mà

chúng ta đã làm tổn thương. Đây là điều Chúa Giêsu đã nói : «Nếu anh em dâng lễ vật nơi bàn thờ, mà nhớ lại anh em mình có điều gì bất bình với anh em, thì hãy để lễ vật lại đó trước bàn thờ, đi làm hòa với anh em mình trước đã ! Rồi hãy đến dâng lễ vật» (Mt 5.23-24). Chúa Giêsu thậm chí không chỉ rõ ai đúng hay sai. Người đòi hỏi một nỗ lực hòa giải vô điều kiện. Và Người trình bày điều đó như là điều kiện tiên quyết cần thiết trước bất kỳ hành động thờ phượng nào. Như Thánh Gio-an đã nói : «Bất kỳ ai tuyên bố yêu Chúa mà không yêu anh em mình thì là kẻ nói dối ! » (1 Ga 4.20). Và đừng có nhầm lẫn : hãy lấy việc chủ động xin lỗi một người mà bạn đã chia tay vì những lý do nghiêm trọng chắc chắn cũng khó khăn như việc tha thứ cho chính mình... Tuy nhiên, sự hòa giải thực sự phải trả giá bằng điều này. Và chính Chúa Kitô là Đấng hòa giải và là hòa bình của chúng ta.

Bảy mươi lần bảy

Khi Simon Phêrô hỏi Chúa Giêsu : «Thưa Thầy, nếu anh em con cứ xúc phạm đến con, thì con phải tha đến mấy lần ? Có phải bảy lần không ?» Chúa Giê-su đáp: «Thầy không bảo là đến bảy lần, nhưng là đến bảy mươi lần bảy». (Mt 18, 21-22). Nghĩa là luôn luôn... Điều đó không hợp lý ! Đúng vậy, nhưng Chúa Giêsu

không bao giờ nói rằng Tin Mừng của Người là hợp lý. Người không đưa ra lề luật để tổ chức cuộc sống trong xã hội. Người đã đưa ra lời kêu gọi yêu thương vô điều kiện, một lời kêu gọi phải lên men như men trong bột nhào suốt cuộc đời. Sự tha thứ là một phần của men này và chúng ta phải chấp nhận rằng bột phải mất một thời gian dài để nở trong một thế giới quá khắc nghiệt. Luôn luôn tha thứ. Nhưng nếu chúng ta không thể tha thứ thì sao ? Nếu trái tim chúng ta vẫn đau đớn khép lại vì lý do phạm tội hay tổn thương vẫn còn, vì món nợ mà kẻ phạm tội phải gánh chịu quá đẫm máu, quá bất công, quá tàn nhẫn ? Vì vậy, một người phụ nữ đã phải chịu đựng sự ngược đãi rất nghiêm trọng trong chiến tranh và chứng kiến toàn bộ gia đình mình chết trong các trại diệt chủng đã tâm sự rằng bà không thể tiếp tục đọc «Kinh Lạy Cha» nữa vì bà không thể tha thứ cho những tên đao phủ của mình, và càng không thể tha thứ cho những tên đao phủ của con cái bà. Bà không muốn đọc lời cầu nguyện này chỉ vì vâng lời mà không đặt chút tình yêu vào đó, và bà thấy điều đó vượt quá sức mình. Chúng ta phải tôn trọng những xung đột lương tâm sâu sắc như vậy, phát sinh từ những bi kịch đã làm tổn thương thể xác, trái tim và tâm hồn. Ít nhất thì người này cũng nhận ra sự yếu đuối của mình trước Thiên Chúa. Đây chẳng phải là sự khởi đầu của sự hoán

cải thực sự sao ? Có lẽ bà không biết đến lời này của Thánh Gio-an, đầy lòng thương xót và hy vọng: «Nếu lòng bạn cáo buộc bạn, thì Thiên Chúa còn lớn hơn lòng bạn» (1 Ga 3.20). Chúng ta luôn có thể cầu xin Thiên Chúa dạy chúng ta cách tha thứ và cầu xin sự tha thứ, cũng như chúng ta cầu xin Thiên Chúa dạy chúng ta cách yêu thương.

Một lời cầu xin như vậy có thể ngầm hiểu trong lời cầu nguyện của chúng ta : «Xin tha thứ cho chúng con và dạy chúng con biết tha thứ như Thiên Chúa đã làm». Trước mặt Thiên Chúa, chúng ta luôn học hỏi, chúng ta luôn là trẻ con. Bấy giờ, Chúa Giê-su phán rằng : «Nước Thiên Chúa thuộc về những người giống như trẻ nhỏ». Thật ra, Thiên Chúa không đợi chúng ta tha thứ như Ngài mới tha thứ cho chúng ta. Đầu tiên, vì chúng ta sẽ không bao giờ có thể tuyên bố mình yêu như Ngài. Tuy nhiên, chắc chắn đã nhận được sự tha thứ của Ngài mang lại cho chúng ta sức mạnh để hòa giải, cũng như sự chắc chắn được Ngài yêu thương khiến chúng ta có khả năng yêu thương.

Nếu chúng ta đợi cho đến khi «ăn năn hoàn toàn», chúng ta sẽ không bao giờ cầu xin sự tha thứ từ Thiên Chúa, từ Giáo hội hay từ con người, và chúng ta sẽ quên đi dấu chỉ tuyệt vời này về lòng thương xót của

Chúa Cha mà bí tích hòa giải trình bày, như một sự mở rộng và hiện thực hóa ân sủng của phép rửa tội, bất kể cách thức cử hành nào. Tương tự như vậy, Bí tích Thánh Thể không được đề xuất cho những người theo đạo Thiên Chúa như một phần thưởng dành riêng cho những gái điếm và người vô tội, nhưng như một phương tiện để phát triển đức tin và tình yêu, chính xác là vì chúng ta không có đủ đức tin và tình yêu. Việc lãnh nhận bí tích hòa giải, giống như việc tham dự bữa tiệc của Thiên Chúa, ràng buộc chúng ta : được thúc đẩy bởi lòng thương xót của Chúa Kitô, được nuôi dưỡng bởi thân thể Người, chúng ta được kêu gọi trở thành người truyền bá sự tha thứ, hòa giải và hòa bình. Đây là cách chúng ta có thể trao giá trị chân lý cho chữ «chúng ta cũng thế» trong «Kinh Lạy Cha».

Hãy tha thứ cho họ !

Chúng ta cầu xin Thiên Chúa và anh chị em tha thứ cho những lỗi lầm cá nhân của chúng ta. Chúng ta cũng có thể thương hại, nhưng không tự cho mình là đúng, những anh em không biết cách cầu xin sự tha thứ. Trên thập giá, Chúa Giêsu đã có thể cầu xin : «Lạy Cha, xin tha thứ cho họ vì họ không biết việc họ làm!» Người hoàn toàn không có tội lỗi ; chúng ta vẫn là tội nhân, nhưng giống như Chúa Giê-su đã có thể đáp lời cầu

nguyện của một người cha khi người đó cầu xin Người chữa lành con gái mình, hoặc của một viên đại đội trưởng ngoại giáo cầu nguyện với Người cho đứa con của mình, chúng ta cũng có thể khiêm nhường cầu xin lòng thương xót của Thiên Chúa cho những người mà chúng ta yêu thương và dường như ở xa Ngài. Tông đồ Thánh Gio-an nói : «Nếu ai thấy anh em mình phạm tội, hãy cầu nguyện, và Thiên Chúa sẽ ban sự sống cho anh em đó» (1 Ga 5.16).

Một Kitô hữu cố gắng trung thành với Chúa Kitô và Tin Mừng của Người biết rõ rằng mình chỉ duy trì được lòng trung thành này nhờ ân điển và lòng thương xót của Chúa Cha chúng ta. Cầu nguyện cho những người dường như xa lạ với đức tin và tình yêu, mà không phán xét họ, cũng không đặc biệt lên án họ, là một hành động hy vọng và tin tưởng vào Thiên Chúa đồng thời là một hành động bác ái huynh đệ thực sự.

Hơn nữa, trong suốt «Kinh Lạy Cha», chúng ta nói «chúng tôi» chứ không phải «tôi». Điều này không loại trừ mối quan hệ thân mật và riêng tư với Thiên Chúa, nhưng nó nhắc nhở chúng ta rằng chúng ta không đơn độc. «Kinh Lạy Cha» thường là lời cầu nguyện của cộng đồng môn đệ của Chúa Kitô, những người biết rằng mình được Thiên Chúa yêu thương như con cái

của Người. Đây là ý nghĩa của việc đọc kinh long trọng này trong mỗi buổi cử hành Thánh Thể. Sau khi ngợi khen Thiên Chúa, các anh em cùng nhau cầu xin sự tha thứ, nhưng lời cầu xin này có thể và phải bao gồm cả những người con hoang đàng và những con chiên lạc mất. Khi chúng ta nói : «Xin tha thứ tội lỗi chúng con» chúng ta hãy nghĩ : «Đối với chúng con, những người cầu nguyện theo lời Chúa Giêsu đã dạy, Lạy Cha, xin ban ơn tha thứ, nhưng cũng đối với những người không biết cách, không thể, hoặc không muốn cầu nguyện, xin tỏ lòng thương xót của Cha, vì chính Chúa Kitô đã hy sinh mạng sống của mình trước tiên cho họ».

Xin đừng để chúng con sa chước cám dỗ nhưng cứu chúng con khỏi sự dữ

Thánh Mát-thêu và Thánh Lu-ca đã tường thuật phần đầu của lời cầu xin này bằng cùng một lời : «Xin đừng để chúng con sa vào sự cám dỗ.» » Chỉ có Thánh Mát-thêu giữ lại phần tiếp theo : «nhưng cứu chúng tôi khỏi điều ác» ; tuy nhiên, không còn nghi ngờ gì nữa rằng chính Chúa Giêsu đã thốt ra câu này, vì nó thiết lập sự song song với câu trước đó theo một quá trình văn phong quen thuộc với ngôn ngữ Semit và thường thấy trong các sách Tin Mừng. Với sự súc tích của tiếng Hy Lạp, Thánh Lu-ca không muốn chép lại những gì mà ông cho là sự lặp lại.

Trong mọi trường hợp, cách sử dụng của Kitô giáo, từ thế kỷ thứ hai trở đi, đã phổ biến văn bản của Thánh Mát-thêu. Để hiểu đúng, không nên tách hai phần của câu vì cấu trúc của nó dẫn đến việc nhấn mạnh vào phần thứ hai ; thực tế khi chúng ta nói : «Đừng làm điều này, hãy làm điều kia», điều quan trọng là kết luận tích cực, chính điều này làm sáng tỏ và làm rõ phần tiêu cực. Tương tự như vậy, điều quan trọng ở đây là phải được giải thoát khỏi Ác quỷ và vì mục đích này, không khuất phục trước sự cám dỗ dẫn chúng ta đến với nó. Sự cám dỗ giống như cái bẫy mà Ác quỷ cố gắng giăng

ra để bắt chúng ta. Chúng ta cầu xin Thiên Chúa giúp chúng ta tránh khỏi cái bẫy này để chúng ta có thể được giải thoát hoàn toàn khỏi Ác quỷ.

Do đó, lời cầu nguyện của chúng ta ngầm đặt chúng ta trước câu hỏi lớn mà từ thời Gióp và lâu trước đó đã giày vò con người, ngay cả những người đơn giản nhất: cái ác đến từ đâu ? Tại sao lại có quá nhiều bất hạnh và bất công trong nhân loại ? Sự thống trị của cái ác sẽ tồn tại bao lâu ? Chúa Giêsu không trả lời những câu hỏi này như một triết gia, nhưng Người đã đối mặt với điều ác trong chính trái tim và thể xác mình, cả sự thù hận, phản bội cũng như đau khổ về thể xác.

Sự dữ nào ?

Khi nói đến cái ác, chúng ta có thể muốn nói đến đau khổ về thể xác, bệnh tật, đau khổ và đói khát, thậm chí là cái chết, cũng như tội lỗi, sự tàn ác, hận thù, bất công, chiến tranh, tất cả các hình thức mà cái ác có thể xuất hiện trong cuộc sống của cá nhân, xã hội và thế giới.

Chắc chắn Chúa Giêsu không loại trừ bất kỳ điều nào trong số này khỏi mối quan tâm và lời cầu nguyện của Người : Người chữa lành người bệnh, cho người đói ăn, cứu bạn bè mình trong cơn bão, sống lại từ cõi chết, hứa hẹn hạnh phúc và hòa bình. Bản thân Người đã phải

chịu đựng sự bất công của một bản án tai tiếng, sự tàn ác của những tên đao phủ đã đối xử tàn bạo với Người, và nhiều giờ đau đớn khủng khiếp khi bị đóng đinh trên cây thánh giá.

Tuy nhiên, khi Chúa Giêsu ban «Kinh Lạy Cha» cho các tông đồ, có lẽ trước tiên Người muốn cảnh báo họ về cái ác được nhân cách hóa, cái mà các sách Tin Mừng và chính Người gọi là Ma quỷ, Ác quỷ, Satan, Kẻ thù, Kẻ cám dỗ, Kẻ quyến rũ, Beelzebub, Mammon, Kẻ ác, Hoàng tử của thế gian này... Quá nhiều tên để diễn tả sự bí ẩn của nhân vật này, kẻ chống lại Thiên Chúa và Đấng Kitô của Ngài ! Trong các văn bản Kinh thánh, nó được liên kết với nguồn gốc của mọi điều xấu xa tàn phá nhân loại. Vì vậy, chúng ta chắc chắn phải hiểu: «Xin cứu chúng con khỏi Kẻ Ác.» Đây là cách lời cầu nguyện của chúng ta được dịch trong một số nghi lễ Đông phương. Chúng ta chủ yếu cầu xin Thiên Chúa giải thoát chúng ta khỏi hành động và cạm bẫy có hại của ma quỷ, nguyên nhân gây ra biết bao bất hạnh cho mỗi người chúng ta và cho toàn thể nhân loại.

Đừng để chúng con...

Bây giờ chúng ta có thể quay lại phần đầu của câu trong lời cầu xin cuối cùng của «Kinh Lạy Cha». Phát sinh khó khăn trong việc dịch thuật. «Đừng để chúng

tôi» có thể được hiểu theo nghĩa là Thiên Chúa có thể buộc chúng ta phải vâng theo sự cảm dỗ, rằng Thiên Chúa có thể bắt chúng ta phải chịu tội lỗi. Thật vậy, theo nghĩa chặt chẽ, tuân theo một luật lệ là chấp nhận luật lệ đó ; khuất phục trước sự cảm dỗ phạm tội là chấp nhận tội lỗi này, buộc người ta phải khuất phục trước sự cảm dỗ. Điều này thật mâu thuẫn và tai tiếng nếu so sánh với những gì chúng ta biết về lòng thương xót của Thiên Chúa. Vì vậy, chúng ta phải hiểu rằng : «Xin ban cho chúng con đừng khuất phục tội lỗi, xin ban cho chúng con từ chối sự cảm dỗ». Thiên Chúa không thể là nguyên nhân gây ra tội lỗi, chính chúng ta là người có nguy cơ khuất phục hẳn, và chúng ta cầu xin Thiên Chúa ngăn cản chúng ta khỏi sa vào sự cảm dỗ này.

Bản dịch này, được đề xuất cho phiên bản phụng vụ đại kết, đã bị nhiều nhà chú giải chỉ trích và vẫn có thể được sửa đổi, mặc dù rất khó để đề xuất tất cả những người Kitô hữu nói tiếng Pháp thay đổi cách diễn đạt của một lời cầu nguyện phổ biến như vậy quá thường xuyên. Chúng ta hãy xem xét các bản dịch được đề xuất, những bản dịch làm rõ nghĩa nhất :

Đừng để chúng con bị cảm dỗ.

Đừng để chúng con rơi vào quyền lực của sự cảm dỗ.

Xin đừng dẫn chúng con vào sự cảm dỗ.

Xin giúp chúng con không khuất phục trước cám dỗ.
Xin giữ chúng con khỏi sự cám dỗ.

Công thức cuối cùng này không phải là công thức đơn giản nhất và phù hợp nhất với toàn thể Kitô hữu sao, ngay cả khi nó không tính đến tất cả các sắc thái mà các nhà ngôn ngữ học ghi chú trong văn bản tiếng Hy Lạp ? Suy cho cùng, «Kinh Lạy Cha» không phải được ban cho các nhà ngôn ngữ học uyên bác mà là cho những nông dân và ngư dân vùng Galilee!

Sa chước cám dỗ

Người ta hiểu rõ rằng sự cám dỗ không thể là công việc của Thiên Chúa. «Chớ có ai, khi bị cám dỗ, mà nói rằng : Tôi bị Thiên Chúa cám dỗ, tông đồ Thánh Gia-cô-bê đã viết cho các Kitô hữu tại Giê-ru-sa-lem, vì Thiên Chúa không thể bị cám dỗ để làm điều ác, và Ngài không cám dỗ ai. Mỗi người bị cám dỗ bởi chính dục vọng của mình, nó lôi kéo và quyến rũ họ, sinh ra tội lỗi» (Gc 1.13). Vào đầu thế kỷ thứ 1, ở Carthage, Tertullian, nhà thần học La-tinh đầu tiên và là nhà bình luận đầu tiên được biết đến về «Kinh Lạy Cha», đã thốt lên : «Xin Thiên Chúa bảo vệ chúng con không tin rằng Thiên Chúa có thể cám dỗ chúng con !» Kẻ cám dỗ là Ma Quỷ, là Thần dữ.

Một số người dịch là «thử thách», và đa số hiểu là «cám dỗ». Trong tiếng Pháp, sự phân biệt khá rõ ràng. Thử thách có thể mang tính tích cực và khích lệ, cám dỗ dẫn đến điều ác và tội lỗi, cám dỗ mang tính tiêu cực và phải từ chối. Trong tiếng Do Thái, tiếng Aram và tiếng Hy Lạp, một từ duy nhất chỉ cả hai thực tại và tùy thuộc vào ngữ cảnh, nó có thể được dịch là thử thách hoặc cám dỗ. Trong «Kinh Lạy Cha», việc đề cập đến Ác quỷ ở cuối câu khiến chúng ta thiên về «cám dỗ» vì tác giả của nó chỉ có thể là Kẻ Ác quỷ. Nếu chúng ta tiếp tục thử thách, chúng ta phải mang lại cho nó ý nghĩa chiến đấu của một cuộc chiến tâm linh giống như những cuộc chiến mà Phao-lô đã nói đến. Liệu Thiên Chúa có cho phép thử thách không ? Gióp đã trả lời là có, và toàn bộ truyền thống Kinh Thánh cũng thấy trong những khó khăn mà dân Chúa phải đối mặt trong cuộc Xuất Hành kéo dài bốn mươi năm tại sa mạc Sinai, một thử thách dài nhằm củng cố đức tin và tôi luyện lòng can đảm của họ.

Nhưng Thiên Chúa luôn luôn giúp đỡ dân Ngài. Phao-lô tuyên bố, bình luận về những bài học trong quá khứ của Do Thái : «Không có thử thách nào (những người khác dịch là «cám dỗ») đến với anh em quá sức loài người. Thiên Chúa là thành tín ; Ngài sẽ không để anh em bị thử thách quá sức mình, nhưng trong sự thử

thách, Ngài sẽ mở đường cho anh em thoát khỏi và ban sức mạnh để chịu đựng» (1 Cr 10.13).

Tin có ma quỷ ?

Nhưng ở thời đại chúng ta, liệu chúng ta còn có thể tin vào ma quỷ không ? Đúng là một số cảnh xưa đuổi quỷ dữ trong Tin Mừng mang lại ấn tượng giống như đang chữa lành người động kinh. hoặc những người mất trí hơn là những cuộc trừ tà thực sự. Người xưa thường đổ lỗi cho ma quỷ về mọi thứ họ không hiểu, và Chúa Giêsu phải chia sẻ ngôn ngữ của họ nếu không muốn nói là niềm tin của họ.

Thời Trung Cổ đã giết chết ma quỷ ở khắp mọi nơi bằng sự ngây thơ tàn ác khiến chúng ta bối rối. Nhiều phiên tòa xét xử phù thủy ngày nay đối với chúng ta giống như trò hề nham hiểm, trong đó chắc chắn không tìm thấy ma quỷ ở nơi mà các thẩm vấn viên tin rằng họ nhận ra hấn. Chẳng phải Thánh nữ Jeanne d'Arc đã bị thiêu sống như một phù thủy bị bán cho quỷ dữ sao? Ngày nay, đôi khi chúng ta nghe nói đến ma thuật và quỷ ám. Nhưng nếu bạn xem xét kỹ, phần lớn những sự thật này đều dựa trên mê tín dị đoan hoặc phương pháp điều trị tâm thần.

Tuy nhiên, chính Chúa Giêsu và các tông đồ của Người đã chứng thực sự tồn tại của Kẻ Ác và lên án hành động xấu xa của hắn. Họ đang tiếp thu một giáo lý cổ xưa trong Kinh thánh mô tả Cái ác được nhân cách hóa trong một thực thể bí ẩn, một thiên thần sa ngã, kẻ thù ghen tị của Thiên Chúa, ghen tị tạo vật của Ngài và đặc biệt là ghen tị con người. Sách Sáng Thế mô tả tượng trưng hành động lén lút của Kẻ Cám dỗ đối với Adam và Eva, bản chất tiêu biểu của loài người kiêu ngạo và tội lỗi.

Ở phần cuối của Thánh Sử, Sách Khải Huyền tiếp tục và khai thác các truyền thống Do Thái đương thời để biến chúng thành hiến chương và hy vọng của những người Kitô hữu bị đàn áp. Sách Khải Huyền mô tả bằng chất trữ tình sang trọng trận chiến cuối cùng của Thiên thần của Thiên Chúa chống lại Ác quỷ : «Bấy giờ, có giao chiến trên trời : thiên thần Mi-ca-en và các thiên thần của người giao chiến với Con Mãng Xà. Con Mãng Xà cùng các thiên thần của nó cũng giao chiến. Nhưng nó không đủ sức thắng được, và cả bọn không còn chỗ trên trời nữa. Con Mãng Xà bị tống ra, đó là Con Rắn xưa, mà người ta gọi là ma quỷ hay Xa-tan, tên chuyên mê hoặc toàn thể thiên hạ ; nó bị tống xuống đất, và các thiên thần của nó cũng bị tống xuống với nó. Và tôi nghe có tiếng hô to trên trời : «Thiên Chúa chúng ta

thời giờ đây ban ơn cứu độ, giờ đây biểu dương uy lực với vương quyền, và Đức Ki-tô của Ngài giờ đây cũng biểu dương quyền bính, vì kẻ tố cáo anh em của ta, ngày đêm tố cáo họ trước tòa Thiên Chúa, nay bị tống ra ngoài». (Kh 12.7-10).

Một số nhà bình luận đã nhận ra Đế chế La Mã đáng sợ trong con Mãng Xà. Rõ ràng là đối với những độc giả đầu tiên của Sách Khải Huyền, Rôma là hiện thân của các thế lực tà ác, nhưng họ chắc chắn không làm giảm bớt ma quỷ thành thế lực tà ác duy nhất nhưng tạm thời này giống như mọi đế chế chính trị khác. Nếu Rôma xuất hiện với họ như Babylon mới, con điểm vĩ đại không ngừng chống lại các thánh và các vị tử đạo, là họ nhận ra rằng ả đã hoàn toàn rơi vào quyền lực của một kẻ đáng sợ hơn ả rất nhiều, Satan, kẻ mà ả chỉ là công cụ.

Tương tự như vậy, các tường thuật trong Tin Mừng mô tả cảnh Chúa Giêsu đối đầu với ma quỷ trong sa mạc có thể được hiểu là mô tả, theo cách tượng trưng và hình ảnh, cuộc đấu tranh của Chúa Giêsu chống lại những hình thức tà ác đạo đức lớn trong nhân loại : lòng kiêu hãnh của tâm trí khiến con người tin rằng mình ngang hàng với Thiên Chúa, lòng tham của cải và tiền bạc, sự khát khao quyền lực. Nhưng chúng không thể bị

giản lược thành một giấc mơ tâm lý và chúng ta không thể bỏ qua rằng trong nhiều trường hợp, Chúa Giêsu đã nói rõ ràng về kẻ thù của mình là ma quỷ, như một thực thể được ban cho một nhân cách riêng. Vì vậy, trong một câu chuyện ngụ ngôn nổi tiếng (Mt 13.24-30 ; 36-43), Chúa cho thấy cách ma quỷ có thể đưa cỏ dại vào ruộng và Người giải thích cho các môn đệ. «Hạt giống tốt là con cái của vương quốc; hạt giống bất hòa là con cái của Ác thần ; kẻ thù gieo chúng là ma quỷ».

Trong cuộc đối thoại đầy kịch tính, theo Thánh Gio-an (Ga 8.44), Chúa Giêsu chống lại những người Do Thái trong đền thờ Giêrusalem, tự hào vì có thể tự gọi mình là con cháu của Abraham, Người đã nói với họ bằng sự phẫn nộ : «Cha các ngươi là ma quỷ... hắn đã là kẻ giết người ngay từ đầu... không có sự thật trong hắn... hắn là kẻ nói dối và là cha của sự dối trá !»

Và có lẽ không có đoạn nào ấn tượng hơn trong các sách Tin Mừng hơn đoạn mà Thánh Gio-an mô tả sự phản bội của Giuđa, trong buổi tối cuối cùng của Chúa Giêsu với bạn hữu. Ông cảnh báo độc giả của mình: «ma quỷ đã gieo sự phản bội vào lòng Giuđa» (Ga 13.2). Chúa Giêsu, trong một cử chỉ phục vụ tuyệt vời và khiêm nhường đầy yêu thương, đã rửa chân cho các môn đệ, điều này có lẽ làm mất uy tín của Người trong

con mắt kiêu ngạo của Giuđa. Sau đó, Người chia sẻ bữa ăn Vượt Qua với họ và ngỏ lời với ông như một lời kêu gọi cuối cùng để mở lòng mình : theo phong tục hiếu khách của phương Đông, coi đó là dấu hiệu của danh dự và tình bạn, Người mời ông một miếng thức ăn của chính mình, nhưng Giuđa vẫn không động lòng và Thánh Sử viết : «Sau miếng thức ăn, Satan nhập vào ông... và Giuđa lập tức bỏ đi. Lúc đó là đêm». (Ga 13, 26-30). Đêm, theo Phúc âm của Thánh Gio-an, là vương quốc của hoàng tử bóng tối, kẻ thống trị thế giới này do sự dữ và tội lỗi thống trị.

Do đó, các tác giả Tin Mừng khẳng định rõ ràng sự tồn tại của Kẻ Ác, nhưng đồng thời họ cũng tuyên bố sự thất bại cuối cùng của hắn và trong thời gian đó, hắn chỉ có quyền lực hạn chế. Chúa Giêsu, khi loan báo cuộc khổ nạn của mình, có thể nói : «Bây giờ là cuộc phán xét thế gian này, bây giờ kẻ thống trị thế gian này sẽ bị trục xuất». Và Người nói thêm: «Kẻ thống trị thế gian này đã bị phán xét rồi.» (Ga 12.31 ; 16.11). Trước cuộc nổi loạn đáng ghét của Satan chống lại Đấng Tạo Hóa của mình, sự vâng phục đầy yêu thương của Chúa Kitô bị đóng đinh đã giành chiến thắng. Để chế thế gian mà Kẻ Cám dỗ đã dám trao cho Người trong sa mạc giờ đây thuộc về Đấng bị đóng đinh được Chúa Cha tôn vinh. Các môn đệ của Người có thể tin tưởng Người,

trong cuộc chiến chống lại tà thần, Người luôn ở bên cạnh họ. Ngay trong lời cầu nguyện lớn lao trước cuộc khổ nạn của mình, Người đã cầu xin Chúa Cha cho họ: «Con không cầu xin Cha cất họ khỏi thế gian - [nguy ý: khỏi thế gian tội lỗi nơi họ phải tiếp tục chiến đấu] - nhưng xin Cha gìn giữ họ khỏi Kẻ Ác» (Ga 17.15).

Các tông đồ biết rõ những nguy hiểm mà ma quỷ có thể gây ra cho các môn đệ của Chúa Giêsu, nhưng họ không sợ hãi. Vì vậy, Phê-rô viết : «Kẻ thù của anh em là ma quỷ, như sư tử gầm thét, rảo quanh tìm kiếm ai đó để nuốt. Hãy chống cự nó, hãy vững vàng trong đức tin» (1 Pr 5.8-10). Phao-lô cũng khuyên chúng ta phải tin cậy : «Thiên Chúa là thành tín, Ngài sẽ làm cho anh em vững vàng và gìn giữ anh em khỏi điều ác» (2 Tx 3.3). Hoặc một lần nữa : «Hãy mặc lấy áo giáp của Thiên Chúa, - [ông ấy nói rõ hơn rằng đó là đức tin và Lời của Thiên Chúa] - để có thể chống lại những trò gian trá của ma quỷ. Vì chúng ta không đấu tranh với xác thịt và máu, nhưng với các linh hồn của sự dữ [...]. Anh em phải mặc lấy áo giáp của Thiên Chúa, để anh em có thể chống cự và đứng vững trong ngày gian ác» (Ep 6.10-13).

Trên thực tế, chúng ta có nhiều điều phải lo lắng về việc trung thành với Chúa Kitô và Tin Mừng của Người,

điều mà Phao-lô gọi là áo giáp của người Kitô hữu, hơn là lo lắng về việc ngăn chặn âm mưu của ma quỷ. Hẳn là Phản Đức Kitô, phản tình yêu. Chúng ta có thể nhận ra sự hiện diện của hắn trong những hành động tàn bạo gây ra các cuộc chiến tranh gần đây và thỉnh thoảng lại tái diễn trên thế giới. Nơi đâu có sự hận thù, khinh miệt, tàn ác, bất công, nơi ấy là ma quỷ. Nhưng nơi nào có lòng bác ái chân thật, hắn không thể vào được. Nếu chúng ta giữ trong lòng mình sự từ chối tình yêu, chúng ta có nguy cơ mở cửa cho những kẻ muốn làm cho chúng ta lìa xa Thiên Chúa và chống lại anh em chúng ta. Vì thế, chúng ta không bao giờ mệt mỗi khi lặp lại: «Xin cứu chúng con khỏi sự dữ, giải thoát chúng con khỏi mọi sự thông đồng với Kẻ Ác, và đem vương quốc của Thiên Chúa đến với chúng con, dạy chúng con biết yêu thương như Thiên Chúa đã yêu thương chúng con».

Hôm nay như hôm qua

Cám dỗ lớn nhất mà Chúa Giêsu cảnh báo các môn đệ của Người là từ bỏ việc tin vào Người và đi theo Người. Bữa chiều trước cuộc tử nạn, Chúa Giêsu nói với các môn đệ đang ngủ : «Hãy tỉnh thức và cầu nguyện, kẻo các con sa vào chước cám dỗ» (Mc 14.38). Trên thực tế, họ đã khuất phục trước sự cám dỗ bằng cách bỏ chạy và thậm chí chối bỏ Người. Sự chối bỏ của Phê-

rô là một dạng chấp nhận sự cảm dỗ vì sợ hãi và hèn nhát, sau khi tự tin vào sức mạnh của mình. Tuy nhiên, Chúa Giêsu không bao giờ mất niềm tin vào tông đồ của mình. Người đã nói với ông: «Si-môn, Si-môn ơi, kìa Xa-tan đã xin được sàng anh em như người ta sàng gạo. Nhưng Thầy đã cầu nguyện cho anh để anh khỏi mất lòng tin. Phần anh, một khi đã trở lại, hãy làm cho anh em của anh nên vững mạnh». (Lc 22.31-32).

Khi Thánh Mát-thêu và Thánh Lu-ca truyền đạt «Kinh Lạy Cha» cho những người Kitô hữu đầu tiên, cuộc bách hại sắp nổ ra và những người không chắc chắn về đức tin sẽ bị cảm dỗ mạnh mẽ khi chấp nhận sự bội giáo. Và đúng là nhiều người không có cùng lòng dũng cảm như các vị tử đạo được tôn vinh trong những thế hệ Kitô hữu đầu tiên. Ngày nay có phải vẫn vậy không? Khi chúng ta nói : «Xin giữ chúng con khỏi sự cảm dỗ», trước hết chúng ta cầu xin Chúa Cha gìn giữ chúng ta khỏi nguy cơ từ bỏ đức tin nơi Chúa Giêsu Kitô.

Mỗi nguy hiểm này không phải là vô ích. Nhiều người đàn ông và phụ nữ được nuôi dạy theo đức tin Kitô giáo đã để cho chủ nghĩa duy vật thực dụng của nền văn minh của chúng ta lôi cuốn mình. Bất chấp những lời kêu gọi đoàn kết và lời hứa về một trật tự quốc tế mới, công lý và hòa bình dường như là điều không tưởng đối

với họ. Và đôi với nhiều người, cuộc gặp gỡ của đau khổ và sự bất công trở thành một cảm dỗ không thể cứu chữa đối với Thiên Chúa.

Nhưng miễn là trong số chúng ta còn có những người đàn ông và phụ nữ có khả năng đưa lý tưởng truyền giáo vào thực tiễn - và không thiếu những người như vậy, dù đã biết hay chưa biết - thì họ cho chúng ta thấy rằng chúng ta có thể không mất đi chỗ đứng. Khi chúng ta kiên trì đọc «Kinh Lạy Cha», chúng ta đang thực hiện một hành động đức tin và cầu xin đức tin. Khi chúng ta cầu nguyện, Thiên Chúa sẽ không để chúng ta khuất phục trước cám dỗ của sự cam chịu và sẽ giải thoát chúng ta khỏi Ác quỷ. Lời cầu nguyện của chúng ta chứa đựng lời kêu gọi hành động, lòng can đảm và sự đấu tranh. Chúa Giêsu đã cảnh báo chúng ta một cách thẳng thắn : «Không phải bất cứ ai thưa với Thầy: ‘Lạy Chúa! lạy Chúa !’ là được vào Nước Trời cả đâu! Nhưng chỉ ai thi hành ý muốn của Cha Thầy là Đáng ngự trên trời, mới được vào mà thôi» (Mt 7.21).

**Vì vương quốc, quyền năng và vinh quang
đều thuộc về Ngài cho đến đời đời vô cùng.**

Amen !

«Kinh Lạy Cha» nhanh chóng trở thành lời cầu nguyện đặc trưng của những người Kitô hữu và họ thích đọc cùng nhau như một lời cầu nguyện cộng đồng. Từ thế kỷ thứ nhất, «Didaché», một sách giáo lý dành cho những người chuẩn bị chịu phép rửa tội, đề xuất nên đọc ba lần một ngày và đọc theo nhóm càng nhiều càng tốt. Văn bản được truyền tải bởi «Didaché» là văn bản của Thánh Mát-thêu, nhưng được mở rộng bằng phần kết luận dưới hình thức ca ngợi vinh quang của Thiên Chúa, được gọi là lời ca ngợi (từ tiếng Hy Lạp «*doxa*», vinh quang). Phần kết này được hầu hết các nghi lễ cổ xưa áp dụng. Phụng vụ La Mã đã mất đi điều đó. Gần đây nó đã được tái giới thiệu thông qua việc cải tiến sách lễ Rôma do Công đồng Vatican II quyết định và thực hiện dưới sự thúc đẩy của Đức Giáo hoàng Phaolô VI. Vào thế kỷ 16, các cộng đồng Tin Lành đã phổ biến cách sử dụng này, vì những người cải cách tin rằng nó là một phần của chính văn bản Thánh Mát-thêu.

Phần cuối ấy đến từ đâu ? Chắc chắn sử dụng mượn từ lời cầu nguyện của người Do Thái. Người Do Thái kết thúc mọi lời cầu nguyện của mình bằng lời ngợi

khen và tạ ơn. Vì vậy, sách đầu tiên của Sách Sử Biên (1 Sb 29.10-14) mô tả Đa-vít, người đã già và sẵn sàng truyền lại sứ mệnh hoàng gia của mình cho con trai mình là Salomon, một hành động tạ ơn có thể trở thành hình mẫu cho nhiều người khác :

«Chúc tụng Chúa, là Thiên Chúa của Israel,
Cha chúng ta, mãi mãi và đến muôn đời !
Lạy Chúa, sự vĩ đại, sức mạnh, sự huy hoàng,
sự tồn tại và vinh quang của Ngài đều thuộc về Ngài
cho tất cả mọi thứ trên thiên đàng.
và trên trái đất.

Lạy Chúa, vương quốc thuộc về Ngài :

Ngài được tôn vinh cao hơn tất cả.

Sự giàu có và vinh quang sẽ đến trước bạn,
bạn là chủ nhân của mọi thứ;

trong tay Chúa có sức mạnh và quyền năng ;

Bạn có thể nâng đỡ và củng cố bất cứ ai.

Vào giờ phút này, lạy Chúa,

chúng con ngợi khen Chúa ;

chúng con ca ngợi danh thánh vinh quang của Ngài!

[...]

Bởi vì mọi thứ đều đến từ Ngài

và chính từ tay Chúa mà chúng tôi đã trao cho Ngài».

Sự tự phát vui tươi tương tự cũng được tìm thấy trong lời tôn vinh cuối cùng của Thi thiên 106, gọi lên toàn bộ lịch sử đầy biến cố về mối quan hệ giữa dân Israel và Thiên Chúa của họ:

Chúc tụng Chúa là Thiên Chúa của Israel
từ muôn thuở đến muôn đời !
Và toàn dân sẽ nói: Amen ! Alleluia !

Hoặc phần cuối của Thánh vịnh 89 : «Đáng ngợi khen Thiên Chúa đến đời đời ! Amen ! Amen !»

Vậy đi hay Amen ?

Lời cầu nguyện ngợi khen ngắn nhất và nổi tiếng nhất cho đến ngày nay chỉ bao gồm một từ tiếng Do Thái duy nhất : «amen». Thật không may, vào thế kỷ 16, câu này đã được dịch thành «Vây si», đặc biệt là trong cuốn Kinh thánh nổi tiếng của Isaac Le Maitre de Sacy, cuốn sách có ảnh hưởng đáng kể đến người Công giáo. «Vây đi» thể hiện sự cam chịu đầy tôn trọng, trong khi «amen» phải là tiếng kêu ngưỡng mộ và vui mừng : đúng vậy, vững chắc, chúng tôi đồng ý !

«Amen» phản ánh thái độ của các cận thần vô cùng kính trọng đối với Vua Louis XIV, người chỉ được gọi là «Bệ hạ». Đồng thời, mọi người có thói quen nói về

Thiên Chúa nhưng lại tránh phát âm tên của Ngài ; ví dụ, trong nhà hát cổ điển, chúng ta nói về Thiên đàng, và trong khi rao giảng, chúng ta nói về Đấng tối cao, hoặc Đấng toàn năng, vô tình mang theo thái độ của người Do Thái mà chúng ta đã lưu ý ở trên. Từ «ngài» lịch sự cũng được đưa vào cách đọc phổ biến, trong khi từ phiên bản tiếng Pháp đầu tiên được biết đến, có niên đại từ thế kỷ 19, từ «anh» đã được sử dụng. Điều này chỉ được người Tin Lành bảo tồn, có lẽ một phần vì muốn phân biệt mình với người Công giáo, một phần vì trung thành với văn bản gốc. Nói tóm lại, trong một bầu không khí khắc khổ của chủ nghĩa Jansen, chúng ta làm mọi cách để quên đi niềm vui tuôn trào từ tiếng «amen» chỉ được duy trì trong phụng vụ La tinh và giờ đây chỉ còn là tiếng lấp bắp của những người giúp lễ hoặc tiếng hát của các ca đoàn hùng hậu nhưng không thể tiếp cận được với giáo dân trong các giáo xứ.

Mong rằng những người Kitô hữu ngày nay, khi nói hoặc hát «amen», sẽ tìm lại được hương vị và sức sống ban đầu của nó !

Nhờ Chúa Giêsu Kitô Thiên Chúa được vinh quang !

Trong các lá thư của các tông đồ thường thấy những kết luận dưới dạng lời tôn vinh. Do đó, người đọc được ngầm mời chuyển từ việc đọc và giảng dạy giáo lý hoặc

truyền miệng và thực hành sang cầu nguyện. Chẳng hạn, Phao-lô kết thúc bức thư tuyệt vời và khó hiểu gửi cho người Rô-ma bằng một hành động tạ ơn tràn đầy niềm vui Phục sinh : «Kính dâng Đấng có thể làm cho anh em vững vàng, theo Tin Mừng mà tôi rao giảng trong Chúa Giêsu Kitô [...], Thiên Chúa là Đấng duy nhất khôn ngoan, nguyện vinh quang thuộc về Ngài đời đời vô cùng ! A-men !» (Rm 16, 25, 27).

Do đó, có thể hiểu được tại sao những người Kitô hữu đầu tiên đã thêm vào, theo truyền thống Do Thái mà họ thừa hưởng những lời tung hô vui mừng, lời cầu nguyện của Chúa, phải thừa nhận là kết thúc theo cách khá đột ngột và nghiêm khắc với việc đề cập đến Kẻ thù, Ác quỷ. Có thể chính Chúa Giêsu đã sử dụng một lời tôn vinh nổi tiếng của người Do Thái để kết thúc lời nguyện của mình và điều này không phải do Thánh Mát-thêu chép lại vì nó được coi là điều hiển nhiên trong cộng đồng Do Thái. Chúa Giêsu cũng đã nêu gương về lòng biết ơn : «Lạy Cha là Chúa Tể trời đất, con ngợi khen Cha, vì Cha đã giấu những điều này với bậc khôn ngoan thông sáng, nhưng lại mặc khải cho những người bé mọn. Vâng, lạy Cha, đó là sự lựa chọn của tình yêu Cha !» (Mt 11.25-26). Và trên hết, lời cầu nguyện lớn mà Chúa Giêsu đã tuyên bố vào buổi tối cuối cùng của cuộc sống trần thế của Người (Ga 17) tự trình bày hoàn

toàn như một lời tôn vinh long trọng, pha trộn với lời khẩn cầu dành cho các môn đệ của Người : «Lạy Cha, giờ đã đến, xin hãy tôn vinh Con Cha, xin hãy để Con Cha tôn vinh Cha !»

Noi gương thầy mình và các tông đồ, những Kitô hữu đầu tiên muốn khẳng định niềm vui của mình khi biết rằng Người đã chiến thắng sự chết và đã bước vào vương quốc của Cha Người, cũng như niềm hạnh phúc khi biết rằng họ được mời gọi theo Người đến đó. Niềm vui này, một tiếng «amen» thôi là không đủ để diễn tả, đặc biệt là khi theo phong tục của người Do Thái, không bao giờ thêm «amen» vào tên của Kẻ bị nguyên rủa. Những người Kitô hữu đầu tiên cũng tránh sự gằn gỏi khó chịu này : tiếng reo vui như «amen» không thể theo ngay sau tên gọi tượng trưng của mọi nỗi buồn. Và không bao giờ có thể tin rằng người Kitô hữu lại nói «amen» với quỷ dữ ! Phải đến những bản dịch không may mắn vào thế kỷ 17 thì cụm từ «thôi được» mới được thêm vào từ Ác quỷ.

Lời tôn vinh tuyệt đẹp này dần dần được hình thành vào thế kỷ thứ 2 và thế kỷ thứ 3, đến mức được đưa vào một số bản thảo lâu đời nhất của Tin Mừng, đã đáp ứng nhu cầu kết thúc rõ ràng mọi lời cầu nguyện bằng sự tôn vinh Thiên Chúa. Các điều khoản được lấy lại từ

những ước nguyện đầu tiên trong lời cầu nguyện của chúng ta : «Vì vương quốc, quyền năng và vinh quang đều thuộc về Chúa». Vương quốc gợi nhớ đến «nước Chúa trị đến» ; quyền năng gợi lên Thánh ý Chúa ; vinh quang kéo dài «Danh Chúa cả sáng.»

«Đời đời» cũng là một công thức có nguồn gốc từ Do Thái, tương đương với «dưới đất cũng như trên trời», vì thiên đàng không có giới hạn về không gian hay thời gian. Hàng thế kỷ cũng gợi lên sự sống vĩnh cửu, sự sống mà Chúa Giêsu đã nói : «Amen, amen, Ta bảo các ngươi, ai nghe lời Ta và tin vào Đấng đã trao cho Ta sứ mệnh thì có sự sống vĩnh cửu, người ấy đã từ cõi chết bước vào sự sống !» (Ga 5.24). Và chúng ta nhớ đến lời hứa của Người : «Ta sẽ không để các ngươi mồ côi, Ta đến cùng các ngươi. Còn ít lâu nữa, thế gian sẽ không còn thấy Ta nữa. Nhưng các ngươi sẽ mặc lấy Ta, vì Ta sống, thì các ngươi cũng sẽ sống» (Ga 14.19-20).

Chúng ta phải vui mừng vì lời tôn vinh này, vốn đáng buồn bị ẩn giấu trong phụng vụ của Giáo hội Công giáo cũng như trong lời cầu nguyện riêng của các tín hữu, đã tìm được một vị trí bình thường trong việc cử hành Thánh lễ được Đức Phaolô VI đổi mới và do đó trong lời cầu nguyện thường lệ của người Công giáo, lời cầu nguyện cá nhân và riêng tư, cũng như lời cầu nguyện gia

đình hoặc cộng đồng. Sự hoàn trả này là một dấu hiệu đại kết rõ ràng vì nó được cả những người Tin Lành từ nhiều cộng đồng khác nhau và tất cả những người theo Chính thống giáo sử dụng. Nhưng đó cũng là biểu hiện của sự giàu có về mặt tinh thần mà việc khám phá lại phải trở thành nguồn vui cho tất cả mọi người.

Lời cầu nguyện nhận được từ Đấng Cứu Thế

Trong nghi lễ cử hành Thánh Thể, phụng vụ giới thiệu lời cầu nguyện «Kính Lạy Cha» với công thức kép, có thể sử dụng một trong hai công thức. Đầu tiên là : «Vâng lệnh Chúa Cứu Thế và theo thể thức Người dạy, chúng ta dám nguyện rằng». Công thức nhắc lại rõ ràng nhờ cách sử dụng danh xưng Đấng Cứu Thế rằng nếu không có Chúa Giêsu, chúng ta sẽ không có danh hiệu thực sự để gọi Thiên Chúa là Cha của chúng ta và do đó không thể bước vào sự quen thuộc với Người. Công thức cũng nói với chúng ta một lần nữa rằng chính từ Chúa Giêsu, chúng ta có được sự táo bạo kỳ diệu này để dám gọi Thiên Chúa là Cha. Cuối cùng, điều này giúp chúng ta nhớ rằng toàn bộ cuộc sống của một Kitô hữu là sự vâng phục tự do và vui tươi đối với lệnh truyền lớn của Chúa Giêsu, bởi vì chỉ có một và đó là lệnh truyền mới: «Hãy yêu thương nhau như Thầy đã yêu thương các con». Đọc «Kính Lạy Cha» là bước vào một cuộc sống

mới, cuộc sống của những người con Thiên Chúa được quy tụ bởi tình yêu của Chúa Kitô Cứu Thế.

Công thức thứ hai đến với chúng ta từ sự đổi mới phụng vụ được thực hiện sau Công đồng Vatican II : «Hiệp nhất trong cùng một Thánh Thần, chúng ta có thể tin tưởng đọc lời cầu nguyện mà chúng ta đã nhận được từ Đấng Cứu Thế.» Công thức cũng nhắc lại sứ mệnh của Chúa Kitô đối với con người bằng cách ban cho Người danh hiệu Đấng Cứu Thế. Nhưng công thức thêm vào đó việc đề cập đến Chúa Thánh Thần, Thánh Thần này được Chúa Kitô phục sinh sai đến để xây dựng Giáo hội của Người và biến Giáo hội thành một dân tộc anh em. Chính Thánh Thần ban cho sự hiệp nhất của những người đọc lời cầu nguyện đã nhận được từ Chúa Giêsu và, trong bối cảnh của lễ cử hành Thánh Thể, chuẩn bị cho họ để hiệp nhất với Người và với nhau bằng việc tham dự vào thân thể và vào máu của Người đã hiến dâng cho muôn người. Chính Chúa Thánh Thần, như Thánh Phaolô nói, kêu lên trong lòng các Kitô hữu: «Abba, Cha ơi !» Vào lúc cùng nhau đọc «Kinh Lạy Cha», trong cử hành Thánh Thể, chúng ta lặp lại những lời được Chúa Giêsu, Con một Thiên Chúa, truyền lại, chúng ta lắng nghe Chúa Thánh Thần dạy chúng ta yêu thương, chúng ta đứng lên hướng về Chúa Cha với lòng tin tưởng trọn vẹn.

Vì vậy, «Kinh Lạy Cha» tóm tắt mọi hy vọng của người Kitô hữu khi họ nhận ra đức tin của mình yếu đuối. Họ hy vọng sẽ bước vào mầu nhiệm tình yêu của Chúa Ba Ngôi với niềm vui tuyệt vời. Họ hy vọng vào hạnh phúc được hứa ban khi Chúa Cứu Thế giáng lâm vinh quang. Họ hy vọng vào sự thiết lập vương quốc hòa bình, công lý và tình yêu, sự thành lập của thành Giêrusalem mới, nơi Thiên Chúa ngự giữa loài người, nơi không còn nước mắt, tiếng than khóc, đau đớn và cái chết nữa. Và đoàn người đông đảo không ai có thể đếm được, từ mọi quốc gia, chủng tộc, dân tộc và ngôn ngữ, sẽ kêu lớn lên :

Sự cứu rỗi của Thiên Chúa chúng ta,
 người ngồi trên ngai vàng, cũng như Chiên con !
 Amen ! Lời ca ngợi, vinh quang, sự khôn ngoan,
 tạ ơn, danh dự, quyền năng và sức mạnh
 cho Thiên Chúa chúng ta đến đời đời kiếp kiếp !
 Amen !

(Kh 7.10-12)

Khi đó, mọi người sẽ có thể thực sự đứng trước mặt Thiên Chúa như một người con trước mặt Cha mình và nghe Ngài nói với mình : «Con ơi, tất cả những gì trong Ta đều ở trong con !»

Chúng ta đọc «Kinh Lạy Cha» như thế nào ?

Đừng để kinh bị phá hỏng bởi thói quen, sự lặp lại, sự nhàm chán... Đó là lời cầu nguyện duy nhất do chính Chúa Giêsu ban ra, là lời cầu nguyện của các tông đồ, là lời cầu nguyện của Giáo hội, là lời cầu nguyện của tất cả các Kitô hữu. Đó có thể là lời cầu nguyện của đám đông và của toàn thể nhân loại.

Những ai đọc «Lạy Cha chúng con» được kêu gọi suy ngẫm, lật đi lật lại trong tâm trí Lời Chúa này, để cân nhắc hết sức mạnh của Lời, để đối diện và đấu tranh với Lời. Vì giống như mọi Lời của Thiên Chúa, Lời Chúa sống động, hiệu quả, sắc bén như gươm, có thể phán đoán tư tưởng và tấm lòng. Đọc «Kinh Lạy Cha» một cách sáng suốt sẽ cam kết một cuộc sống được biến đổi theo hướng tốt hơn và cho phần khó nhất thông qua cuộc gặp gỡ với Chúa Giêsu Kitô và Tin Mừng của Người.

Mỗi câu trong «Kinh Lạy Cha» đều được so sánh với những câu gốc Do Thái và có phần mở rộng trong các sách Tin Mừng và lời dạy của các tông đồ. Bài suy niệm không chỉ trình bày một phương pháp cầu nguyện, mà còn là một giáo lý Kinh Thánh mới về căn tính Kitô giáo và sự tham gia vào mầu nhiệm vượt qua của Chúa Kitô. Việc cầu nguyện như những người con của Cha

trên trời thúc đẩy chúng ta chiến đấu để giải thoát anh chị em mình khỏi mọi điều ác và dẫn chúng ta đến niềm vui trong hy vọng về vương quốc của Ngài trên trái đất cũng như trên thiên đàng.